

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Hà Thúc Sinh (II)

#### Tiểu sử

Sinh ngày 7.7.1943 tại Thanh Hóa.  
Hiện định cư tại Hoa Kỳ.

#### Tác phẩm

Văn: Đại Học Máu (ký, 1985) Chị Em (truyện dài, 1988). Ông H.O. (tập truyện, 1993), Cố Hương (tập truyện, 1994). Dưa Cà Mắm Muối (tập truyện, 1996)  
Về (tập truyện, 1996), Đêm Hè (tập truyện, 1997).



### Mục Lục

#### Phố Tàu – 2

Hà Thúc Sinh, chân dung thi sĩ – Nguyễn Mạnh Trinh - 8

#### Người tù – 13

Hà Thúc Sinh: Cuộc hành trình nửa thế kỷ thơ - Trần Văn Sơn - 15

#### Phở Hách – 25

#### Phụ đính:

Cố hương - Truyện cũ – Lạc nhau  
Bên thềm - Đêm hè – Mẹ đất – Đò đóc  
Lan man chuyện qua tàu

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Phố Tàu

Khác mấy năm trước, năm nay quán phở Ly Hương ế hẳn dẫu vào mùa lạnh. Trước có tuần quán mở đủ bảy ngày, nay lắm khi nghỉ đến hai ngày. Những ngày nghỉ như thế, ngoài việc sổ sách, thu dọn thông thường, Tuệ chỉ còn cái thú đánh cờ.

Hôm nay đầu tuần quán lại mở. Tuệ ngồi sau quầy liếc qua tờ báo. Mẩu tin Trung cộng làm tới trong vịnh Bắc Việt không ngờ tụt nơi óc hẳn hơi lâu. Chẳng biết ván cờ này sẽ đi tới đâu, hẳn ơ hờ tự hỏi. Mà mình có yêu nước không cà? Ô, đã bao lâu có bao giờ óc hẳn lại nảy ra một câu hỏi lạ lùng như thế? Hẳn không lưu tâm đến đất nước như những người khác, mang sự hiểu biết sâu xa rằng mỗi người là một con ốc của toàn thể bộ máy làm nên lịch sử, và khi vì lý do nào một phần bộ máy lịch sử đổ xuống, những con ốc văng ra, thì hẳn tự khiêm tốn thấy mình chỉ là một con ốc an phận, không có được cái đau buốt và tủi hờn thống thiết như những con ốc khác. Có thể hẳn cũng yêu nước nhưng giản dị hơn, nếu không thế chắc hẳn đã bị thằng Sính thuyết phục, đặt cho quán phở một cái tên gì đó vui vẻ hơn, hứa hẹn hơn, lạc quan hơn ngay từ buổi đầu.

Tuệ gấp tờ báo với chút thoải mái thấy mình còn nhớ đất nước có chán vạn những Phù Đổng Thiên Vương.

Tuệ nhìn qua dãy bàn vắng. Cửa kính chạy hết mặt tiền. Tháng Mười mặt trời lặn sớm mọc sớm. Ngồi trong quán hẳn có thể thấy đường Valley đã nhuộm một màu nắng mù mù. Xa xa dưới chân đồi, góc mặt, một vệt siêu lộ 710 uốn cong trông giống cái lưng rắn đầy lân tinh. Xa hơn tí nữa một tầng Los Angeles với nhà cửa như tổ chim leo núi. Hẳn thu tầm nhìn lại. Những cửa tiệm bên kia đường còn treo bảng "Closed" gợi cho hẳn một cảm giác yên tâm vô cớ. Hẳn ngó ngang bắt gặp chính mình trong tấm gương lớn, gắn trên vách, gần chỗ thu tiền mà Ái Hoa vẫn ngồi. Đôi vai hẳn như sụm xuống trên tấm thân kèn càng mệt mỏi. Khuôn mặt chỉ là chỗ ứ đọng của một chuỗi thời gian thiếu nắng. Hẳn buột miệng hỏi bạn: "Chịu sự vô ơn nhất là những thằng bán quán, mày đồng ý chứ?"

Sính - thằng bạn trẻ hơn Tuệ đến gần con giáp - đang tẩn mẩn, chăm chỉ đổ tương ớt từ một bình lớn sang những lọ nhỏ. Dáng dấp nó gầy còm, chịu đựng. Đôi bàn tay nó xương xẩu, luôn luôn bị cánh tay áo quá dài tụt xuống quấy nhiễu. Thịnh thoảng nó ngửa cổ ra sau, gồng mạnh, nghe những khớp xương kêu như lươn tuốt. Sính vẫn yên lặng.

"Mày đồng ý chứ?" Tuệ lặp lại và sẵn tờ báo hẳn đập một cái bốp trên mặt quầy, chửi: "Mà cha cái chung cư. Tàu tiến đến đâu ruồi bầu đến đấy!"

"Ừ há, đồng ý đó, khi không lại nhiều ruồi. Mà có ruồi là có nhiều người."

Tuệ nhìn Sính. Hẳn có cảm tưởng bạn hẳn đưa lộn gói thuốc lá cho một khách hàng muốn một ly nước đá.

Hẳn cần nhân:

"Tao đang nói tụi mình là những thằng bạc phước!"

"Tui chống gì hia? Ừa, mình bạc phước."

"Lớp này qua đi lớp khác đến. Họ được phục vụ những tô phở thơm ngon và tình cảm sau đó chết lạnh lùng theo đồng tít vút lại. Hết, không còn gì, không đứa nào còn nhớ đến mình!"

"Từ sáng có mấy trự sao gọi lớp lớp? Và tui cũng không thấy tiền típ."

"Thì tao đã bảo không đứa nào nhớ đến mình!"

Sính quơ mạnh hai tay, la làng:

"Ruồi tăng viện. Nhưng đừng đập. Có nhiều ruồi là có nhiều người. Đóng cái cửa sau lại thôi hia!"

Tuệ lười biếng tụt khỏi chiếc ghế cao. Hắn ra sau đứng nhìn bãi đậu xe hoang vắng như cái nghĩa địa. Mặt trời u ám nhìn xuống những bờ cỏ bị sương muối nhuộm úa. Một hàng rào sắt dựng ngay sau quán phở. Cứ nhìn dãy hàng rào hắn lại đau. Hắn không trốn được cảm giác nó tựa một nhát dao phay thô bạo, chém đứt phần đuôi đẹp đẽ và cần thiết của một con công là quán phở của hắn.

Bốn năm trước Tuệ và Sếnh xuất ra hơn bốn chục ngàn sang quán phở này. Thật là bực, lão luật sư đồng hương làm ăn như thế! Chẳng biết lão có thực thông tiếng Anh không, hay ầu, mà sau khi tham khảo giấy tờ đã bảo hắn “Ký được rồi!” Thế là ký. Nhưng chỉ tháng sau quán phở đã ký cái hợp đồng năm năm của hắn mang đại họa. Lão Wilson có bộ mặt to như cái rế nhuộm phẩm, chủ cửa tiệm bán bàn ghế ế ẩm ngay cạnh kê luật sư của lão tổng đạt cho quán phở một thông báo, xác nhận bãi đậu xe phía sau là thuộc quyền sử dụng của tiệm Wilsons Furniture, không phải của quán phở. Thằng Sếnh xem xong tờ thông báo với lời đe dọa kiện tụng gào lên như cha mẹ trúng phong. Thế là quán phở chỉ còn tí lều đường làm chỗ đậu xe cho khách. Mở quán ở Mỹ như vậy là từ bệnh xá ra bệnh viện, từ nhà xác ra nhà quan. Nhưng phép lạ nào đã giúp quán Ly Hương sống gần hết cái hợp đồng? Hắn mơ ước một phép lạ thứ hai cho hắn thu về số vốn đời. Hắn thở dài, nhìn trời mây như chờ bàn tay một đấng vô hình sẽ thò xuống lôi gánh nặng này khỏi vai hắn.

Tuệ đóng sập cửa lại khi mắt đập vào mấy dãy chung cư. Hắn như thấy trước mắt một khu gia cư đầy những thùng rác tràn ra ngoài và ruồi bâu như rải đậu đen. Những tên đàn ông mặc áo thun lá pho cái bụng to như dưa chết trương, mồm đầy mỡ béo; và những phụ nữ đàn bà mặc áo nhiều khuy, tóc cắt ngang mang tai, mặt đèn dẹt, mắt xènh xếch với cái mồm chỉ quen nhỏ bậy. Đồi ba năm trước mấy dãy ấy còn đầy Mỹ, Mễ, giò toàn đầu đen; mà lũ đầu đen mới này không biết phở, chỉ biết hủ tít, hoành thần mì. Họ là đám Tàu Hương Cảng, đã bán xới mọi thứ chạy lấy người. Họ nổi nhau tấp vào vùng này từ những năm 79, 80, và đến nay mức độ vẫn tiếp tục gia tăng để biến miền đông Los Angeles thành một phố Tàu thứ hai, có thể xoá mờ hình bóng phố Tàu cũ mà từ quán phở chạy về hướng Tây mười phút xe là tới.

Những năm đầu thập niên 80 người Tàu Chợ Lớn và đồng hương của Tuệ còn tung hoành vùng này. Đến nay thì dọc những đường cái như Main, Valley, Garvey, chạy suốt qua các thành phố Alhambra, Monterey Park, San Gabriel, El Monte..., các dịch vụ, nhà cửa gần như đều nằm dưới sự khống chế của người Tàu Hương Cảng và Đài Loan. Người Việt chạy làng. Những đồng minh không ký kết của hắn giờ còn sót lại vài chị làm móng tay, sửa quần áo; vài anh bác sĩ, luật sư; vài tờ báo Việt ngữ và lũ bán phở như hắn.

“Chắc mình chết, chết đứ đừ!”

“Tui ghét ai nói chết. Bộ hia không thắng tui hoài bằng cái nước thí xe đó sao? Sống chứ, phải sống chứ!”

“Thì mày sống mình mày.”

“Không có hia tui sống với ai?”

“Thật hay giỡn đó mày, Sếnh?”

“Thiệt đó.”

“Vậy mày phải biết lo cái lo của tao chứ!”

“Bộ bốn năm qua tui bỏ chạy sao hia?”

“Ê mày, bộ sống hôm qua là sẽ sống ngày mai sao mày?”

“Hồi năm mình sang cái này, bộ hia có nghĩ mình sống tới giờ? Mình chiếu nhiều thằng cũng bị thấy ông thấy bà.”

“Lúc đó khác, giờ khác.”

“Trời, hia làm như ngày mai nước Mỹ biến thành nước Mễ!”

“Nhưng cái chỗ này biến thành nước Tàu, mày hiểu không; thành nước Tàu là tao với mày treo mồm ra sau gáy!”

“Sao hia kỳ thị chủng tộc quá trời trời. Bộ mình không là người Tàu sao hia?”

Tuệ nén cơn sùng trong bụng. Có bóng người chập chờn phía trước.

“Dám có khách đây mày, Sếnh!”

“Khách vô mình hầu, lo chi.”

Cánh cửa trước hé mở. Một khuôn mặt đen như nhọ nời thò vào một nửa, e dè.

Sếnh la:

“Đ.m. không có gì hết! Hôm nay không có gì hết!”

Tuệ nạt ngang:

“Kệ nó mày.” Và hấn ngoắc: “Jack, vào đây, Jack!”

Tên Mỹ đen đã lọt qua cửa, phô tròn cái chân dung râu ria, đen đũi và rách như tổ đĩa của một tên vô gia cư.

“Chào ông chủ!” Gã lễ phép nói.

Sếnh thấy lúc này thái độ bất can thiệp là khôn ngoan hơn cả. Nó lẳng lặng trở lại với công việc và ý nghĩ Tuệ là một thằng điên chập chờn trong đầu. Giả điên, đúng thế, giả sắp hoá điên!

Tuệ hỏi:

“Cà phê chứ, Jack?”

“Dạ thôi, cảm ơn ông chủ.”

“VẬY MÀY CẦN GÌ?”

“Tìm ra thằng ném đá vỡ kính xe ông rồi.”

“À, ai?”

“Con ông tiệm mì Lees bên kia đường.”

“Sao mày biết?”

“Tụi nó nói với nhau, tụi nhỏ ấy mà.”

“VẬY TAO LÀM GÌ ĐƯỢC?”

“Dạ, không làm gì được. Mấy thằng nhỏ nghịch ngợm. Ông không làm gì được.”

“Tao sẽ sang nói với cha nó!”

“Ông không có bằng chứng, ông chủ.”

“VẬY TAO LÀM SAO?”

“Tôi sẽ canh chừng cái xe cho ông.”

“Mày ăn gì không?”

“Hôm nay thì không, ông chủ. Nhưng nếu có một điều thuốc...”

Tên Mỹ đen rón rén rút lui sau khi nhận một điều thuốc của Tuệ.

Thằng Sếnh la lên:

“Mỗi khi nó vô hôi lây mọi thứ. Mùa nóng mười phút mùa lạnh hai mươi phút.”

Tuệ phát chữi thề:

“Đ.m. không có nó chưa chừng mình đã không sống mà giạt đến đây.”

“Hia thiệt kỳ. Thằng homeless...”

“Nhưng nó là chiến hữu của tao. Lính sư đoàn 1 Kỳ Bình Hoa Kỳ đó mày!”

“Không làm ăn gì, chỉ ăn cắp, phi bạch phiến.”

“Kệ nó. Nước Mỹ phản nó nó có quyền bồi nhọ nước Mỹ. Mà sao mày không nghĩ mày đã chiếm một chỗ của nó ở đây? Mày kỳ thị quá trời. Tao yêu được mọi thứ. Tao chỉ ghét kỳ thị.”

“Hia không chửi người Tàu đó sao? Mình cũng là người Tàu mà.”

“Im mồm mày. Tao là người Việt, tao không phải người Tàu, đồ ngu!”

“Người ta nói người Việt cũng từ nước Tàu đi xuống...”

“Rồi mày sang tới đây mày là người Mỹ?”

“À há, nhưng sao hia ghét người Tàu?”

“Tao đâu ghét người Tàu mày. Nhưng để họ xấp tới gần thì tao cũng chết mà mày cũng hết thờ!”

“Chặc chặc, không hiểu gì.”

“Thôi im đi, không hiểu thì im đi.”

“Nhưng sao hia thương tui?”

“Chà, mà nói nghe bảnh. Sao mà biết tao thương mà?”

“Hia đỡ đàn tui bên đảo. Sang đây hia điệu tui từ Minnesota về sống với hia. Hia rủ tui làm đủ thứ nghề. Vốn tui chút xíu xiu xiu hia vẫn cho tui hùn hạp mở quán. Tiền bạc hia giao tui chi. Bộ không thương mà vậy sao hia?”

“Mày đẻ ở đâu vậy mà?”

“Bạc Liêu.”

“Hồi đó mày ăn gạo Quảng Đông hay Quảng Tây há?”

“Giờn hoài, xứ Bạc Liêu tui... Mà hia hỏi chi vậy?”

“Thì mày đẻ ở nước tao, mày ăn gạo nước tao, mày nói tiếng nước tao, ông bà mày chết chôn trên đất nước tao; vậy mày muốn tao coi mày là người Việt, hay coi mày là người Tàu Minh Hương?”

“Hia phức tạp quá xá trời!”

“Nhưng mày chưa trả lời tao.”

“Thì người Việt.”

“Vậy đó. Vì sao tao sống với mày là vậy đó!”

“Không hiểu gì.”

“Thôi, im đi nếu mày không hiểu, nhưng tao cấm mày không được nói người Việt là người Tàu. Mày nói lần nữa tao với mày bẻ gánh.”

Im một lát, Sếnh lại hỏi:

“Mà sao lóng rày Ái Hoa nó không gọi tới cà, không dứt khoát gì vậy cà?”

“Cho nó đi luôn!”

“Hia lúc này sao đó, nóng quá xá cỡ. Ái Hoa nó điệu quá xá trời. Nó chăm chỉ, sòng phẳng. Và hia... hề hề... Nó cũng người Tàu.”

Tuệ im lặng. Nói “cho nó đi luôn” là nói bảnh đấy thôi. Hấn đang nghĩ tới Ái Hoa với chút ngổn ngang của tình cảm. Hấn không rõ mình giận hay ghét, cần hay không cần Ái Hoa; và cũng không dứt khoát được hành động nào phải có nếu tình cảm ấy đã phân định xong.

Hai năm trước Ái Hoa đến xin việc. Lúc ấy quán của Tuệ còn khá lắm, vì trong vùng phở hấn ngon, lại chưa có sự cạnh tranh ráo riết của những quán phở đồng hương. Ái Hoa làm thu ngân viên kiêm quảng cáo viên. Nàng lòi được bộn đấm Tàu Chợ Lớn đến quán và dạy cho họ cách mê phở.

Ái Hoa không đẹp nhưng lẳng, phải nói thế. Cô nàng hay diện đầm ngắn và thẳng Sếnh từng cam đoan với Tuệ “Ở trông thứ thiệt không hà!” Mà thật là thiệt! Sau một thời gian ranh giới chủ thợ biến đi, trừ mấy bà rửa bát bán thời gian không kể, còn Tuệ, Sếnh và Ái Hoa xử với nhau như bộ ba tướng sĩ tượng. (Ai cũng độc thân, không gia đình trên xứ Mỹ, không kéo về sống chung một nhà đã là khó hiểu.) Tiền bạc rủng rinh, đại gì Tuệ không nói thêm một tí cho cái lẳng của cô gái hai dòng máu chạy tuốt luôn tới cái giường?

Chiếc giường không phân biệt màu da và hiểu được mọi thứ tiếng. Bên Ái Hoa Tuệ quên hết hình ảnh những mụn xằm tóc cắt ngắn, mắt xếch, chuyên nhỏ bậy. Mùi thơm từ cổ tay tới nách, từ lưng xuống đùi Ái Hoa tẩy hết mùi hôi ở những dãy chung cư lấm ruồi. Ái Hoa có lối chiều chuộng của nhiều phụ nữ tình tứ gộp lại; có những quăn quại không phải để hấn áy náy lơ tay, mà để hấn hung hấn đi sâu hơn nữa vào một thế giới đầy hoa quả, trong đó hấn hậm hực tiếc mình không có sức ngấu ngiến nhiều hơn.

Trên con đường dẫn tới đỉnh Vu Sơn, mới đầu Tuệ chỉ ngập ngừng dẫn Ái Hoa chui vào một motel để cùng chia sẻ một ngọn lửa bén nóng trong quần áo. Ngọn lửa lâu dần thành đấm

cháy, nhưng hẳn chẳng còn ngại gì khi cần chuyển đám cháy về tận phòng riêng. Lâu nay, vào những ngày nghỉ trong tuần, sau khi tính toán sổ sách và nhân lúc thảnh Sính kiếm chuyện đi mua thêm gia vị, rau thơm dự trữ, hai đũa đã có phen táo bạo châm luôn ngọn hoả diêm sơn ngay dưới gầm quày. Họ tốc chiến trước đôi mắt nhắm rịt vì gương của lão ông Địa toé toét; và mấy ngọn đèn đỏ lờm trên bàn thờ ba Ông của thàng Sính cũng lu hắt đi, như ngại làm những bậc thần linh chướng mắt.

“Dờ quá hà...”

Đứa cháu gái mấy đời của bà Từ Hy thường khi gói ghém lại đồ đạc lẳng lơ chế giễu.

Hắn chống chế:

“Thì đã bảo cuối tuần...”

“Nó... n... g... u... ộ... i...!”

“Cuối tuần nữa nhá?”

“Thiệt... ừa...”

Thế là cái thú thắng cờ tướng thàng Sính đã chuyển sang cái say thua cờ người với Ái Hoa. Những lúc nằm gác chân rít thuốc lá hẳn ơ hờ nghe Ái Hoa kể chuyện đời, chuyện vì đâu nàng không thiết có một đời sống bình thường. Đã có phen hắn nghi nghi ngờ ngờ. Có cô gái lẳng nào mà lại không có một nguyên do chính đáng để bào chữa? Ái Hoa kể rằng trong chuyến vượt biển nàng kẹt trên hoang đảo, và ở đó biến thành đàn bà.

Tuệ chia sẻ cho có:

“Ồ, bọn Thái khốn kiếp!”

“Không, không phải vậy, không phải Thái Lan. Để Hoa kể cho nghe. Khi ghe chìm, cả nhà Hoa chết ráo, chỉ còn mấy người sống sót tấp vào hoang đảo, Hoa đã bị... củ ruột...”

“Í trời!”

Tuệ “í trời” không hẳn vì sự nghiêm trọng của câu chuyện mà hình như vì tò mò. Đầu hắn lại có dịp dõ theo một tên Tàu có cái bụng thô bỉ, tóc bờm xồm cứng như lông ngựa, có cái mặt tròn nhẵn, đôi mắt ngầu ngầu và hai hàm răng thưa vàng cạch nhựa thuốc phụ hoạ cho tiếng cười khả ố dâm dật.

“Có một ông Việt Nam đã oánh củ bị thương và bảo vệ Hoa lên tới Trengganu. Trước Hoa không ưa người Việt. Chết ạ, ông già oánh chết ạ. Nhưng từ đó thương trai Việt. Ái Hoa có... hư lắm không?”

Tuệ cười bối rối, rồi ồm ờ:

“Làm tròn bổn phận làm người, sao gọi là hư?”

“Bộ vậy vậy cũng là bổn phận đó hả?”

“Chớ sao không!”

“Vậy là mình làm bổn phận, chử nghe ngộ ha!”

Nhưng hai tháng trở lại đây không còn gì ngộ nữa. Ái Hoa nghĩ việc thường xuyên. Nàng bỏ mặc luôn ngọn Vu Sơn cho Tuệ độc toạ.

“Chắc là quán ế ẩm, cổ buồn.” Thàng Sính thở dài: “Cổ không nở lấy trọn tiền típ như mình đã cam kết nữa.”

Sính đã làm xong công việc đổ lọ qua chai đổ chai qua lọ, đứng lên, vươn vai, lưng lại kêu rôm rốp như lươn tuốt. Nó bỏ vào trong, tiếp với cái giọng lơ lớ, băng quơ:

“Không có gì phải lo. Thua ván này mình bày ván khác. Đời là một trận cờ tướng mà hia!”

“Tao sạt nghiệp rồi mà, mệt rồi mà!”

“Nhưng tui còn tiền. Khi nào hia mệt cần tiền đi chơi hia nói tui. Hia giao quán tui làm mình ên. Quán mình phở ngon nhất vùng đâu chịu thua dễ ợt vậy. Phở Tàu là phở ăn. Ăn cấp quốc tế. Phở hia phải sống hoài hoài nơi đây. Càng mình ên càng dễ sống. Hà, nhưng nhớ đừng có đập ruồi. Quán ăn là phải có ruồi. Không có ruồi là không có người. Người Tàu ở bản là vì người Tàu đông người. Đông người quán mới đông. Chủ quán ngồi đập ruồi là dấu không lành. Hia đừng bao giờ đập ruồi. Mấy cái chợ Việt Nam sập tiệm ráo tội vì treo bẫy ruồi.”

Tuệ bán tín bán nghi những lời khuyên của thằng Sính; nhưng dù quán ế, trời lạnh, hắn vẫn thấy lòng ấm áp trước sự mộc mạc trung hậu của thằng Tàu lai. Hắn ngó lung ra ngoài. Một cô gái Á đông lướt qua cửa kính. Hắn đã tin mình có Á Hoa như một cơn vui.

Triết lý của Sính không cứu gỡ được quán Ly Hương, nhất là sau khi sở Vệ Sinh Thành Phố đến thanh tra, đã giáng cấp quán từ hạng A xuống hạng B.

Mỗi khi nhìn tấm biển có chữ B đỏ lôm gấn trên cửa ra vào như luật định Tuệ điên cả ruột. Hắn thù cái màu đỏ, xưa nay vậy. Mà có riêng chi tí màu đỏ trên cửa quán của hắn! Cả thành phố bây giờ đâu cũng thấy những bảng hiệu đỏ, màn cửa đỏ, bàn ghế đỏ... Nơi đây đã thực sự biến thành một phố Tàu và quán phở của hắn giờ bẹp dí như cái chấu than. Cửa hiệu bán bàn ghế của lão Wilson bên phải đã sang tay. Người ta đang trần thiết lại. Mặt tiền được dựng thêm hai cây cột rồng leo rắn lượn cũng đỏ lôm và to như cái cột nhà mỗ Mao Trạch Đông. Tấm bảng hiệu đã được kéo lên với hàng chữ Tàu nạm vàng trắng lẹ, có phụ chú Anh và Việt ngữ: Hương Cảng Đại Từu Lầu. Còn cái tiệm sửa quần áo bên trái của một bà đồng hương ít nói như bị câm cũng đã sang tay nốt. Chưa sửa sang gì, nhưng Sính mau mắn cho hắn biết lão chủ là một tên Tàu Miên, đang sửa soạn mở một tiệm hủ tiếu Nam Vang.

Mỗi khi ra về, đứng trước lề đường nhìn lại toàn bộ quang cảnh, Tuệ chua chát nghĩ quán Ly Hương của hắn giờ như cái nước Việt Nam, bên trên chịu thằng Tàu to tướng đè xuống còn bên dưới có thằng Khmer đồ sửa soạn ngáng chân! Nhưng vì đâu mình bẹp dí thế này? Hắn bâng khuâng nhớ lại cái thời hắn còn làm nghề chặt thịt trong chợ Việt Phương. Hắn là thợ chính, duy nhất, vì có học đại học cộng đồng một năm, có chứng chỉ nghề xẻ thịt. Hắn lãnh mười đô một giờ với sự chiều chuộng như gì của lão chủ. Nhưng lão chủ chợ Giang Sơn lại điệu hơn, trả đứt mười hai đô; hắn nhảy việc mà không thèm nhìn lại xem Việt Phương sống chết thế nào khi chưa tìm ra một tay thợ khác có nghề như hắn. Mới đây hắn gặp cả hai ông chủ chợ đồng hương trong chợ Hawaii, ngôi chợ Tàu to lớn bậc nhất trong vùng. Hắn đã mơ hồ hiểu ra lý do cái chết của Việt Phương và Giang Sơn. Họ không chết vì treo bẫy ruồi như thằng Sính nói.

Bây giờ thì Tuệ chán quá chừng rồi. Thằng Sính lúc này xem ra cũng chảnh mảng không còn chăm chút công việc như xưa, xống là nó téch với nhiều lý do khác nhau. Tuệ cặm cùi phục vụ một số ít thực khách quen miệng cũng đủ vất vả. Tình hình buốc hắn mới thái thêm một người rửa bát. Quán Ly Hương cứ thế mà teo tóp như kẻ mang vi khuẩn HIV.

Chuyện gì đến đã đến. Một ngày thằng Sính đòi thôi, đòi rút cổ phần đi tiểu bang khác. Tuệ nổi điên vì sự phản bội của bạn. Nhưng đây là chuyện hệ trọng. Cái hợp đồng còn một năm và gia sản hắn đã đầu tư vào hết trong này. Đây không phải chuyện chơi, chuyện đùa đùa cho sập tiệm mà xong. Nổi nóng với Sính là hỏng hết, là mất cả chì lẫn chài.

Bất ngờ Á Hoa ghé lại. Cô nàng bây giờ không còn mặc váy ngắn như trước mà mặc đồ lớn. Nàng cũng không còn cái giọng lẳng lơ nữa mà nghiêm chỉnh. Nàng cho biết nàng đã vào làm cho một công sở chi đó trên Los Angeles, và ân cần hỏi thăm tình hình quán phở thế nào. Sau cùng Á Hoa khuyên hắn sang tay. Nàng có người bác họ sẵn sàng sang lại cái quán. Hắn sẽ được một số tiền, không nhiều nhưng đỡ thiệt. Á Hoa cũng thú thật nàng nghèo như bao giờ, nếu Tuệ sang quán thì "Hia trút được gánh nặng mà chắc Hoa cũng được đôi ba ngàn tiền thưởng tiêu chơi." Hắn đã kín đáo dò xét Á Hoa. Không, một con nhỏ xem thân xác như trò chơi thế kia thì không có cái đầu, không thể có cái đầu. Nó bạ đâu xâu đó. Có vui thì tấp, có tiền thì tiêu; không vui không tiền thì téch. Nó bịnh!

Tuệ đứng lên và không trả lời dứt khoát. Dù gì hắn phải hỏi ý thằng Sính. Thấy Ái Hoa ngồi tần ngần, hắn mở ngăn kéo đưa cho nàng hai trăm, bảo là cầm lấy tiêu. Đó là tổng số tiền típ của nửa tháng qua. Ái Hoa bắn khoăn cất tiền vào ví, lí nhí cảm ơn.

Ái Hoa bước ra rồi mà hắn vẫn như còn thấy trên khuôn mặt trắng mỏng của nàng một nét ái ngại, quyến luyến. Hắn vui vui với một ý nghĩ bí hiểm trong đầu.

Thế là công lao bốn năm trời của Tuệ đổi lại được mười hai ngàn, chưa bằng phân nửa số tiền chỉ để thiết trí gian bếp bốn năm về trước. Để sòng phẳng, hắn chia cho Sính một phần ba. Lương tâm không cho phép hắn bán rẻ tình nghĩa trung thành của thằng Sính. Bao năm lẻo đẽo theo hắn với giấc mộng làm giàu nó cũng khổ như gì. Hắn tin rằng trong những ngày thất nghiệp tới đây ít nhất hắn còn lại thằng bạn hiền hoà. Thằng Sính đã dạy hắn đánh cờ tướng, rồi từ đó, gần như thế, luôn luôn nó vất vả với một “kỳ vương” gai góc. Và có thể hắn còn cả Ái Hoa.

Bây giờ mỗi khi có dịp đi qua con phố Tuệ không biết mình vui hay buồn. Quán phở Ly Hương giờ đã đổi bảng hiệu, rành rẽ và minh bạch: Phở Việt Nam.

Sáng nay Tuệ lại đi qua phở Việt Nam. Đứng ngoài hắn vẫn biết được sự tấp nập bên trong, và cũng biết rõ Ái Hoa giờ đang ngồi ghế chủ quán còn Sính là đầu bếp chính. Hai đứa đã đầu quân dưới trướng của lão xì thầu Hương Cảng Đại Từu Lầu. Đời là thế, có quái gì mà buồn; nhưng tấm biển đỏ, màu cửa đỏ, màn gió đỏ phủ trước phở “Việt Nam” có khơi dậy trong hắn một ý nghĩ làm hắn nổi sùng. Hai đứa Tàu lai thức thời ấy đang pha chế, nhào nặn để biến món phở gia truyền của tổ tiên hắn phục vụ cho đúng khẩu vị người Tàu.

Tuệ cúi tiết đá cái rằm vào chiếc xe của thằng Sính đậu bên đường. Một giọng Mỹ lừ như nhưng dữ dằn: “Đ.m. phá xe hả?” Tuệ quay lại. Hắn thấy thằng Jack ngồi thu lu như một đồng giẻ rách, nhưng đôi mắt gã thì trợn như một con chó giữ cửa trung thành.

Tuệ cúi đầu bước đi giữa con phố Tàu đầy màu vàng đỏ. Cái mũi giày há họng như muốn nuốt nhanh con đường trước mặt. Hắn vẫn chưa rõ mình vui hay buồn. Hắn dừng chân ngoái lại. Cây cỏ, hàng quán, đường xá, con người, và ngay cả ánh sáng nữa, không thứ gì muốn dây dưa dính dáng tới hắn nơi đây. Tất cả như những khung ảnh trên một đoạn phim chạy vùn vụt ngược chiều, trừ cặp mắt trợn dọc của thằng Jack là vẫn lằm lằm bám theo. Hắn nhún vai đi tiếp nhưng thực thì trong lòng vừa bén một nỗi đắng cay. Hắn mím miệng đá cái lon giữa lối vào một góc phố vắng. Một người nào đó trong trạm xe buýt nhìn hắn bằng ánh mắt khác với thằng Jack - băng quơ, không một chút cảnh giác, dè chừng./.

*Alhambra 10-92*

## Hà Thúc Sinh, chân dung thi sĩ Nguyễn Mạnh Trinh

Hà Thúc Sinh không phải là một tên tuổi xa lạ. Trái lại. Đó là một tên tuổi tác giả quen thuộc với văn học Việt Nam. Nhưng câu hỏi để định hình một danh tánh văn chương sẽ rất khó trả lời một cách giản dị bởi trong chân dung nghệ thuật ấy, trong tên tuổi ấy, bao gồm nhiều lãnh vực. Là Nhà thơ? Là nhà văn? Là nhạc sĩ sáng tác? Là trưởng ca đoàn Hưng ca một thời? Là tác giả viết về ngục tù Cộng sản với tác phẩm nổi bật nhất của văn học Việt nam hải ngoại? Là một



nhà báo chuyên nghiệp của nền báo chí Việt nam hải ngoại lúc phôi thai đến khi phát triển? Và bất cứ trên lãnh vực nào, cũng là nổi bật, cũng đầy cá tính và gây cho độc giả những ấn tượng sâu sắc khó mờ phai...

Trong mục đích phác họa lại một chân dung văn học qua nhiều sáng tác mà tác giả đã biểu lộ cá tính độc đáo của mình, một nửa thế kỷ văn chương trải qua từ những biến chuyển thời thế đã làm thành những nét riêng mà chung của Hà Thúc Sinh, bài viết này cũng chỉ là một vài chi tiết chưa được đầy đủ lắm. Và nhất là mang tính chủ quan của một người đọc, riêng một mình và không giống với những người đọc khác...

Có lẽ, chúng ta nên biết một chút về tiểu sử của nghệ sĩ tài hoa và đa diện đa tài này. Ông tên thật là Phạm Vĩnh Xuân sinh năm 1947 ở Thanh Hóa và theo gia đình di cư vào Nam năm 1954. Ông là cựu sĩ quan Hải Quân VNCH. Sau năm 1975 bị tù khổ sai cải tạo đến năm 1980 được thả về và vượt biển. Năm 1981 định cư ở Hoa Kỳ. Hiện nay sinh sống ở Sacramento.

Tác phẩm đã xuất bản 6 tập thơ gồm 4 tập trước năm 1975: Đá Vàng, Trí Nhớ Đau Thương, Điệu Buồn Của Chúng Ta,, Dạo Núi Minh Ta, hai tập thơ ở hải ngoại" Thơ Viết Giữa Đường, và Hòa Bình và Tôi. Về truyện ngắn ông xuất bản 5 tập truyện: Ông H.O., Cổ Hương, Dưa Cà Mắm Muối, Về, Đêm Hè,.. Một truyện dài: Chị Em, Một kỷ Đại Học Máu. Một tuyển tập Tổng biệt Hai Mươi. Một tài liệu biên khảo về nhân quyền viết bằng Anh ngữ chung với Nguyễn Trí Văn, Nguyễn Quốc Việt, Nguyễn Đại Tường, Nguyễn Thiệu Chính" Red Files 50 years of Violations of Human Rights in Communist Việt Nam". Ông còn dịch ra Việt ngữ các tác phẩm của Isaac Bashevis Anh Singer, của John Toland, của Yael Dyan, của Harry Petrakis...

Hà Thúc Sinh nhiều phần là một thi sĩ. Chất thơ đã ngấm chứa trong văn, trong nhạc và mạch ngấm ấy dường như lúc nào cũng đầy ắp những lãng mạn mơ mộng tuy nhiều lúc cũng có những chua chát đắng cay của cuộc sống. Ông đã làm thơ rất sớm từ lúc còn ngồi ghế nhà trường. Từ trước năm 1975 ở trong nước hay sau 1975 ở hải ngoại, thơ vẫn có lúc là hình nhưng có lúc là bóng hiện diện trong cuộc sống. Thơ khi chiến tranh hay thơ khi là một tù nhân cải tạo, thơ vẫn là con đường mù sương, của chữ nghĩa hăng hăng quanh quất. Dù có thay đổi theo thời gian, nhưng chất lửa ngày nào của tuổi thơ mơ mộng, của tuổi trẻ bồng bềnh vẫn là những tinh chất của một người luôn đi tìm ý nghĩa của cuộc sống qua văn chương.

Hà Thúc Sinh đã nhắc đến kỷ niệm đầu tiên của mình khi thấy bài viết của mình được đăng báo. Hình như là trong nhật báo Xây Dựng thì phải. Và ông thú thực lúc đó ông muốn in số báo ấy thành muôn ngàn bản để phổ biến đến khắp bốn phương trời. Tâm cảm xôn xao một thời câu những người mang nặng nợ văn chương đều giống nhau. Có người hỏi đối với anh, thi ca của trước năm 1975 ở quê nhà với sau 1975 ở hải ngoại có gì khác biệt thì ông đã trả lời tự nhiên chung thì vẫn vậy nhưng dĩ nhiên tâm cảm cũng phải khác đi tùy thuộc vào thời thế đất nước. Chiến tranh có lẽ hiện diện trong thơ của ông như một thực thể không nhòa phai. Nếu có ai nói thơ của ông là thơ của người lính thì nhận định ấy cũng có phần chính xác. Nhưng người lính trong Hà Thúc Sinh không phải là người máy robot chỉ biết bóp cò trong vô thức mà người lính ấy có tâm cảm nhân bản có những suy tư rất người. Tâm cảm ấy có lẽ khác rất xa với những người cán binh Cộng sản mà nền văn học phục vụ cho chính trị cho chiến tranh luôn đề cao sự hy sinh quên mình luôn luôn mọi hoàn cảnh biến cảm thù thành hành động. Thơ không thúc đẩy chém giết và thơ kêu gọi yêu thương:

"Giao thừa sao mà vội  
Hãy khoan đa ơ chú mày  
Cứ đóng xa vài dặm  
mà ăn uống no say  
Ta cũng người như chú  
Cũng nhỏ bé trong đời  
Có núi sông trong bụng  
Mà bắt lực hôm nay

Chiến chinh trời cũng sợ  
Chỉ còn lại hai bên  
Vội vàng chi cho cực  
Cứ thông thả nghĩ đêm  
Vi nói thật cùng chú  
trăm năm có là bao  
binh đao sao biết được  
sinh tử ở nơi nào?.."

Cái hoàn cảnh của đất nước Việt Nam sao mà ngao ngán. Đâu có ai muốn cầm súng để bắn giết lẫn nhau huynh đệ tương tàn. Chẳng thể nào người lính VNCH nhìn những người cán binh Cộng sản bằng con mắt rực lửa căm thù. Mà trái lại như có một niềm trắc ẩn dấu kín trong tâm. Chúng ta, chỉ là những thế hệ đã buộc phải đi vào con đường binh lửa mà chẳng còn chọn lựa nào hơn.

Một nhà thơ trong nước, Hoàng Vũ Thuật, đã viết về thơ Hà Thúc Sinh đăng trên tạp chí Sông Hương: " Khoảng năm 1974, qua Trần Nhật Thu tôi đọc được một bài thơ của Hà Thúc Sinh, nhà thơ, sĩ quan quân đội Việt Nma Cộng Hòa. Tôi còn thuộc đến bây giờ và nay ghi lại theo trí nhớ có thể không hoàn toàn chính xác:

Dần lỵ xuống chiếu dười gương cười  
Ta biết rằng chưa ấm bụng người  
Bực thay bạn đến từ muôn dặm  
Mà rượu không hề đủ say chơi  
Con ta chọt ré lên sau bếp  
Nắng chiều đỏ lửa xuống nhà tôn  
Hà Thúc phu nhân coi buồn lắm  
Sữa thiếu làm sao tiếp rượu chồng?  
Bạn ta người của mùa chinh chiến  
Quen thói ngang tàng thú tiêu pha  
Kéo ta ra quán hè ra quán  
Nhìn trời nhìn đất mà thương ta  
Trăng kia sao chẳng nằm dinh thự  
Mà chỉ nằm chơi ở ngọn cây  
Bạn ta nào hiểu niềm vui sướng  
Đời ta chưa hề bản đôi tay..."

Có một niềm vui sướng nào đấy mà chắc gì mấy ai hiểu được trong con người Hà Thúc Sinh? Nhưng khi đọc bài thơ tôi đã nhìn thấy một tâm hồn trong trẻo nhân văn dù người đó đang cầm súng trên đường hành quân từ một phía của trận tuyến. Tôi cứ nghĩ một ngày nào đó tôi sẽ gặp chàng thi sĩ ấy và sẽ ôm nhau như những người bạn thân thiết xa lâu ngày.

Đời ta chưa hề bản đôi tay.

Câu thơ vừa tâm trạng vừa bày tỏ của một người trước cuộc đời đầy biến động phi lý..."

Một người ở phía bên kia chiến tuyến đã nghĩ về thơ Hà Thúc Sinh như thế. Hình như, với thi ca, những tâm hồn đồng điệu vượt lên trên những ranh giới những biên thùỵ để trong một lúc tương thông nào đó hiểu được trong sâu thẳm hơn những nỗi niềm của con người trong nỗi thống khổ vô biên của cuộc sống.

Có người đã hỏi Hà Thúc Sinh. Vậy chứ thời đó thi ca của anh có ảnh hưởng chút nào của phong trào phản chiến không? Ông trả lời không thích chiến tranh nhưng không có một chút gì ảnh hưởng của những phong trào phản chiến từ Hoa Kỳ hay trong nước. Phản chiến kiểu ấy là thiên tả, là nguy hòa. Còn trong thơ của ông, chỉ phản ánh trung thực tâm cảm của một người thanh niên lớn lên trong đất nước chiến tranh không thích chém giết nhưng vẫn phải làm nhiệm vụ của một người trai trong hoàn cảnh đặc biệt của đất nước.

Những tâm hồn đồng điệu đã gặp nhau. Hà Thúc Sinh đã in tập thơ " Chiến Tranh Việt Nam và tôi" của Nguyễn Bắc Sơn. Một nhà thơ có nét ngang tàng của những chàng hào sĩ sống trong hoàn cảnh thế thời nhiều nhương. Thơ Nguyễn Bắc Sơn đã phát tiết từ những nỗi niềm thời đại. Chính trong những bài thơ ấy, tâm trạng của chung cả một thế hệ đã được bày tỏ, để nét nhân bản đã rạn vỡ hơn dù lý tưởng nhiều khi được xử dụng như một chiêu bài và sự còn mất cũng như sống chết chẳng còn nghĩa lý. Viết về sự thực, làm thơ về những mảnh đời thực, để thấy rằng sự mơ mộng lãng mạn cũng còn cần thiết dù sự thực có đen tối đến chừng nào chẳng nữa. Thơ vượt lên trên những giới hạn để những giấc mộng vẫn được nâng niu trong hồn người trong tâm thức Việt Nam.

Hà Thúc Sinh là người lính, cũng có những người cùng tuổi trẻ có mặt trên khắp vùng đất nước chiến đấu. Ông cũng có những người bạn đồng đội gục ngã khi tuổi còn xanh tóc. Đời ông cũng đầy những cuộc hội ngộ và chia ly. Thơ của ông cũng thế:

"Hãy cụng ly chết bỏ  
tôm cua cá lươn sò  
lương ta còn nguyên vẹn  
còn nguyên cái Seiko  
Cửu Long Giang ra biển  
Sẽ chẳng trở về đây  
Chiến tranh hề gặp gỡ  
Có chắc lần thứ hai  
Mai mỗi tháng mỗi ngả  
Thằng Cà Mau, Năm Căn  
Thằng Bình Long, Bình Giả  
Thằng địa ngục, thiên đàng.."

Hào sảng, ngang tàng, những chàng tuổi trẻ đã đi trong cuộc chiến như thế. Sống chết mất còn, nhiều khi chẳng đáng quan tâm và địa ngục thiên đàng cũng chỉ là ý nghĩ thoáng qua của bèo nước gặp nhau của nỗi niềm chinh chiến gặp thời bày tỏ chia sẻ...

Là người lính, nhưng thi sĩ vẫn nghĩ đến ngày hòa bình sẽ trở về trên đất nước. Khát vọng yên bình của những ngày thập niên 60, 70 mà chiến tranh đang ở mức cực độ khi mỗi ngày hàng ngàn chiến sĩ hai bên gục ngã. Dù vẫn phải chiến đấu nhưng vẫn ngóng đến hòa bình:

"Xin hãy đến đây  
Hỡi hòa bình lạ mặt yêu dấu  
Xin đừng cho tôi những buổi sáng giết nhau  
Xin đừng cho tôi những buổi trưa hối hận  
Xin đừng cho tôi những buổi chiều ăn năn  
Xin đừng cho tôi những buổi tối trống vắng  
Xin hãy đến đây  
Hỡi hòa bình lạ mặt yêu dấu  
Có biết rằng chúng tôi mồ côi người từ buổi sơ sinh  
Có biết rằng chúng tôi đợi chờ người từ ngày khôn lớn  
Xin hãy đến đây đi  
Hỡi hòa bình lạ mặt yêu dấu  
Sao người kiêu hãnh như giai nhân hoài hoài lỗi hẹn  
Khi tuổi xuân chúng tôi chỉ có một lần  
Làm sao chờ được trăm năm  
Mà đến trăm năm còn gì xương máu anh em.."

Hết Tết Mậu Thân đến Mùa hè đỏ lửa, rồi hiệp ước Paris của ngày ngưng bắn, những biến cố ấy càng nấu nung thêm khát vọng hòa bình. Nhưng tiếng súng vẫn còn vang dội và chiến tranh vẫn càng ngày thêm khốc liệt. Cho đến một ngày tháng tư ngưng tiếng súng. Nhưng, hòa bình

đến với nỗi thê thảm đắng cay của dân tộc.

Bình minh dân tộc chưa đến. Chiến tranh không còn. Nhưng bi thảm thì vẫn dài dài không chấm dứt. Cả nước là một trại tù lớn mà trại giam nhỏ là những trại tập trung đầy ải ở khắp nơi. Hà Thúc Sinh viết về trại giam tù nhỏ ở Hàm Tân nơi ông đang là một chứng nhân cho một thời gian luyện ngục:

"Rắc trấu lưng người mặt trời lửa  
mây sà xuống suối vương cành Buồng  
tiếng cuốc tiếng búa im một cõi  
hai ngàn tù đội nắng giữa sân  
anh cán bộ đôi giày khập khểnh  
chui khỏi mồm lời như bầy giun  
lao động là thước đo yêu nước  
tù ngu ngơ uống lấy vinh quang.  
Bài diễn văn giữa trại tù lao động  
Là tặng phú ông thêm một đồng xèng  
Chới với có thằng đồ sập xuống  
thêm bộ xương bị chứng nắng ắn  
chen giữa kèng tù tiếng trống lễ  
buồn như hạ huyết kẻ đồng hành  
lao xao khói bếp chuyển mùi mỡ  
lễ vào thắm thia trong tâm can"

Ra tù trở về, nhìn thấy những cảnh ngộ đắng cay. Những bò vàng nhan nhản đường phố. Đêm đêm vẫn những cảnh bắt người xét nhà trong bóng đêm đen dày kín khùng bố. Vùng kinh tế mới được lập ra để đầy ải những người dân thành thị. Chợ trời ở khắp nơi mà những người dân mang của cải còn sót lại ra buôn bán để sống còn:

" Năm chui khóm lá chiếc bàn thấp  
Lề đường một lũ tùm quanh nhau  
Èm sâu hơi thuốc vào gan mặt  
Bất giác phà ra nỗi dãi dầu  
Trung tá xích lô thàm hỏi bạn  
Chợ trời được sĩ sao về không  
Cười như nước mắt nói như bỡn  
Nó bố trưa nay còn cái quần  
Ông giáo sử mấy năm vá lổp  
Đồ nghề linh kính nặng trên lưng  
Một anh văn sĩ ngồi lê hỏi  
Thời xưa phong kiến khá hơn không?  
Gió chiều thổi tốc người nghi ngại  
Mỗi hồn hiện một nét` công an  
Lá khô thổi chạy cây thổi động  
Vừa lúc đêm lên khắp Sài Gòn"

Nhưng thơ không phải toàn là những điều vô vọng. Không phải là toàn những nỗi đắng cay. Mà thơ nói lên tâm cảm của một người không bó tay. Tâm sự với nhân vật của Đoạn Trường Tân Thanh có phải là tâm sự với chính mình:

".. Ta cũng biến thơ kia thành gậy nhỏ  
Chống mà đi trên sinh lộ một thời  
Như em có xác thân làm gậy nhỏ  
Để đạp trên đường định mệnh để mà chơi  
Quý thần hiện trên đường ta đi đó

Mà hôm nay xiềng xích vẫn vô cùng  
Đường vạn nẻo chung quy về cố quận  
Là mịt mù vô ảnh của hư không  
Ta sắp vượt một trường giang dậy sóng  
Không cầu nào có thể bắc ngang qua  
Đây là lúc mà phượng hoàng sắp phải  
Đem cánh mình phủ lấy bóng trời xa  
Cjieu hôm nay mảnh hồn ta chéng choáng  
Trước khi chơi một trận chiến cuối cùng  
Cả trời xanh thu vào khung cửa nhỏ  
Bỗng thấy mình nở rộ cánh sau lưng".

## Người Tù

Xe về tới Sài Gòn vào một chiều cuối năm, đến ngã ba rẽ vào Khám Lớn thì kẹt. Người tù bán loạn vì mót tiểu tiện. Biết xin xỏ lúc này vô ích, anh cắn răng chịu cho đến lúc ướt hết đũng quần. Cái hình mũi khó chịu làm giảm nét vô cảm trên khuôn mặt người công an trẻ áp giải. Nhưng chắc đã quen với phía trái "thiên đường," anh ta yên lặng.

Người tù nhìn ra dòng đời ngoài ô cửa lưới. Nắng chiều óng cơn mưa nhỏ, khói đèn thấp mái quán, bước chân người như dính lối đi. Xa quá, tách biệt quá, cảnh đời không hàm chứa một khơi dậy nào cho anh, dẫu là sự tò mò gần với bản năng, thậm chí chút buồn. Anh quay vào như tránh nhìn một tấm gương vừa soi rõ thân anh như hòn sỏi, quen đến lý sự trầm tích dưới sức nặng thời gian. Hai mươi mốt năm hết nhà tù này sang nhà tù nọ, anh tự hỏi sao lòng dừng đứng, đến nỗi buồn cũng trắng? May, có thể chứ! Anh vừa nghe đâu sâu trong tâm khám máy động chút luyến tiếc những năm đầu tù tội. Ôi tuổi trẻ đâu cũng là tuổi trẻ, dù tuổi trẻ trong tù. Thân xác màu mỡ ngày ấy gánh nặng đời chưa đê nổi hạt mầm hy vọng. Đó là khoảng thời gian anh còn chia xẻ được với các bạn bóng lờng một người nữ không có thực, còn ăn ngon lành món ăn tưởng tượng sợ chưa từng hưởng trong đời, còn mơ được loài chim cánh rộng phủ mát bầu trời ngoài khung cửa hẹp, một đốm lửa đầu thuốc nghĩ ra cả một đám cháy lớn, nghe ra tiếng chấn động càn khôn của chú dế đêm tưởng là nhỏ bé lạc loài.

Lao tù tiêu hoang đời anh nhưng anh không chận tay nó được. Hết rồi, mơ mộng ấy sẽ không bao giờ còn nữa?

"Ỉa đấy à?"

"Dạ không."

"Thối quá!"

Anh tính nói lâu rồi anh đã xa lạ mùi thơm nhưng yên lặng. Người công an áp giải đốt thuốc hút một mình, một lát lại ngửa miệng hỏi, kiểu mông lung:

"Cuối năm sao chuyển trại mỗi mình ha?"

"Dạ đâu biết."

"Phản động tội to như cột đình, va súng trán thế kia mà cứ không biết. Trước nghề gì?"

"Tôi dạy học."

"À, trí thức..."

Người công an bỏ lửng nhưng anh hiểu. Nén lắm anh mới không bật cười. Từ bình minh nhân loại trai sẵn bản gái hái lượm, lời ca ngợi bộ óc chế ra lưỡi dao, mũi tên, cái thúng, cái rổ lớn mãi theo quá trình thăng tiến, dè đâu có lúc bị chặn đứng ở cuối thế kỷ 20. Bộ óc hoá thành đối tượng cần thủ tiêu của chế độ. Cũng tốt thôi! Nhưng không nên nói điều đúng hơn vào tai kẻ vốn đã tin lời y là đúng nhất, anh dặn lòng, rồi anh tự xoa dịu bằng ý nghĩ y coi mình là tội phạm nguy hiểm nhưng cảm sao được mình coi y là một nạn nhân đáng thương.

Xe lại chuyển bánh. Tháp thoáng xa xa cánh cổng dẫn vào Khám Lớn. Những hàng gòn, trứng cá xanh quanh năm bên đường không giúp anh nhớ rõ anh đã trở lại chốn cũ bao lần. Nhưng khác gì nhau dù chỗ này chỗ nọ, khi mà chỗ nào cũng chỉ phản ánh mặt tiêu cực nhất của sự cặm thù vô lối? Đó là chỗ cũng con người cho ăn mới được ăn, cho ngủ mới được ngủ, cho sống được sống, bắt chết phải chết; chỗ con người trở lại sự trần trụi không ngượng ngập buổi đầu đời, và sự sống hoàn toàn tùy thuộc như trẻ sơ sinh, có hiện tại mong manh và tương lai là điều bất khả ý thức.

Xe đậu. Người công an áp giải chà tay trên báng súng, đột ngột lên tiếng, "Thế nào chả gặp lại đồng cảnh cũ, vui nhá!" Anh tính nói "tôi có hàng triệu đồng cảnh, đâu chả gặp," nhưng thôi. Người công an nhìn ra ngoài sân nhón nháo những đồng nghiệp, nhớ cả ngày đường tên tù không làm phiền điều gì, anh ta buột miệng gia ân cho tí tin vui:

"Lúc này thả nhiều đấy, nếu được thả tính làm gì nào?"

"Sẽ dạy đót."

"Hả?"

"Cái di sản u tối kiên cố kia."

Người công an trẻ biến sắc. Anh ta mở cửa, nói nhỏ với mấy đồng nghiệp, ké hất mũi súng ra lệnh cho anh bước xuống. "Đ.m. mày tính thiếu sống các ông đấy!" Anh làm lũi bước theo một cai tù già có bộ mặt hằn học vừa chửi xéo anh. Đầu anh nảy ý nghĩ vui vui: Hoá ra lão ta chưa vô cảm.

Rời phòng giám thị lão khua xâu chìa khoá dẫn anh về khu giam, giữa đường nghĩ sao, bảo:

"Dám sắp được về đấy, giữ lấy mồm mép."

"..."

"Mà này, nếu được đi nước ngoài, đi không?"

Anh đáp, lời như đã hờm sẵn từ lâu:

"Không."

"Diên à?"

Giọng anh hơi đanh:

"Đi hết ai dạy trẻ?"

"Dạy gì?"

"Thì dạy đốt."

"Nữa!"

"Thế đấy, đốt sạch lao tù đã giam cầm hết tuổi trẻ chúng ta."

Cánh cửa sắt khép lại. Trí nhớ anh khi không hồi phục, ít ra đủ để anh nhớ những lần trước nó sập cách thô bạo, lạnh lùng; lần này nhẹ, hơi lưỡng lự nữa. Anh nhủ lòng biết đâu có người cai tù vừa hiểu ra ngọn lửa không tàn ác của một người tù.

Rồi anh nằm xuống gối tay trong bóng tối, thoáng chốc mơ lại giấc mơ vẫn thơm cuộc đời dẫu đã trộn mùi nước mắt, có tiếng cười tuổi trẻ bất chấp ran ran, có loài chim tung khung cửa hẹp phủ cánh mát trời, có lửa cháy và nhất là có hạt hy vọng nảy mầm vào một bình minh mới. Tiếng đé lại vang vang, chấn động. Anh xoay nghiêng, mở mắt cười vào góc tối, nói khẽ, "Mày, vẫn y nguyên, không suy suyễn chút nào!

## Hà Thúc Sinh: Cuộc hành trình nửa thế kỷ thơ Trần Văn Sơn

1.

*Ta lục lại trong ngăn kéo cũ*

*Bụi và buồn lẫn khuất mờ thư xưa*

Lòng đã mở sao người không dám bước vào, sợ gì khi dòng đời vẫn trôi, những hệ lụy ràng buộc giữa người và người, người và đời như giọt sương mai lấp lánh trên nụ hoa tàn tạ rơi vào quên lãng. Ngăn kéo cũ, mờ thư xưa tưởng như đã bị chôn vùi, khuất lấp theo cát bụi thời gian, tưởng như đã nằm im trong ngăn kéo ký ức, bỗng sống dậy mãnh liệt ở mọi nơi mọi miền, trầm sâu vào lòng dân tộc.

Hai câu thơ của Hà Thúc Sinh sâu lắng và đầy hoài niệm, mở toang cánh cửa của một thời đã qua. Thời trần trở, bất an, điêu linh, nghiệt ngã. Thời quê hương ngập tràn khói lửa chiến tranh. Thời của những hồi chuông báo tử. Thời của người lính trận sống sót trở về nhìn lại cảnh cũ người xưa. Thành phố hấp hối từng giờ. Lòng người nặng trĩu sống còn. Có chăng là trong ngăn kéo cũ còn lại mờ thư xưa bám đầy bụi bặm ó vàng, chất chứa nỗi buồn muôn thuở.

2.

Tôi quen với Hà Thúc Sinh hình như qua sự giới thiệu của Phạm Nhã Dự, Tô Đình Sự. Lúc đó, tôi đóng quân ở mật khu Lý Văn Mạnh, Gia Định, giáp ranh tỉnh Hậu Nghĩa, thỉnh thoảng có phép leo trực thăng về Sài Gòn, tạt qua tạp chí Khởi Hành đường Phạm Ngũ Lão thăm nhà thơ Viên Linh và nhà văn Dương Trữ La tức Tâm Đạm, bán nguyệt san Thời Nay thăm Khánh Giang. Ghé qua cầu chữ Y hàn huyên tâm sự với Ngô Nguyên Nghiễm, Nguyễn Thành Xuân; đường Nguyễn Tiểu La với Nguyễn Lê La Sơn, Thụy Miên; Ngã Ba Ông Tạ với Hà Thúc Sinh. Nhà anh khang trang, xinh xắn, sân sau trồng liễu rất đẹp, thơ mộng – nơi mà Nguyễn Bắc Sơn mỗi khi say thường ngồi thiền dưới gốc cây, liễu rủ trên đầu trông giống như... Khô Mộc đại sư. Hà Thúc Sinh độc thân, một mình một cõi, tính tình lại phóng khoáng, hào sảng nên bạn bè vẫn

nghệ lui tới rất đông, đủ mọi binh chủng khắp bốn vùng chiến thuật : Vũ Hữu Định, Hoàng Đình Huy Quan, Tô Đình Sự... ở miền Trung; Phù Sa Lộc, Trần Kiều Bạt, Trương Tử Tâm... ở miền Tây. Sài Gòn có Ngô Nguyễn Nghiễm, Chóe, Lưu Vân, Phạm Nhã Dự... Vài món nhắm, vài két bia do anh em góp chung, ngồi bệt trên thềm xi măng, bàn chuyện thế sự, chuyện chiến tranh, chuyện van nghe van gùng... rượu vào lời ra rôm rã. Chính tại ngôi nhà này Hà Thúc Sinh đã giúp Hoàng Đình Huy Quan tục bản tập san Sóng, giúp Nguyễn Bắc Sơn in tập thơ Chiến Tranh Việt Nam và Tôi.

Ở hải ngoại ai cũng biết Hà Thúc Sinh là nhà văn, là nhạc sĩ qua trường thiên bút ký Đại Học Máu viết về ngục tù Công Sản Việt Nam, tập truyện Ông HO, Tống Biệt 2000, Cơm Cà Dưa Muối, Đêm Hè, Về... và những ca khúc viết trong tù, nhạc đấu tranh, tình ca... ít ai biết anh là một nhà thơ, sống chết với thơ. Hà Thúc Sinh làm thơ lúc còn rất trẻ, từ đầu thập niên sáu mươi đã có thơ đăng trên các tạp chí văn nghệ uy tín tại Sài Gòn, và đã xuất bản bốn thi phẩm trước tháng tư năm một chín bảy lăm, ngày mất nước : Trí Nhớ Đau Thương, Đá Vàng -1969. Điệu Buồn Chúng Ta -1971, Đạo Núi Minh Ta -1972. Riêng tập Đạo Núi Minh Ta tái bản năm 1973, ít nhà thơ nổi tiếng nào ở miền Nam thời đó bán hết thơ và tái bản thơ như anh. Qua Mỹ anh cho in thêm hai tác phẩm thi ca: Viết Giữa Đường -1988, Hoà Bình và Tôi -1995.

3.

Đã mang cái nghiệp vào thân

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa

Hai câu thơ Kiều của thi hào Nguyễn Du ứng vào con người nhà thơ Hà Thúc Sinh. Thơ là cái nghiệp, lỡ sa chân vào rút ra rất khó, như ma tuý, thuốc Lào “đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên” theo đuổi bám riết, ẩn hiện như hình với bóng. Năm mươi năm làm thơ, in sáu tập gần năm trăm bài, trải dài trên các nẻo đường quê hương, vượt qua biên giới ra hải ngoại, bay khắp bốn phương trời. Thơ là sự khám phá, sáng tạo, không dừng lại chầm dứt; luôn luôn đẩy ta về phía trước, phía mặt trời mọc. Thơ thành cây gậy nhỏ chống mà đi trên sinh lộ cho đến khi nhắm mắt xuôi tay:

*Ta cũng biến thơ kia thành gậy nhỏ*

*Chống mà đi trên sinh lộ một thời*

*Như em có xác thân là gậy nhỏ*

*Để đạp trên đường định mệnh mà chơi.*

[Thơ Về Tiểu Muội Họ Vương – HTS]

Thơ là em. Em là thơ. Thơ – Em là định mệnh vượt trường giang dậy sóng hội tụ về một điểm Chân – Thiện – Mỹ. Chữ chơi ở đây dùng rất đặc địa, bằng lảng như mây trời, bao la như vũ trụ. Và, thi sĩ có phải là chim phượng hoàng phủ cánh bao trùm đến tận cõi vô cùng :

*Ta sắp vượt một trường giang dậy sóng*

*Không cầu nào có thể bắt qua*

*Đây là lúc phượng hoàng sắp phải*

*Đem cánh mình phủ lấy bóng trời xa.*

[Thơ Về Tiểu Muội Họ Vương – HTS]

Thơ Hà Thúc Sinh ví như ngôi nhà ba gian, mái lợp âm dương, bên trong bài trí nửa cổ nửa tân, kết hợp hài hoà hai nền văn hoá Đông Tây:

*Bầy ngựa truyền kỳ phóng từ bút lông y*

*Bồng mịt mù biên cương trời đất*

*Ta chống gậy thơ thần bên vườn*

*Thấy nhận lưng trời không bay*

*Khép mắt vẫn thấy mây nổi*

*Ôi! Cội nguồn của sông là núi*

*Chợt thấy đầu đây*



*Trên một chỉ tay.*

[Khi Xem Một Hoạ Sĩ Vẽ Ngựa – HTS]

Cổ điển hay hiện đại? Mới hay cũ? Sao lạ quá. Không khí xưa, hình ảnh xưa, cách dùng chữ rất xưa như bút lông y, truyền kỳ, nhận lưng trời ... lại nằm trong một bài thơ tự do. Thật ra, ngôn ngữ chỉ là phương tiện để diễn đạt tư tưởng xưa – nay, mới – cũ; là sự phân tích có tính cách chủ quan của người phê bình, phải nhìn thật sâu bên trong từng chữ từng câu thơ mới hiểu được sự vi diệu của ngôn ngữ. Đốt lò hương cũ không phải để quay lại, tìm về, loay hoay với quá khứ hay tiếc nuối thời gian đã mất; mà là ôn cố tri tân, soi sáng sinh lộ dẫn đến một chân trời mới.

Bức tranh thuỷ mặc với đôi nét chấm phá thần kỳ, bày ngựa, thiền sư chống gậy, bày nhận... hình ảnh tịch liêu, tĩnh lặng, thiền vị có vẻ như an nhiên tự tại, phiêu hốt, nhưng lại biến động dữ dội, hỗn mang trời đất. Thi sĩ chống gậy thơ thần bên vườn nhìn nhận lưng trời, nhìn mây trời; mở mắt khép mắt là cả một sự biến dịch âm dương giữa tĩnh và động như sự trầm tư, trầm trở, thao thức về cội nguồn của một kiếp nhân sinh. “Ôi! cội nguồn của sông là núi. Chợt tìm thấy đâu đây. Trên một chỉ tay”. Chỉ tay là của ta, chúng ta, là con tim, cái tâm; và có phải cái tâm của con người sẽ định đoạt dòng sinh mệnh của một dân tộc.

4.

Hầu hết các văn nghệ sĩ Miền Nam đều ở trong quân đội. Hà Thương Nhân, Thành Tâm Tuyền, Tô Thuỳ Yên, Thảo Trường, Dương Hùng Cường, Viên Linh, Trần Hoài Thư, Hà Thúc Sinh, Phan Bá Thuy Dương, Tô Đình Sự, Duy Lam, Phạm Nhã Dự, Trần Phù Thế... Người lính, dù là hội viên hội văn nghệ sĩ quân đội hay ở ngoài, họ đều tự do viết, tự do trình bày tư tưởng, tự do đăng báo, tự do in sách, không bị ràng buộc cấm đoán bởi cấp trên, quân đội hay chính quyền. Bàn viết là ba lô khi dừng quân nghỉ ngơi vài phút; là tấm ván thùng đạn pháo binh ở hậu cứ, hay bất cứ một nơi nào, ven rừng góc núi cao nguyên đồng bằng. Khác với thiên đường máu miền Bắc, văn nghệ sĩ là văn nô, viết rập khuôn sự chỉ đạo của đảng cộng sản. Ca tụng đảng, ca tụng Hồ Chí Minh, ca tụng Mao Trạch Đông, Stalin. “Vui biết mấy khi con tập nói. Tiếng đầu đời con gọi Xít Ta Lin – Tổ Hữu”. Viết, cái mà đảng gọi là chệch hướng, sẽ bị trừ dập, tự phê, tự kiểm, đấu tố. Nặng hơn, đảng chụp cho cái mũ phản động, sẽ bị thanh trừng, tra tấn, tù tội. Vụ án Nhân Văn Giai Phẩm vẫn còn sờ sờ trước mắt. Những kiện tướng văn học thời đó như Trần Dần, Lê Đạt, Nguyễn Hưu Đăng, Phùng Quán, Phùng Cung... kẻ cửa cổ tự tử, người bị nhục hình, khổ sai, biệt giam, về nhà sợ cho đến chết. Nhà văn Nguyễn Tuân đã từng tâm sự với lớp văn nghệ trẻ Hà Nội: “Sở dĩ tao còn cầm bút và còn sống đến bây giờ là vì tao biết sợ chúng, mày ạ”. Riêng có một người, duy nhất một người, nhà thơ Hữu Loan, kẻ sĩ Bắc Hà, hào khí ngất trời không chịu khuất phục, đầu hàng. Uy vũ bất năng khuất. Ông bỏ đảng, bỏ vệ quốc quân, bỏ chức tước trở về quê cày ruộng, cuốc đất, vác đá, kéo xe cút kít...Làm đủ nghề thấp kém nhất để nuôi vợ con, tránh xa loài quỷ dữ. “Những tai trâu huân nhạc. Những mắt lợn thưởng tranh. Bọn nghệ nô. Đem hết tài. Khuyến. Mã (Hữu Loan)”.

Hà Thúc Sinh là lính nên anh viết nhiều bài thơ về lính. Thơ anh không moi gan nuốt mật, không “phanh thây uống máu quân thù” như cái loa tuyên truyền của cộng sản. Chất lính trong thơ anh đầy tình dân tộc: khoan dung, nhân ái và rộng lượng kể cả với người bên kia chiến tuyến:

*Giao thừa sao mà vội  
Hãy khoan đã chú mày  
Cứ đóng xa vài dặm  
Mà ăn uống no say.  
Ta cũng người như chú  
Cũng nhỏ bé trong đời  
Có núi sông trong bụng*

*Mà bắt lực hôm nay.*  
[Nghinh Địch Hành – HTS]

Tâm thức của người yêu nước thương dân, ôm núi sông trong bụng mà lực bắt tòng tâm, nhắm mắt buông tay. Không còn gì đau khổ nhục nhã cho bằng cảnh nòi da xáo thịt, huynh đệ tương tàn. Cùng là người Việt Nam máu đỏ da vàng, chia cắt bởi một dòng sông ô nhục, hai bên hai chủ nghĩa hai con đường. Người lính Miền Nam chiến đấu bảo vệ cuộc sống của người dân và lý tưởng tự do dân chủ. Chú bộ đội Bắc Việt chiến đấu cho tham vọng cuồng điên của bọn cộng sản Miền Bắc, cộng sản Nga Tàu. Gọi là chú vì họ còn quá trẻ, mười lăm mười sáu tuổi bị cưỡng bức vào lò lửa chiến tranh, sinh bắt tử nam. Nay chú bộ đội, tạm thời xếp lại chuyện binh đao, giao thừa sắp đến hãy bày tiệc đón mừng xuân mới. “Vì nói thật cùng chú. Trăm năm có là bao. Binh đao sao biết được. Sinh tử có là bao – HTS”.

Tình đồng đội sống chết có nhau, không bỏ anh em, không bỏ bạn bè là tâm niệm của người chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà. Đời quân ngũ nay đây mai đó, đưa Cà Mau – Năm Căn, đưa Bình Long – Bình Giả, gặp nhau cụng ly chết bỏ, quên đời. Người lính chiến đấu hết mình và chơi hết mình. Địa vị, chức tước, tiền bạc, có nghĩa gì khi khi bom đạn dày xéo quê hương. Tuổi trẻ có mặt khắp chiến trường, người thương tật ở Khe Sanh, kẻ vui thây nơi tuyến đầu Quảng Trị: thiên đàng hay địa ngục?

*Chó không buồn sủa quạ im hơi  
Thơ thần anh gà giữa phố chơi  
Góc núi nào hay trên biển cát  
Có xương lẫn máu bạn hiền tôi*

[Khi Bước Chân Xuống Quảng Trị, Nhớ Bạn – HTS]

*Hãy cụng ly chết bỏ  
Tôm cua cá lươn sò  
Lương ta còn nguyên vẹn  
Còn nguyên cái Seiko  
Cứu Long Giang ra biển  
Sẽ chẳng trở về đây  
Chiến tranh hề gặp gỡ  
Có chắc lần thứ hai  
Mai mỗi thằng mỗi ngã  
Thằng Cà Mau, Năm Căn  
Thằng Bình Long, Bình Giả  
Thằng địa ngục, thiên đàng.*

[Hành Quân Qua Bến Phà Mỹ Thuận, Gặp Bạn Đánh Chén, Say Mèm – HTS]

Thơ lính Hà Thúc Sinh bi tráng, khinh bạc, khí khái, đầy hiện thực đi thẳng vào tâm cảm người đọc. Không sơn son trét phấn, tô hồng tô đỏ, không tôn vinh nịnh bợ trơ trên, đồng hoá tổ quốc với Lê Nin – Liên Xô, với chủ nghĩa ngoại lai phi dân tộc. “Ôi! đường đến với LêNin là đường về tổ quốc. Biết ơn tài sáng tạo Liên Xô. Đưa sóng lòng ta vượt cõi bờ. Ta đứng reo giữa nghìn tinh thể. Ôi chị Hằng Nga cô gái Nga – Chế Lan Viên”. Những cái lưới gỗ của bọn văn nô phương bắc mưa ra những câu thơ hèn hạ, nhục nhã như loài bò sát đã giết chết tinh túy thơ, và tự đâm vào trái tim mình, tự hủy.

Rượu, thuốc đầu đêm, đời lính gặp nhau chỉ có thể làm vui sau những lần hành quân gian khổ, những trận đánh khốc liệt. Có khi tiền lính tính liền chia nhau ly rượu điều thuốc rồi ngậm ngùi chia tay mỗi người mỗi ngã, bạn về vùng địa đầu giới tuyến, ta trở lại sông rạch Cửu Long, tiếp tục cuộc hành trình trên con đường vô định. Thơ chiến tranh không có không khí chiến tranh, không có cảnh máu đỏ xác người bom đạn. Thơ chiến tranh Hà Thúc Sinh không hận thù, không kích động hận thù mà đầy ắp tình bạn, tình đồng đội, tình người thể hiện trung thực tính nhân bản của văn nghệ sĩ miền Nam:

*Dần ly xuống chiếu cười gượng cười  
Ta biết rằng chưa ấm bụng người  
Bực thay bạn đến từ muôn dặm  
Mà rượu hề không đủ say chơi*  
[Buổi Chiều Ở Nhà Mời Bạn Đánh Chén, Nửa Chừng Hết Rượu - HTS]  
*Ven sông một đồn binh đóng  
Cố tri trong lớp tân binh  
Cách nhau một hàng dậu sắt  
Nhìn nhau ứa lệ thân tình  
Mời bạn chưa tàn điệu thuốc  
Việc binh trở gót quay vào  
Đêm nay trong thành phố lạ  
Hồn ta biết gửi nơi đâu.*  
[Thăm bạn - HTS]

5.

Hoà bình là khát vọng muôn đời của dân tộc Việt Nam. Hoà bình là con chữ lạ mặt nằm im trên trang giấy, bài viết, lời ca, trên cửa miệng mọi người, thực chất là ảo vọng, hoang tưởng, chỉ có trong giấc mơ. “Hoà bình đến trong giấc ngủ. Hoà bình đến trong cơn mê sảng. Hoà bình đến trên đôi vú em anh đã từng môn trốn. Anh đã từng yêu em và mớ gọi hoà bình – TVS”. Tuổi trẻ khát khao hoà bình. Nhưng chiến tranh có phải là giải pháp duy nhất để đưa đến hoà bình? Câu trả lời chắc chắn là không. Vậy mà bọn cộng sản Việt Nga Tàu đã nướng cả dân trong bể lửa chiến tranh. Tâm trạng của tuổi trẻ Miền Nam về giấc mơ hoà bình vào thập niên sáu mươi, bảy mươi được Hà Thúc Sinh trình bày trong bài Xin Hoà Bình Hãy Đến:

*Xin hãy đến đây  
Hỡi hoà bình lạ mặt yêu dấu  
Xin đừng cho tôi những buổi sáng giết nhau  
Xin đừng cho tôi những buổi trưa hối hận  
Xin đừng cho tôi những buổi chiều ăn năn  
Xin đừng cho tôi những buổi tối trống vắng  
Xin hãy đến đây  
Hỡi hoà bình lạ mặt yêu dấu  
Có biết rằng chúng tôi mồ côi người từ buổi sơ sinh  
Có biết rằng chúng tôi đời chờ người từ ngày khôn lớn  
Xin hãy đến đây đi  
Hỡi hòa bình lạ mặt yêu dấu  
Sao người cứ kiêu hãnh như giai nhân hoài hoài lỗi hẹn  
Khi tuổi xuân chúng tôi chỉ có một lần  
Làm sao chờ được trăm năm  
Mà đến trăm năm còn gì xương máu anh em  
Xin hãy đến đây  
Hỡi hoà bình lạ mặt yêu dấu  
Bởi tuổi trẻ chúng tôi thiếu người đã phải sát nhân  
Bởi tuổi trẻ chúng tôi thiếu người nên bàn tay bẩn  
Bởi tuổi trẻ chúng tôi thiếu người trở thành nô lệ  
Bởi tuổi trẻ chúng tôi thiếu người nhiều kẻ chết sớm  
Xin hãy đến đây  
Hỡi hoà bình lạ mặt yêu dấu  
Hãy thành thật đến với chúng tôi  
Như chúng tôi thành thật tìm kiếm người*

*Hãy lâu dài ở với chúng tôi  
Như chúng tôi lâu dài một đời chờ người ...*

6.

Ba mươi tháng tư năm một chín bảy lăm: Ngày bi thảm nhất của lịch sử dân tộc Việt Nam. Ngày Cộng Sản Bắc Việt áp đặt chế độ độc tài toàn trị lên Miền Nam . Độc lập không độc lập. Tự do không tự do. Hạnh phúc không hạnh phúc. Toàn những khẩu hiệu mị dân, lừa bịp, dối trá được nhà thơ Hữu Loan gọi là “Thảo nguyên âm thanh. Thảo nguyên áp phích”. Ngày mà “Nam kỳ khởi nghĩa tiêu công lý. Đồng khởi vùng lên mất tự do”. Ngày mà quân dân cán chính miền Nam bị bắt nhốt vào trại tù súc vật khắp ba miền Nam Trung Bắc, bị gông cùm xiềng xích, bị hành hạ tra tấn, bị xô xuống chín tầng địa ngục. Người không còn là người khi bị tước đoạt quyền sống, quyền được nói, quyền được tự do suy nghĩ, hành động. Cộng sản chủ trương diệt chủng đạo đức, văn hoá, biến con người thành cây cỏ, súc sinh, ngựa quỳ:

*Tù ra đi kẻ trước người sau  
Vi che tay không thấy mắt bão người  
Ôi cái thời chim ó lộn chim cu  
Mắt trẻ thơ long lanh màu phản trặc  
Bão mắt! Bão mắt!  
Nó thổi qua không ai còn ngon giấc  
[Bão Mắt – HTS]*

Đất nước nhuộm một màu ảm đạm, thê lương, người dân sống trong tâm trạng bất an, nghi ngờ lẫn nhau, ăn ngủ không yên. Trẻ thơ được dạy cách báo cáo chỉ điểm giết người. Con tố cha. Vợ tố chồng. Xã hội đảo điên, ngược ngạo . Đúng là “Ôi cái thời chim ó lộn chim cu. Mắt trẻ thơ long lanh màu phản trặc”.

Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại. Hà Thúc Sinh ở tù gần năm năm qua các trại tù Trảng Lớn, An Dương, Suối Máu, Hàm Tân. Cộng sản gọi trại tù là trại học tập cải tạo, gọi người tù là cải tạo viên để che mắt người dân cũng như dư luận quốc tế. Cuộc sống trong tù được anh viết khá đầy đủ chi tiết trong trường thiên Đại Học Máu. Trại tù cộng sản khét tiếng tàn độc dã man, phi nhân nhất thế giới, không thua gì các trại tập trung dân Do Thái của Đức Quốc Xã, hoặc các trại tù trừng giới Gulag của Liên xô. Người tù ăn ít làm nhiều, bữa ăn lụng chén bo bo, sắn, bắp với nước muối, làm việc hành xác nặng nhọc như kéo cày thay trâu, vác đá, gỡ mìn, đào ao, đốn gỗ...lâu ngày kiệt sức chết dần mòn:

*Tiếng còi thổi gom tù thành bó  
Một bó người quây trăm bó con  
Chui khỏi bụi chiều lên khắp nẻo  
Nhìn hai tay kiến cắn đở lò  
Ngó về phía lò than hoang phé  
Nổi âm u như mộ giữa đồng  
Bước vội vấp ngã lăn ra đất  
Năm bó con ai giấu bên đàng  
[Thằng Bé Đốn Củi – HTS]*

Cay đắng, mĩa mai, chua xót. Người biến thành củi, củi gom một bó liệng vào lửa là xong, than xác thành tro than, hồn thành những sợi khói lang thang, vất vưởng không nơi nương tựa. Chúng ta mất quê hương là chúng ta mất tất cả. Còn lại là tình đồng đội, tình dân tộc, là những nắm mộ hoang của những người dân vô tội, của những chiến hữu một thời sát cánh chiến đấu bên nhau nằm cô quạnh nơi rừng thiêng nước độc sẽ là ngọn lửa nung nấu ý chí đấu tranh cho các thế hệ mai sau lên đường dựng lại quê hương.

Trí thức miền Nam lớp bị nhốt vào tù, lớp bị lừa đi vùng kinh tế mới, lớp bị đẩy ra ngoài đường. Giáo sư mất dạy vá lốp xe. Được sĩ bán chợ trời. Đảng cộng sản toàn một lũ dốt lên cầm

quyền, ngồi chễm chệ trên đầu trên cổ thiên hạ, độc tài khát máu còn hơn cả thời phong kiến ngày xưa:

*Trung tá xích lô thăm hỏi bạn  
Chợ trời được sĩ có sao không  
Cười như nước mắt nói như bỡn  
Nó bỏ trưa nay còn cái quần  
Ông giáo sử mấy năm vá lốp  
Đồ nghề linh kính nặng trên tay  
Một anh văn sĩ ngồi lê hỏi  
Thời xưa phong kiến khá hơn chăng?*

[Quán Bên Đường – HTS]

Xã hội Việt Nam thời cộng sản được Hà Thúc Sinh mô tả đầy đủ, chính xác và trung thực trong bài thơ tứ tuyệt có tựa Cô Gái, hai mươi tám chữ là hai mươi tám giọt máu ứa ra từ trái tim quận đầu của thi sĩ nhỏ xuống thân thể rách nát, khốn cùng của cô bé mười lăm có tên là Việt Nam:

*Cha tù mẹ chết anh mất tích  
Sau mười thu cô bé mười lăm  
Điều ước lớn làm sao có được  
Ra ngoài lễ bộ đủ bên trong*

7.

Tình yêu trong thơ Hà Thúc Sinh *thể hiện, vẽ ra cho ta thấy* tính chất mâu thuẫn giữa tự do và ràng buộc, giữa cô đơn và hạnh phúc, giữa cái riêng và cái chung. Thích yêu người, thích được người yêu, thích yêu hết đàn bà trên thế giới, mà cũng thích sống lang thang một mình, thích thành một dòng sữa ngọt chảy giữa đời như giữa cuộc chơi. Mâu thuẫn không có nghĩa là đối nghịch mà cùng song hành vượt lên, thoát khỏi cái kiếp người chật chội này. Tại sao lại gọi cái giới hạn của kiếp người chật chội? Phải chăng thi sĩ đã “ngộ” được cái hạn hẹp của vũ trụ, cái giới hạn của kiếp người bị giam hãm trong vòng sinh tử luân hồi? Có hẹn sẽ gặp, có đi sẽ đến. Thi sĩ đã trót hẹn cùng nhật nguyệt và đã bay lên đên trên sự sống con người, nhưng cuối cùng rồi cũng sẽ trở về với một điểm hẹn duy nhất đó là tình yêu muôn thuở:

*Ta thích tự do để được yêu hết đàn bà trên thế giới  
Thích lang thang thích sống một mình  
Có khi ta vượt cả ngàn cây số  
Để hẹn hò cùng một kẻ chưa quen  
Bởi vốn sinh ra với nhiều cảm lụy  
Thích được yêu và thích được yêu người  
Ở trong ta chảy một dòng rượu ngọt  
Nên sống giữa đời như giữa cuộc đùa chơi  
Nhưng khi yêu em ta cũng muốn nói có gì dành tặng  
Xin tặng em một đồng sách ngón ngang  
Một tâm hồn chứa nghìn cân thuốc nổ  
Một kiếp người đầy mộng ảo miên man  
Vi em ạ, ta sinh ra đã lỡ  
Bay lên đên trên sự sống con người  
Ta đã trót hẹn cùng nhật nguyệt  
Hồn đơn sơ như đoá cúc vàng tươi  
Có những lúc vui ta vừa đi vừa hát  
Vừa lắng nghe thơ róc rách trong đầu  
Cũng có lúc ta buồn như tử tội  
Ôi kiếp người thấy chật chội làm sao  
Riêng tấm lòng ta như cây đàn muôn điệu*

*Cả một đời thèm khát được rung lên  
Khi yêu em ta đã cho tất cả  
Vẫn tiếc mình sao chỉ một trái tim*  
[Tự Truyện – HTS]

Hà Thúc Sinh không dùng chữ Tôi tĩnh lặng xa cách, chữ Anh thân mật triu mến, mà dùng chữ Ta mạnh mẽ khí khái, chữ Ta chân thật tự chủ, không yếu mềm, không uỷ mị van xin. Đó là đặc điểm phóng khoáng trong thơ tình của thi sĩ. Chữ dùng rất đời, thường bình dị, không hoa mỹ cầu kỳ kiểu cách làm dáng nên rất gần gũi và gây được sự rung động trong lòng người đọc. Thi phú và sách vở có phải là niềm an ủi cuối cùng khi những câu hỏi về tình yêu không được trả lời? Người thơ không hiểu mình có thật sự yêu hay không và người mình yêu có thật sự yêu mình không? Phải chăng những khắc khoải ưu tư là do sự dồn nén, u uẩn từ tâm trạng của người lính trận, giữa tình yêu và bổn phận, giữa sống và cái chết, hồn chứa đầy chất nổ đã dạn dày chai cứng trong khói lửa chiến tranh:

*Ta muốn là hạnh phúc  
Len lỏi vào trong em  
Một chiếc bình nhỏ nhỏ  
Đựng thế giới vô biên  
Chứa một trời thi phú*  
[Tóc Rối – HTS]

*Ta yêu em không nhĩ  
Em cần ta thực chẳng  
Mặt trời yêu bóng tối  
Mặt đất yêu mặt trăng*  
[Mối Tình Ta – HTS]

Mặt trời – bóng tối. Mặt đất – mặt trăng, hình ảnh tương phản, nhị nguyên, *nhưng qua thơ anh những cặp đối đãi ấy đã được hài hoà, tương thông*. Em sẽ đến. Em không đến. Đến và đi là chuyện thường tình của tình yêu. Sự thay đổi không quan trọng bằng ước vọng khao khát yêu đương, và tình yêu bao giờ cũng bất diệt, tràn trề như sóng biển thổ lộ tình dịu ngọt, nồng ấm giấc mộng trăm năm:

*Em không đến hay em sẽ đến  
Nhạc lòng ta sóng cũng tràn trề  
Một chén rượu làm nên giấc mộng  
Quá đủ rồi biển nói em nghe  
Chẳng cùng ai ngồi nơi cuối núi  
Quán cà phê có điệu nhạc buồn  
Sống những phút cát bồi lặng lẽ  
Hạnh phúc nào bằng nỗi cô đơn*  
[Thuỷ Nguyệt – HTS]

8.

Qua Mỹ gần ba mươi năm Hà Thúc Sinh xuất bản thêm hai thi phẩm Tập “Hoà Bình và Tôi” gồm những bài thơ viết trong tù, và lúc ra tù sống dưới chế độ cộng sản. Tập “Thơ Viết Giữa Đường” phần đầu gồm những bài thơ sáng tác ở hải ngoại, phần cuối trích một số bài thơ trong tập “Đạo Núi Minh Ta” in trước năm 1975, thời Việt Nam Cộng Hoà.

Thơ viết ở xứ người vui ít, buồn nhiều, nhớ nhiều quên ít, tràn đầy những cơn ác mộng. Hai năm lưu lạc, mà đến trăm năm chẳng nữa, biến cố đau thương tang tóc ngày ba mươi tháng tư năm một chín bảy lăm vẫn còn hằn sâu trong tim óc người thơ: “Là gai đâm thịt là đinh đóng đầu”. Vết thương vẫn còn tươi rói rỉ máu từng ngày, chúc rượu tìm quên càng chất càng sâu, vá cái sầu riêng nhưng càng vá càng sứt chỉ sỗ tả, thân tâm bại liệt, như bóng ma trôi vắt

vường trong cõi trầm luân nghiệt ngã. Lục bát Hà Thúc Sinh sáng tác trong giai đoạn này bi phần, xót xa, cay đắng và đầy hoài niệm. Thơ thành tiếng thờ dài não ruột sâu kín trong tâm. Thơ thành khúc chiêu hồn sinh niệm, chiêu niệm những người còn sống hay đã chết. Vết sẹo tưởng đã lành nhưng vẫn còn mưng mủ nhức nhối đêm ngày. Không còn gì cả, tay trắng tay, miệt mài thân trâu ngựa trả nợ áo cơm; tai vẫn còn nghe văng vẳng tiếng vọng não nề, xé gan xé ruột của một thời chinh chiến xa xưa:

*Hai năm ta ở xứ này  
Cái đời lộn ngược tháng ngày chữa quen  
Ân trong nỗi nhớ, nỗi quên  
Là gai đâm thịt, là đinh đóng đầu  
Bình minh thức dậy, thân trâu  
Ngó quanh ai cũng một màu trầm luân  
Sầu riêng ngòi vá hai năm  
Cái thân sứt chỉ cái tâm sỏ tà  
Cái xưa bình bại oan gia  
Cái nay lưu lạc như ma giữa trần  
Chiều về dẫm chén băng khuâng  
Rượu trôi xuống bụng, sầu dâng khắp mình*  
[Hai Năm ở Mỹ - HTS]

Cuối năm ở Cali trời lạnh, một mình rượu khuya uống đến bình minh, uống mãi không say. Một mình cùng rượu đối ẩm, uống trong nỗi cô đơn, da diết dần vật khôn nguôi. Thèm một chút điên để quên đi một mảnh lá gầy rơi nghiêng ngoài sân, mảnh lá cuối cùng lẻ loi hiu quạnh như cuộc sống vong thân của một kiếp người: “Cuối năm thèm một chút điên. Rượu khuya uống mãi một mình không say. Bình minh anh vẫn ngồi đây. Ngoài sân một mảnh lá gầy rơi nghiêng – HTS”. Cuối năm một mình nhớ người nhớ đời. Nhớ cái mất cái còn cái được cái thua. Nhớ ngày mẹ sinh ra lạnh lặn tay chân, nay huyệt huyệt khắp khểnh chơ vơ trên con đường vô định. Thèm được đọc sách. Thèm được đánh đàn. Cái thèm trong tầm tay, tủ sách cây đàn ở bên mình sao thấy xa xôi miên viễn... Phải chăng trong tâm thức của thi sĩ chỉ còn đọng lại duy nhất một miếng trời quê hương:

*Nơi đây trời lạnh cuối năm  
Mà hồn anh lửa cháy rừng chẳng nguôi  
Tháng cùng năm tận như khơi  
Mỗi sầu riêng ở mỗi vui biếng về  
Mẹ xưa sinh đủ tử chi  
Tha hương huyệt huyệt như què một chân  
Sách nằm như lũ liệt cầm  
Cây đàn treo cổ từ năm ngoái rồi  
Trong quang cảnh ấy anh ngồi  
Ngó mây thèm một miếng trời quê hương  
Ngó hoa nhớ miếng đất cần  
Ngó nhung lụa nhớ nâu sồng lấm lem  
Và khi cầm bát cơm lên  
Lửa rừng mưa tắt khói hoen mắt người*  
[Cuối Năm Ở Cali – HTS]

Câu thơ “Ngó mây thèm một miếng trời quê hương” nghe ray rứt băng khuâng xao xuyến vô cùng. Chữ “miếng” bình dị mộc mạc, nó bám riết, quanh quẩn bên ta từng giờ từng phút từng giây. Tại sao không một “góc”, một “mảnh” trời quê hương mà là một miếng trời quê hương? Chữ “miếng” dùng ở đây thật thần kỳ vi diệu, nó chập chờn ẩn hiện đâu đây hình bóng quê nhà.

Thêm một miếng bờ đê, một miếng cánh đồng, một miếng áo nâu sồng, một miếng đất khô cằn; ôi kìa làm sao cho xiết nỗi nhớ nhung da diết một miếng trời quê hương xa xôi vạn dặm. Hòa nhập vào một đất nước văn minh bậc nhất thế giới này không phải là chuyện dễ dàng, khi mà ta đã trải qua một thời gian dài sống trong một xã hội đầy tăm tối, nghèo đói, lạc hậu. Thân tàn sức kiệt, đầu óc đóng băng chai cứng, ngỡ ngàng khi đối diện với những cao ốc nguy nga tráng lệ, bơ vơ lạc lõng giữa những người không cùng tiếng nói màu da. Lạ cảnh lạ người. “Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt. Tập làm con trẻ nói ngu ngơ. Vui sâu dĩ vãng vào tro bụi. Thân phận không bằng đứa măng phụ – Thanh Nam”. Tâm trạng của thi nhân, dù cuộc sống xứ người tương đối ổn định, con cái thành người, vẫn thấy có cái gì bất ổn, nó như những đợt sóng ngầm, có lúc cuộn cuộn dâng lên ngập tràn, có lúc âm ỉ len lỏi vào tận xương tủy. Một mình lái xe đi chơi xuân, sao lại một mình, một mình làm sao vui được? Vui chứ, có dịp thường lắm bức tranh toàn bích của thiên nhiên, biển núi sương trắng mênh mông, chim bay về núi, sự vật cố định không thay đổi. Có chăng là nó ẩn khuất trong cõi sâu thẳm của tâm hồn “lòng cồn lên một quê hương”.

*Đừng lên thăm thăm một trăm dặm*

*Mình ta chạy xe đi chơi xuân*

*Một bên là biển bên là núi*

*Có đổi thay nào trên dương gian*

*Ghé quán bên đường kiếm hơi ấm*

*Nhìn ra sương trắng sương mênh mông*

*Thấy chim loáng thoáng bay về núi*

*Lòng bỗng cồn lên một cổ hương*

[Trên Đường Chơi Xuân Santa Ana – HTS]

*Ngồi xuân quán vắng không kẻ bạn*

*Mắt ngâm đáy cốc mắt ai nhòe*

*Tiếng kèn lên mãi sáu muốn nở*

*Sao ép đời ta đĩa hát kia*

*Tới cuối bãi đôi chân tuổi nặng*

*Biển trời nhập một hồn chia hai*

*Với mình chỉ có thông leo núi*

*Biết chẳng đờ ngang vẫn ngó vời...*

[Chiều Ghé Biển Santa Barbara – HTS]

Nụ cười dí dỏm, hóm hình pha một chút châm biếm trào phúng nhẹ nhàng :

*Ông Toại khuyên tôi muốn trẻ trung*

*Mỗi năm trừ một tuổi là xong*

*Mình cười thâm nhủ không lâu lắm*

*Lại giữa sân mưa được tắm trổng*

[Trừ Tuổi - HTS]

*Cô gái mười lăm tắm nửa đêm*

*Rồ rồ nước chảy dưới và trên*

*Có người thầy pháp già trăm tuổi*

*Đã chết sau ngày trông thấy tiên*

[Sợ - HTS]

9.

Thơ sáng tác theo trường phái nào, khuynh hướng nào, thể loại nào cũng đều có giá trị như nhau. Đường luật, thất ngôn, thơ mới, tự do, cổ điển, lãng mạn, siêu thực, hiện thực... tùy theo sự chọn của tác giả, miễn thơ phải có hồn, âm điệu dạt dào và đi vào trái tim người thưởng ngoạn. Thơ làm không khó nhưng khó có được một bài thơ hay, mà viết về thơ không phải là chuyện dễ. Phải hiểu thơ, hiểu chưa đủ, còn cần phải có sự rung động, đồng cảm với thơ. Thơ mênh mông vô hạn. Viết về thơ là giam thơ vào khuôn khổ của sự phân tích phê bình không



cần thiết, nhưng đã nhập vào hồn thơ, trôi nổi theo thơ mà không ghi lại những cảm xúc về thơ thì liệu có công bằng cho thơ không? Thơ Hà Thúc Sinh là dòng sông chảy mãi không ngừng, len lỏi vào từng ngõ ngách (tâm hồn), âm thầm vượt qua những ghềnh thác cheo leo hiểm trở, những núi rừng trùng điệp, những đồng bằng phì nhiêu màu mỡ rồi tuôn tràn ra biển cả bao la vô tận. Thơ Hà Thúc Sinh đa diện, một mình trong cõi riêng biệt. Nhiều ẩn dụ, đôi khi có những ẩn ngữ, ẩn nghĩa chìm sâu bên trong ngôn ngữ, phải đọc đi đọc lại nhiều lần, qua một thời gian chiêm nghiệm mới mong khám phá đôi chút tư tưởng của thi nhân.

Non nửa thế kỷ làm thơ, trải qua một cuộc hành trình dài dẫn dắt, Hà Thúc Sinh đã dần thân vào những biến động kinh hoàng xảy ra cho dân tộc Việt Nam. Thi sĩ là chứng nhân của thời đại. Người ta có thể thay trắng đổi đen, bóp méo lịch sử nhưng không thể nào thay đổi được sự thật. Thơ Hà Thúc Sinh là sự thật, chân thành, chân tình, đầy ắp tình người tình quê hương dân tộc. Xin thưởng thức bài thơ sau đây để tạm kết thúc bài viết về thơ Hà Thúc Sinh:

*Chiều hôm lỡ chuyến sang sông  
Chân mây điểm một nét buồn núi non  
Ngậm ngùi ta lắm, thân đơn  
Dưới trăng xao xuyến về phương nhớ nhà  
Mây bay rất mỏng như là  
Áo không đủ ấm hồn ta giữa đời.*  
[Bên Sông Nhớ Nhà - HTS]

## Phở Hách

Hiệu phở nằm như một thách thức trong khu phố phần lớn hàng quán là của người Mỹ. Bên ngoài mặt tiền xập xệ, không tô điểm sơn phết gì nhiều, nhưng tám bảng hiệu viết vài chữ đơn sơ có chạm nọc lăm bạn đồng nghiệp trong vùng:

Phở Hách

Mở 9 giờ sáng, đóng 4 giờ chiều.

Chẳng rõ có bí quyết gia truyền gì mà đi tới đâu mở phở hiệu của lão Hách luôn luôn đắt khách. Điều này nếu có ai tò mò cũng vô phương tìm biết. Người ở đây chỉ biết sau ngày hoàng phái rủ thua xích phá, lão Hách cũng bỏ hết cơ ngơi -- một xe phở nước tiếng đường Công Lý -- chạy giạt sang Mỹ. Dĩ nhiên sang đây lão không thể tiếp tục chiếm một góc phố, chơi một xe phở, sáng trưa chiều tối ngập lặn trong khói phở thơm lừng để vừa đẩy những đường dao thiện nghệ vào khúc thịt bò mềm mại vừa nhai vài câu Kiều lầy cho nổi bật thêm phần cá tính; hoặc có lúc tự tin chõ mồm góp vài nhận định thời cuộc với đám thực khách thường toàn giới cổ cồn cà vạt, thừa quyền lực xã hội đến ho một cái đời lão đã có thể mềm ra như sợi bánh phở.

Nhưng điều kiện mở hiệu ăn nơi xứ Mỹ vẫn minh quả có rất nhiều điểm xâm phạm nghiêm trọng đến quy luật, đến văn phạm phở. Phòng máy lạnh được trần thiết sang trọng, bàn ghế đều và đẹp như lính duyệt binh, thảm trải trong ngoài như dinh quốc khách đều là những thứ vô duyên và thừa nhất trên đời đối với phở. Nó dị như ăn thịt chó chắm với *Maggie*. Mà thế thật. Trong suốt mười bốn năm qua, điều kiện mở hiệu ăn nơi đây quả có đánh tàn rụi ý chí nhiều tổ sư chính phái phở có tự trọng, muốn trở lại phục vụ khẩu vị người đồng hương. Riêng lão Hách thì khác. Năm năm đầu lão ngậm miệng lặn lưng vào làm đủ thứ việc để tích lũy tư bản. Nếu một ông tướng nhất định không chịu sống cảnh vợ đẹp con khôn với nghề sơn nhà xứ người, quyết bỏ tất cả về lập chiến khu cho đúng với tầm vóc lịch sử của ông, thì lão Hách cũng nuôi ý chí tương tự. Làm sao một người như lão lại có thể chui mãi dưới sàn tàu, hàn xì quanh năm để miệng lưỡi ăn toàn cứt sắt? Hoặc ngày tám tiếng dúi mũi vào đồng hồ sơ, giải quyết mấy chuyện nhảm nhí trong những văn phòng bảo hiểm lừa lọc, hay trên một bàn giầy cán sự xã hội

cùn mần? Nếu ông nhà văn trời đày vắt óc đến chết để cung cấp món ngon bổ cho tim óc con người, thì lão cũng mang nỗi giận vật tương tự. Lão mơ ngày nào sẽ trở lại chốn giang hồ, động dao động thớt phục vụ người đồng hương khốn khổ đang ngày đêm bị phường hắc đạo đầu độc bằng những thùng nước dùng đầy bột ngọt rẻ tiền.

Sau năm năm tích lũy được chút vốn tạm đủ, lão Hách sang lại cửa tiệm *pizza* sắp chết của một anh Ý già nơi góc đường Winona và Orange, rồi động viên cả nhà vào công tác tu sửa. Không mang trong người căn bệnh bi quan của các đồng nghiệp, lão nghiên cứu kỹ để biến mọi khuyết điểm thành ưu điểm cho hiệu phở tương lai.

Mọi chi tiết trong việc bố trí một hiệu phở đều có quy luật cả. Bạn tưởng đôi ba cánh ruồi vo ve là điều đáng trách? Nhảm, vui tai và mang nhiều đặc trưng dân tộc ra phết đấy! Nó hợp lý hơn việc nhồi nhét vào tai thực khách những bài nhạc rên rỉ của một Sài Gòn vô phúc tiền 75, hay loại nhạc phim bộ kiểu Máu Nhuộm Bã Thượng Hải của một tập đoàn con buôn mất trí hậu 75.

Còn nhiều tiểu tiết khác cần phải xem xét kỹ. Chẳng hạn loại tấm. Chớ tưởng trong hiệu phở tấm nào cũng dùng được. Phải là tấm tre. Mà sao phải là tấm tre? Thưa vì trong lúc ngồi đợi, rất có thể một thực khách buồn tình lấy tấm xỉa chơi, và như thế tấm gỗ thông vượt nhọn hai đầu lắm khi thua đấy. Loại này giòn, dễ gãy. Chẳng may ông khách là người khó tính, bị gãy một mẩu tấm trong chân răng, sau một lúc loay hoay mãi không lấy ra được, ai cấm ông bực bội đứng lên bước khỏi hiệu vừa khi bạn khệ nệ bưng bát phở đến phục vụ? Người ta không ăn bắt bò người ta được à? Hiệu phở còn trăm thứ bà lang Trọc khác nữa. Chắc bạn đã đọc tuy bút “Phở” của Nguyễn Tuân? Tuyệt, nhưng lão Hách bảo rằng nghề phở còn lắm cái tửn tửn khác mà cỡ tay chơi họ Nguyễn cũng chẳng biết rành, chẳng hạn cái vệt nước mắm.

Theo lão Hách nước mắm trong hiệu phở phải đựng trong vệt thủy tinh hai mỏ. Đây là loại vệt truyền thống. Đừng dùng loại nào khác. Xịt, rắc, bơm v.v... đều không đúng bí quyết. Tại sao? Lão bảo trong cái bầu không khí ngọt ngào mùi phở, mắt trái bạn ngó quanh xem có ai quen, ngóc đầu đảo mắt phải liếc ké hàng tít báo hấp dẫn của thằng cha ngồi kế cận, tay ơ hờ cầm lên vệt nước mắm, tai lơ đãng lắng nghe dòng nước thơm vị mồ hôi công chúa Tiên Dung chảy xuống bát phở bốc khói, chợt như hoảng hốt nhớ ra điều gì, khách dựng phất vệt nước mắm lên, hai mắt quay về lục lợi trong bát phở. Tâm tư xao xuyến. Tim lổi đến mấy nhip đập. Sâu trong thâm tâm khách dâng lên niềm hối hận như vừa phạm một điều cấm kỵ trong đạo phở là sự kém nghiêm chỉnh. Khách thốt lên một tiếng “chết,” chỉ thế rồi chú mục vào tô phở như nhà khảo cổ tìm một vết nứt trên chiếc trống đồng Ngọc Lũ. Dùng đũa đảo ngược phần bánh phở. Run tay cầm thìa múc tí nước dùng dí trên đầu lưỡi. Khói nước dùng làm tăng độ nặng khiến những giọt mồ hôi trên trán vỡ ra, chảy nhoà vì ba đường nhân đột ngọt biến đi, để lại một vàng trán thanh thoi vô tư lự. Khách mỉm nhẹ một nụ cười, nói khẽ, “May quá, phúc bẩy mươi đời!” Chỉ một tiếng thầm thì như thế nhưng dưới con mắt tinh quái của lão Hách, lão biết chắc vị thực khách khởi sự thành kính bước vào đạo phở. Không có vệt nước mắm hai mỏ đó cách gì tạo nỗi cho khách có một giây phút kỳ thú thế ấy. Nó tương tự như một anh mê vợ, nằm mơ mất vợ và khi choàng dậy vẫn thấy có vợ.

Đối với lão Hách bí quyết phục vụ các tín đồ của lão còn nhiều. Như chuyện tương ớt cũng là điều hệ trọng. Ta phải bỏ nó vào một liễn nhỏ, đừng bỏ vào mấy cái ống bóp. Nhiều lúc thực khách chỉ thích nước dùng có tí màu thẹn thùng trên má con gái. Cầm ống tương ớt lên khách bóp một hơi mạnh, cả một vòi ớt dài như con giun đỏ lồm rúc vào bát phở. Ngoáy một cái, chửi thầm một tiếng, hào khí của khách biến mất năm mươi phần trăm khi bát phở trở màu đỏ au giống một bát riêu cua. Rồi nào còn tiêu, rau mùi, húng, chanh, ớt... Nói tóm mọi thứ đều là vấn đề cần phải được quan tâm, cân nhắc và thực hiện ở mức toàn hảo cả.

Hộ pháp cho đạo phở khổ lắm nhưng mấy ai biết. Bốn mươi năm trong nghề lão thừa kinh nghiệm về sự thưởng thức hời hợt đến vô ơn của người đời. Họ đâu biết trong mớ rau mùi kia không một lá úa, trong những cọng húng kia toàn lá đương thì. Sự tần mẫn công khó gần như cướp đi quá bán những giấc ngủ ngon say của cuộc đời lão. Nhưng lão vẫn giữ được niềm kiêu hãnh đáng cay. Ăn hay không ăn, cả đời lão chưa mời thỉnh một ai. Nhưng đã vào ăn, lão muốn các tín đồ phải nghiêm chỉnh ở một mức độ tương kính. Sự săn sóc của lão dựa trên sự tương kính này. Dù sao lão đâu phải là Phật!

Còn nhớ hồi mới khai trương có một vị khách nặng nạch đòi giá sống. Lão đã nhỏ nhẹ đến ba lần rằng, “Thưa ông bồn hiệu với lối dùng phở cổ truyền không cung cấp giá sống.” Nhưng lời nhỏ nhẹ không được đáp ứng. Ông khách với tấm thân to lớn ngồi phịch xuống ghế. Giọng như lệnh võ, ông đảo cặp mắt lồi tấy đỏ như mới trải qua một trận xập xám thâu đêm, nhìn vào những thực khách chung quanh, giơ một cánh tay lông lá lên rao giảng, “Ăn phở phải có giá sống, phải có một dzĩa bánh ki như dzậy nè. Bóp, bóp, bóp,” ông vừa nói vừa bóp nghiêng bàn tay to lớn trên không từng chặp, rồi tiếp, “bóp như dzậy từng nắm cho đến hết dzĩa giá rồi trút vào tô phở.” Lần ấy lão Hách đã nuốt cơn điên vào bụng như nuốt miếng da bò sống. Lão cố bình tĩnh đến gần ông khách, nhỏ nhẹ chỉ ra cửa, “Ông thứ lỗi cho,” lão nói. “Thực lòng nhà cháu muốn giới thiệu với ông quán Đào Viên mì gia nằm bên kia đường. Họ có món hủ tíu rất khá và có cả giá sống.” Nói xong lão tùm tùm quay trở lại với dao với thớt, với câu Kiều lấy ư ử trước nỗi kinh ngạc đến uất người của một tín đồ không rành lẽ đạo.

Thế mà phở Hách vẫn đông như thường. Phường chuyên trị phở đã lắm kẻ gièm pha, thậm chí giả dạng thường dân mon men vào hiệu nghiên cứu đôi phương, khi chuồn cổ đưa ra một phán đoán sao cho công bằng, rằng phở mình phở lão giỏi lắm một chín một mười, vì đâu lão đông khách như vậy? Thực mà nói sự phán đoán gọi là công bằng ấy vẫn đầy chất chủ quan, ngoan cổ nữa. Cái gì một chín một mười khả bất khả vượt, chứ phở thì vô phương, khác nào anh gạo Đồ so với anh gạo Tám. Đó là định phận và thánh cũng khó hoán chuyển. Để lần phẩn không thể xoá bỏ, lão Hách đánh thêm một đòn tối hậu. Đòn này sờ sờ trước mắt mà sao lắm anh chuyên trị phở ở Mỹ không nhìn ra. Lão quyết định bằng mọi giá phải cho khách nhìn thấy bếp phở, nhìn thấy nồi nước dùng bốc khói, nhìn thấy chủ nhân chững chạc điều dao khiến thớt, với thịt tái chín treo lủng lẳng, với những bó hành hoa xanh tươi. Nói tóm, dù sau một khung kính, phải cho khách sống lại cảm giác đang ngồi trong một hiệu phở thật, không phải là hiệu phở mà mọi thứ đã được làm sẵn đâu từ tuần trước, tháng trước theo cái đạo âm thực hết sức phở thông và sa đoạ ở nước này. Phải cho khách đói thắt ruột bằng mắt trước đã. Lão Hách từng khẳng định yếu tố này đánh tan những khuyết điểm máy lạnh, thăm trải, bàn ghế bóng lộn; vãi, theo lão ví von, hiệu phở nom sẽ vô duyên như một cô em suôn đuột nếu không thấy bếp phở.

\*

Đừng tưởng cứ phải làm cách mạng giải phóng, hoặc tìm đồng chí lập đảng, tìm chân tay lập chính phủ người ta mới cần tới đôi mắt biết nhìn người. Thành thật mà nói đứng bán phở như lão Hách cũng phải có đôi mắt như vậy. Nhiều khi đôi mắt ấy còn phải biến thành thiên lý nhãn khi cần, đứng một chỗ mà vẫn phải nhìn ra hết những chiêu pháp lén lút của bọn hắc ma giờ quẻ hại mình.

Tới đây bạn có thể bĩu môi: Làm cái gì mà ghê thế! Nhưng quả thế đấy bạn ạ. Với vợ con anh em trong nhà, lão Hách thường dặn dò, “Sống trên đời hơn người đã là một cái tội. Ngồi yên không có kẻ thù, nhưng đã vẽ chuyện làm thì phải cẩn thận, vì đó là lúc ta khởi sự có thù trong giặc ngoài. Một anh chủ báo lá cải hẹp bụng có thể đổ mắm tôm vào thanh danh ta nhiều khi chỉ vì ta từ chối một cái quảng cáo. Một tên du đảng nghiện ngập có máu liều có thể nhảy ngang vào hiệu đông khách dí dao xin tí tiền lẻ. Một bạn đồng nghiệp có thể bỏ nhẹ một lượng

thuốc xô vào thùng nước dùng dự trữ của ta trên đường đi xuống nhà cầu. Mọi việc đều cần nhìn thấy trước để kịp hoá giải, kể cả việc phán đoán cho chuẩn xác khi từ chối hay chấp thuận đóng góp tí tiền cho một tổ chức lạc quyên của đồng hương.” Còn nhiều, theo lão Hách còn rất nhiều điều lắt léo mà một chủ hiệu phở, dù bận đến không kịp thở, vẫn phải giương mắt lên nhìn cho xa để tránh hoạ lỗ nhỏ đắm thuyền.

Nhưng dù sao việc nhìn người cấp thiết vẫn là nhìn đám tín đồ thường ngày. Ba thằng *new wave* tóc xanh tóc đỏ, ăn mặc như quý sử yêu tinh, vừa bước vào ngồi bàn 12 coi thể chứ không nguy hiểm. Thứ mặt búng ra xi-ke mà đòi ăn diện thường không dám hỗn giữa ban ngày. Ngừ đó giỏi lắm chỉ dám ban đêm rình rập trong một xó bãi đậu xe, chờ dịp dí súng gỗ lộn tí tiền lẻ của một bà già tàn tật không may. Các cậu này đổ nước vo gạo vào bánh phở thiêu cho ăn vẫn thấy ngon.

Cái nhà cô phụ giáo bên trường Jackson, không mặc váy mà luôn phải mặc quần vì đi dép gai chống tê thấp, tóc chải kiểu công nương Diana, đang ngồi nơi bàn số 4 gần cửa kính trước quầy là người khó tính. Ngày đông tìm được một chỗ ngồi đã khó, nhưng cô vẫn lãnh đạm lắc đầu nếu chỗ ấy xét ra không vừa ý. Dù sao lão Hách tha cho cô cái tính khó khăn. Đàn bà con gái ăn coi nòi ngồi coi hướng vẫn là điều đáng khuyến khích.

Cái ông có bắp thịt không to nhưng đôi kính dâm thì to, ngồi yên như tượng dưới bức tranh lợn gà còn ai ngoài gã Tám Tàng. Gã là một tay anh chị bự. FBI có thừa báo cáo nhưng vô phương vò được gã thu thuế quả tang. Tám Tàng có thể xấu với cái xã hội bát nháo nhưng chơi được với phở Hách. BẠN chớ vội nghĩ “chơi được” ở đây như là thu thuế nhiều ít. Dân giang hồ thứ thiệt nhiều tay điệu ra phết. Tám Tàng là một tín đồ chính thống của đạo phở, không cúng thì thôi dám mà đến thu thuế thánh địa này. Có thể nói không mấy ai bỏ tí bánh như Tám Tàng. Ăn tô phở uống ly cà phê sữa đá sáu đô, gã ném trên bàn mười đô và nghiêm chỉnh nói với cô em chạy bàn, “Giữ lấy tiền lẻ, em gái hậu phương!” Típ như thế Mỹ trắng chơi không lại. Nhưng đổi lại tô phở cho Tám Tàng phải toàn hảo. Thịt đừng nhiều quá ít quá, hành tây đừng lộn lỏi, nhất là nước phải trong. Tô phở đem ra mà có những loang mỡ béo vữa địa đồ trên mặt nước dùng là điều gã rất phiền lòng. Lão Hách hách đúng, không hách xì xằng, cho nên lão không tiếc công khi hầu anh bạn này cẩn trọng hơn nhiều người khác. Thường khi ăn xong ra về, gã hay thò đầu vào gian bếp, nhếch môi khen lão một câu thông lệ, “Ngày càng tiến bộ đấy, ông chủ”; rồi như sợ thừa lời, gã khoan thai đi thẳng ra ngoài.

Kìa, đang bước vào là cặp vợ chồng chủ hiệu ăn Con Chim Xanh dưới khu nam. Ông chồng gầy như que tăm bơi trong bộ com-lê quá khổ, trông thâm như con hạc xệ cánh đứng chịu mưa; ấy vậy mà bà vợ lại béo như cái lu, phủ bên ngoài một bộ đồ bộ màu mè quá đáng. Buồn cười nhất là chính hiệu ăn của họ cũng có nấu phở, nhưng không trưa chủ nhật nào họ không dẫn nhau đến đây làm một chiều. Lão Hách chưa bắt chuyện với cặp vợ chồng này lần nào, thậm chí chưa biết cả tên thật, nhưng thế hoá hay. Nghề nấu phở, nghề ca sĩ, nghề mở phòng mạch hay nghề báo có khác gì nhau, quen lại đâm khó giấu những hòn đá lúc nào cũng có sẵn trong túi. Với cặp vợ chồng này, bát phở chỉ cần đánh đến sáu phần công lực đã đủ thẳng lớn. Không phải họ không biết ăn, nhưng chính vì việc họ làm đã giết chết nhiều phần vị giác và khứu giác của họ. Họ mở hiệu ăn với những món tấp nham, mục đích chỉ để moi tiền mấy ông bà Mỹ mà kiến thức về món ăn Việt Nam chỉ có mỗi chữ “chả giò.”

Thực khách còn khối loại người trong cộng đồng Việt Nam nơi đây. Chỉ riêng một xế trưa chủ nhật như hôm nay, có muốn lão Hách cũng không đủ thì giờ kể hết tiểu sử từng người. Lão chỉ có thể nói vắn gọn vài người trong nhóm tín đồ đã tụ vào hiệu lão và hiện chia làm hai phe rõ rệt. Một phe chiếm được chỗ ngồi, đang xì xụp húp nước phở, hoặc ngậm tăm, hoặc xem báo, hoặc tán gẫu chờ tới lượt được phục vụ; phe kia là đám người lẩn ngẩn đứng nơi cửa ra vào

với những đôi mắt lơ lảo, rình rập như những kẻ đang tham dự một cuộc chiến kiểu lẩn tránh giành dân.

Bất giác lão Hách nhăn mặt, rồi lại thản nhiên trở lại với một nụ cười bí hiểm trên môi.

\*

Đó là chuyện công tác vất vả. Nhưng nghề phở còn đòi hỏi hơn thế. Mồm, chân tay, mắt mũi đều có công tác tốt tuốt, đặc biệt lỗ tai. Ngoài việc phải nghe khách gọi, cự, mắng, khen v.v... là chuyện dĩ nhiên, lão Hách còn phải nghe cả những chuyện lảm nhảm khi chờ đợi việc buôn bán của lão. Người ta bảo chỉ cần hai cô em với một con cá thối đã đủ họp thành một cái chợ; hoặc chỉ cần ba ông anh với một bát phở đã biến ngay ra một hội đoàn, hai tổ chức và ba võ đài. Khám phá trên được chứng nghiệm nơi phở Hách. Mỗi ngày, từ sáng tới chiều, trong hiệu phở có mười hai bàn mỗi bàn bốn chỗ ngồi, đồ đồng mười đọt khách thì vị chi lỗ tai lão Hách đã được nghe đến bốn trăm tám mươi đề tài giang hồ đem vào đây mà tranh luận, thậm chí có lúc thượng cẳng chân hạ cẳng tay với nhau để giành chân lý về phía mình. Đứng nơi bếp phở lão nghe những gì?

Bàn 4 có hai ông, một bác sĩ và một nha sĩ. Hai ông này lão Hách quen mặt quá. Ông nha sĩ đang cạy miếng gân kẹt trong chân răng, bảo:

“Ờ ầy nó chửi lão ta quá, lòi tới ba đời bốn kiếp ra.”

Chắc hẳn ông nha sĩ đang đề cập đến một quan đốc bạn, lâu nay bị một tờ báo địa phương dùng làm thuốc bôi bắn phá tan nát thành trì một số quan đốc tị nạn vốn có đời sống không được lương thiện lắm ở đủ các mặt gia đình, xã hội và chính trị nữa.

Ông bác sĩ mặt như giọng, lạnh lùng:

“Cháy đũa nào đỡ đũa đó. Phe ta giảm thiểu dân số là vừa. Cứ đà này đến nhân mãn.”

Bàn 3 có ba người đẹp. Các cô đều là ca sĩ. Một cô nói về một cô thứ tư vắng mặt. Có lẽ cô thứ tư đang là một tai họa sắp tới cho cả ba cô, nên được nhắc đến với giọng đầy báo động:

“Bả sang tới Bidong rồi đó.”

Cô tóc dài nhất vén nhẹ mấy sợi tóc mai, cười khẩy:

“Nhằm nhò gì, đánh một đồn là tiêu ngay khi vừa cập bến Cờ Hoa.” Hai cô kia nhìn bạn với nét nghi ngờ. Cô tóc dài lại tiếp, “Bả cũng biên thư cho em, hỏi bên này đi số thế nào. Em tình ngay trả lời dạ có năm thước một sô.”

Một cô rú khế:

“Trời, tiền mã à?”

Cô tóc dài lại cười khẩy:

“Thì thế, cứ sang đây đòi năm thước một sô, đến khi hiểu ra năm bò một sô cũng không ma nào trả là vừa đủ thì giờ đi áp-lai một chức át-xăm-lờ.”

“Nước béo hành trần đây chứ!” Tiếng réo từ chiếc bàn gần cửa nhấn vào gây nhiễu âm lớn trong tai lão Hách. Cô em chạy bàn nghe réo vội dừng cặp chân tất bật, ngửa cổ đáp vọng lên trần, “Nước béo hành trần một bát có ngay!” Tiếng hỏi đáp như vô tình có giá trị giống phát súng lệnh cho một cuộc nổi dậy ẻo uột cấp làng xã. Đồi ba ông lão lụ khụ ngồi nơi bàn số 6 góp tiếng cự nự sự chậm trễ. Gì chứ dẹp cuộc cách mạng cỡ này là phần vụ của các cô cậu chạy bàn, lão Hách bình chân như vại.

Bàn số 1 có hai đôi thanh niên nam nữ vào ngồi. Họ ăn mặc đồng phục màu xanh dương, ra dáng có tính đoàn tịch chi đó, và còn tha thêm một cây *guitar* dựng sát tường.

Một thanh niên đập tờ báo đang đọc xuống bàn, chửi đồng:

“Tiền sư chúng nó, xé rào nhiều quá!”

Cô gái có mái tóc dài ngạc nhiên hỏi:

“Xé gì cơ?”

Cô bên cạnh huých bạn, gắt khế:

“Là về khoe áo gấm ấy.”

Anh thanh niên thứ hai gạt đi:

“Minh sắp dùng phở, lại là phở Hách, xin tạm gác mấy chuyện tởm ấy lại để dùng phở cho ngon.”

Tiếng được tiếng không nhưng lão Hách đã nghe thấy câu “lại là phở Hách,” lão nẩy một nụ cười y như của Cai Xanh. Nếu Cai Xanh kết thúc tiếng cả cười của gã bằng câu hóm hỉnh, “Mấy chú em bán quán ở vùng này cũng đã biết rõ đến ta ư,” thì lão Hách lại ngừng tay dao, gõ chiếc thìa vào một cái ly ba tiếng cạch cạch cạch. Đây là ám hiệu triệu hồi khẩn cấp một cô em chạy bàn. Đúng thế, chỉ sau tiếng gõ vài giây một cô bé chạy vào. Lão Hách tay xất đều như máy trên một miếng gầu giòn, hất mặt ra ngoài bảo, “Ưu tiên bốn tô đặc biệt cho bàn số 1!” Dù biết đây là một sự đảo lộn trật tự bất thường của ông chủ, cô bé dạ ngoan một tiếng và bê phở đi. Lão Hách nhìn theo bốn tô phở vui vui trong bụng: một câu nói hay cả bày được thưởng! Còn cô chạy bàn vừa bưng vừa nhìn nội dung bốn tô phở. Cô chắc hẳn bốn cô cậu bàn 1 phải là bà con ruột thịt chi đó của ông chủ hiệu.

Quên ngay bàn số 1, lão Hách nhìn vào thùng nước dùng đã cạn đến lòi xấu dưới đáy. Lão kéo lên một số nhỏ đồ đồng ọc vào thùng lớn, xong thò tay điều chỉnh ngọn lửa ga. Vừa cầm dao cạo lớp mùn trên thớt lão vừa nhìn thăm dò phía ngoài một vòng. Lão đếm thật nhanh số thực khách còn lại. “Cân,” lão nói khế.

Bàn 11 có cặp vợ chồng ăn mặc bảnh như dân địa ốc. Sau màn chụm đầu thăm thì họ buông nhau ra, ngó quanh với khí thế như muốn tiếp tục cuộc nổi dậy ở bàn số 6 ban nãy. Bốn ánh mắt hần học cùng chiếu vào lão Hách. Nhưng êm ngay. Một cô em đã kịp bưng đến trước mặt họ hai bát “tái nạm gầu gân hành trần nước béo” như họ đã gọi mười phút trước đó. Thêm một âm mưu nổi dậy bị dập tắt trong hiệu phở Hách.

“Số 5 số 7 tính tiền!”

Bà Hách béo trắng ngồi sau quầy tính tiền. Tiếng gầm của bà khiến mấy cô cậu chạy bàn lúng túng, họ hè nhau rống lên:

“5, 7 tính tiền!”

“5, 7 tính tiền có ngay!”

“5, 7 có *bill* đây rồi!”

Một cậu chạy bàn cầm hai chiếc đĩa nhựa nhỏ đựng giấy tính tiền chạy đến bàn số 5 trước. Ông khách vừa móc bóp phoi, vừa nhìn anh thanh niên, giọng ngạc nhiên hẳn:

“Ủa Tấn, mày ra trường rồi mà?”

Anh thanh niên cũng vừa nhận ra người quen. Lưng anh thẳng lên và giọng có lớn hơn một cách khác thường:

“Dạ chú Năm, chú mạnh giỏi? Cháu ra kỹ sư năm rồi, có điều lóng rày xương sập nhiều quá, mà cháu thì... trời ơi...”

Anh ta khoa cái đĩa thứ hai lên trời rồi chạy tấp tới bàn số 7.

Chiếc đồng hồ quả lắc hiệu Quartz do chính lão Hách mua, nhưng nhờ vận động, từ ngày khai trương nó vẫn mang bên dưới hàng chữ “Phòng Thương Mại Cộng Đồng Thân Tặng” vừa từ tốn buông mấy tiếng điểm ba giờ trưa. Sắp nghỉ, lão nghĩ bụng. Bốn giờ là đóng cửa, lão đã viết rành rẽ trên bảng hiệu. Lão sẽ chẳng sợ mịch lòng ai, dù hiện trong hiệu vẫn đầy những

tiếng húp phở, tiếng kéo ghế, tiếng va chạm xin lỗi nhau, tiếng gọi phở, tiếng thúc giục, tiếng năn nỉ của cô em chạy bàn, tiếng nước sôi, chuyện kháng chiến, chuyện ra báo mới, chuyện thất nghiệp, chuyện gửi quà, chuyện bang giao v.v... Lão Hách vói tay lấy bó hành hoa đặt trên thớt, tay trái giữ chặt bó hành, tay phải ấn mạnh một đường dao. Hơn mười củ hành với tóc tai râu ria lẩn long lóc như cuộc xử trảm tập thể thời cải cách ruộng đất. Lão nhìn ra ngoài, nghĩ bụng còn phải làm thêm ít ra mười tô nữa.

Gần bốn giờ khách tự động ngớt rồi chấm dứt hẳn. Lão Hách cười khế. Lão hãnh diện mình có những thực khách khôn ngoan và tự trọng. Nhưng cái me xử nhà văn kia thì không tự trọng tí nào. Phong thái ông ta có vẻ cũng ăn uống cầu kỳ đấy, nhưng ông luôn luôn là một thực khách muộn màng. Gần như thế, từ ngày mở hiệu đến nay, lão nhớ ông nhà văn chỉ được phục vụ đâu với hai ba phần công lực vớt vát. Hôm nay bất giác lão thấy áy náy trong lòng. Nhìn ông nhà văn ngồi khổ hạnh mà ngay ngắn để ăn bát phở cuối cùng của hiệu, lão muốn lân la nói một đôi câu cho lương tâm thanh thoi nhưng không kịp nữa. Vợ lão đã dọn cơm ra. Mâm cơm gồm một liễn cơm, một đĩa đậu phụ rán, một bát tương Cự Đà “cụ Chí” và một đĩa cải luộc. Giữa khi lão theo dõi đôi bàn tay mấp trắng của vợ xới cơm ra bát -- bàn tay có những ngón mềm với chiếc nhẫn cưới lẩn vào trong thịt -- thì có tiếng hỏi:

“Ủa ông chủ, sẵn phở sao không làm luôn một tô mà lại vẽ vờ cơm nước?”

Lão ngược lên thấy ông nhà văn đang ngó dăm dăm vào mâm cơm đạm bạc, miệng như phà ra mùi mỡ bò. Lão lắng tai nghe sâu trong bếp. Lão tin đến chín mười chín phần trăm có cô cậu nào vừa làm mẻ một cái tô. Lão nhìn ông khách, và dường như một ngày một ngất đã đủ cho giọng lão trầm xuống, gần với sự hiền hoà. Lão nói:

“Từ nào vẫn thế bác ạ, bỏ nước đi mười bốn năm qua chúng tôi nào đã được một bữa phở!”

“...!”

“Đành tí cơm sống qua ngày.” Như không cho khách chen vào, lão thở dài tiếp ngay, “Mà bác cứ xem, sang đây quả có thừa mùa đấy, nhưng bánh thì thế kia, thịt thà thế kia, rau rác thế kia, nhất là người, là cảnh thế kia thì thử hỏi làm sao có được tô phở, hưởng được bữa phở cho đúng cái đạo phở.” Ở hờ tiếp lấy bát cơm từ tay vợ, lão chép miệng, “Có nhúng tay vào làm mỗi ngày chẳng qua để đỡ nhớ nhà đấy thôi, bác văn sĩ ạ.”

*San Diego 5-89*

\*\*\*

**Phụ đính:**



**Cố hương**

Cụ Hồng Ân đã bước vào tuổi cổ lai hy, cho nên cụ cư xử với chúng bạn – kể cả những người bạn thật trẻ – một cách điềm đạm cởi mở. Bữa nào gặp chuyện căng, lại có tí rượu, xảy tranh luận, và cụ có lẽ lộ ra phần nào cái khối óc quảng bác của cụ, đến nỗi tạo ra chút khói lửa la đà, là y như rằng cụ cất ngay tiếng cười hề hề đến ngộ, và nói một câu ngắn gọn như thông lệ, cốt như ngăn sao cho kịp để bạn hữu dừng lại đúng lúc trước bờ vực nóng giận. Nếu câu chuyện ấy mà do cụ đề xướng, thì cụ bảo: “Hê hê... láo cho vui cả ấy mà!” Và nếu đề tài do người khác đưa ra, cụ lẽ đặt cho đương sự vài câu hỏi hóc hiểm khiến ông ta sửa soạn phùng mang trợn mắt, thuốc chữa của cụ vẫn là: “Hê hê... láo cho vui cả ấy mà!” Mãi rồi cái thành ngữ “láo cho vui cả ấy mà!” của cụ biến thành một thứ minh triết. Bọn trẻ tuy không nói ra nhưng quả có thâm ửng trong bụng. Chuyện đời ngoài kia đã bát nháo lắm. Gần như mọi mặt. Có thêm hương thêm sắc chẳng vì thế mà hoa cút lợn biến thành hoa hồng cho được. Bàn là bàn cho vui đấy thôi. Ai đại gì lại để cho cái mùi xú uế đọng lâu trong khu vườn hoa của cụ, làm giảm đi hương vị những tách trà Bắc Thái xanh thơm, giảm đi những câu chuyện mà theo cụ: Văn hoá là cái chi chi, nếu chẳng là tiếng nói, là cái ăn, cái mặc? Cho nên bọn trẻ năng đến với cụ, kéo nhau vào lăm chuyện cổ kim những ngày cuối tuần, rồi khi sửa soạn cáo lui, gần như họ mặc nhiên đồng ý với thành ngữ nay đã được giản lược là “láo cả!” của cụ làm dấu chấm hết. Nhưng trên đường về, mấy cái “láo cả” ấy có khi vương trong lòng lăm điều nghĩ ngợi.

Thắm đến với cụ Hồng Ân như một người đồng hương trẻ tuổi. Thường khi anh đến cụ hay đem những loại trà quý pha uống với nhau. Cụ vốn biết anh cũng mê trà lắm lắm. Gì chứ lăm trường hợp cái thứ cao trà coi vậy nó cũng có sức dính hết sức lạ lùng. Nhưng trên hết, Thắm đến với cụ để học những điều mà anh cho là nếu thiếu, chuyện dạy con trong nhà hãy yêu lấy quê hương xem ra là điều khó thông. Đến trúng bữa cơm, thế nào cụ cũng vồn vã kêu vợ con lấy thêm bát đĩa, rồi với tiếng cười bắt hủ, cụ kéo ghé bảo: “Hê hê... tiện thể ấy mà.” Thắm ít khi cãi ý cụ. Anh ngồi xuống mâm và hai người lại bắt đầu nhắc nhau nghe – đúng hơn là cụ nhắc khéo cho anh nhớ – những món ngon quê nhà, không phải Sài Gòn, mà mãi tận xứ Thanh xa như giắc mọng.

Trúng bữa phở là cụ lung khởi:

“Này ông, ông còn nhớ quê mình có câu ‘chó con so bò con dạ’ đấy chứ nhỉ?”

“Vâng, em cũng... mang máng.”

“Nghĩa sao nhỉ?”

“Dạ...”

“Đúng rồi. Bò con dạ.” Cụ quay sang các cô cậu đang vừa ăn vừa lắng tai nghe, nói như giải thích chung: “Chó nó để lừa đầu con sẽ to, nhưng bò thì ngược lại, phải từ lừa thứ hai trở đi con mới to mới tốt.”

Rồi cụ yên lặng, cẩn thận chọn một lá húng thật tươi, đưa lên miệng cắn, chỉ một tí thôi, sợ như nếu nhai cả cái lá húng ấy sẽ là quá độ, vị giác sẽ thơm quá độ, có nguy cơ làm cho miếng nạm tiếp theo không còn nguyên hương vị của nó mà đến biến thành một miếng bạc nhạc xoàng xĩnh. Đợi cho miếng ăn đã yên ổn trong bụng, cụ mới ngược nhìn Thắm, cứ như không hề thấy sự lúng túng của người bạn trẻ, lại hồn nhiên tiếp: “Mà chắc ông còn nhớ cái bát phở Bái Thượng đấy chứ?”

“Dạ... lờ mờ lắm!”

“Xa quê mấy mươi năm thế mà đồ tôi quên cho được. Gớm, đâu mà lại có thứ gầu nó giòn đến thế, nhai cứ canh cách như nhai miếng củi dứa ấy thôi, vừa béo lại vừa thơm.”

“Nhưng sao đặc biệt thế thưa bác?”

Ông cụ ngưng đĩa, nhìn Thắm với ánh mắt vui vẻ:

“Đấy, chuyện cũ rồi cuộc rồi cũng chỉ lũ già này phải nhớ đấy thôi. Ông biết vùng Bái Thượng mà. Cỏ lảng Lam Sơn tốt vô cùng, lại là vùng núi đồi, có thể vì thế bò nó khoẻ ăn khoẻ chạy,



thành ra miếng thịt miếng thà nó thơm lạ thơm lùng. Nói không sợ thậm ngôn, đi cách quán phở nửa cây số miệng mũi mình nó đã nở cả ra.”

Thẩm lặng lẽ húp từng thìa phở bà chị mà lòng trôi dạt ngàn dặm về chốn cố hương. Lại có lần khác đến cụ ngồi nhâm nhi lon bia với mấy con nghêu, anh buột miệng nhắc:

“Bác còn nhớ cái món bún phi không bác nhỉ?”

Cụ Hồng Ân trợn mắt:

“Trên ba trăm ngàn cây số vuông tổ quốc chỉ có mỗi quê Thanh mình có cái món tiến vua ấy mà ông lại cho là tôi quên được à?”

“Ngày ấy ở thị xã cứ sáng sáng đầu ngõ nghe tiếng rao ‘ai phi...i...i... mua!’ là mợ em thế nào cũng gọi vào.”

“Ai mà chả gọi vào! Gớm, cái nước phi đựng trong nồi đất sao mà nó ngọt, nó thơm đến là như vậy, ông nhỉ? Dễ hơn bốn mươi năm qua mà nhắc lại, chặc chặc, tôi vẫn như còn thấy tô bún với cái màu nước nhờ nhờ, những con phi trắng nuột trắng nà nó thơm nó bùi trên lưỡi ấy thôi. Mà ông còn nhớ rõ hình dạng con phi đấy chứ?”

“Vâng.”

“Giống giống con trai ông nhỉ, to chỉ bằng hai ngón tay.”

“Em nghe nói ở biển Sầm Sơn có hai luồng nước ấm lạnh...”

“Chết, ông có nhớ nhầm không? Ông biết sông Mã mà.”

“Em chỉ nhớ tí chút cái đoạn Hàm Rồng thôi!”

“Đấy đấy, Hàm Rồng đi lại chỗ cầu Tào không bao xa. Sông Mã đến đoạn này sẽ chảy tiếp ra cửa Lạch Triều, còn một nhánh tách thành sông Tuần ở ngã ba Tuần chảy qua làng Hà Thượng. Mà làng Hà Thượng đất xấu lắm, sông Tuần đoạn này nước thường chảy ngầm dưới cát. Mãi đến mùa lụt thường vào tháng sáu bảy tám âm lịch mới gọi là có nước, nhưng vì ngoài biển nước tràn vào, thành ra nước ở đây lợ. Con phi phát xuất khoảng này và trong điều kiện này đấy ông ạ.”

“Nhưng sao nó lại thơm ngon đến thế hả bác?”

“Tôi không chắc tôi đúng lắm đâu. Nhưng có lẽ đoạn sông này cát, không lắm phù sa, vì thế phi nó không béo quá để đến nổi tanh. Và nói không sợ thậm ngôn, đi nhiều mới thấy tôm cá xứ Thanh mình nó ngon nhất nước ông ạ. Tôm cá ngoài bắc thì gầy, còn trong nam lại quá béo; ở Thanh từ con cá thu đến con cá nục, từ con cá chim đến con cá hồng, cá trích, cá khoai hay đến cá thồn bơn đi nữa, cá nào cũng thơm ngon đặc biệt. Nó không quá gầy để xác, mà cũng không quá béo để tanh. Hay là cái ưu điểm địa dư nó chiều bụng những ông đồ khó ăn ông nhỉ? Chắc vì thế mà dân gian mới có cái câu ‘xứ Thanh gạo trắng nước trong’ chẳng? Nhưng nhớ thì tôi nhớ nhất cái món gỏi cá quê mình.”

“Cá chép bác nhỉ!”

“Còn phải nói. Nhưng phải là cá chép vào mùa có trứng cõ. Trứng với lòng cá bằm làm cái nước giềo, còn gọi là nước bõng, phải quánh lại như mật thì ăn mới ngon. Nhưng đến chết tôi cũng chẳng quên được cái món gỏi cá lạnh ông ạ. Các cụ mình đã có câu ‘cá lạnh đầu nhỏ mình dài; tớ cũng tranh thầy ăn gỏi trừ cõm.’”

“Em cũng mê gỏi cá lắm thưa bác. Nói ăn trừ cõm được quả không ngoa bác nhỉ?”

Cụ Hồng Ân tùm tùm:

“Nhưng mà này, ông có biết vì sao mà gỏi cá nó ngon, ăn mãi không chán không?”

“...?”

“Chà, để ăn gỏi ông biết rồi, hàng vài chục loại rau chứ ít gì. Lấy lá sung ván cái phễu, rồi chất dần lên nào lá đinh lăng, lá vọng cách, lá ổi non rồi cá, rồi nước bõng. Ăn một miếng với từng đó lá đã đủ đầy miệng. Có miếng có rau này mà không có rau kia, có rau kia lại không có rau nọ. Ăn mười miếng đủ mười vị khác nhau. Thế thì chán làm sao cho được phải không ông?”

Lũ trẻ ăn xong mở nhạc inh ỏi. Cụ quý bày cháu nhỏ không bắt tất, chỉ bảo chúng vịn nhỏ lại thôi, rồi như có hứng cụ đũa luôn Thắm xuống dòng sông Mã đã chẳng những lắm huyền thoại, lắm cá tôm mà còn lắm cả âm nhạc nữa.

Cụ bảo:

“Mà lạ, cứ nhắc đến sông Mã, đến tôm đến cá là tai tôi như lại cộm lên những điệu hò.”

“Cậu em cũng thường hay nhắc đến phong cảnh lồng lộng lắm thác nhiều ghềnh của con sông, nhắc đến những chuyến đò dọc với đủ quy củ, hiệu lệnh đã thành nếp từ lâu đời. Cụ bảo mỗi con đò dọc là một tổ chức độc lập gồm năm người.”

“Cụ nói đúng đấy. Hò Sông Mã có câu ‘Kể từ trên bến ra khơi; anh tài đập lái, bốn anh em tôi cầm chèo.’ Nhưng có bao giờ ông tò mò tự hỏi vì đâu tổ tiên ta có những bài Hò Sông Mã như thế không nhỉ?”

“Người Thanh nhiều văn nghệ tính?”

“Cũng có thể. Nhưng tôi thì tôi nghĩ có lẽ là tổ tiên mình đã sớm biết ứng dụng văn nghệ vào thực tế đấu tranh. Đã bao lần tôi đứng bên bờ sông Mã rét mướt, mưa mù, nhìn những chuyến đò dọc vượt nhiều đoạn thác ghềnh rất dễ sợ, nhất là cái đám kết gỗ bè thả dọc từ miền rú xuống. Kinh lắm. Mà cũng hùng vĩ lắm. Con người dám thách đố với thiên nhiên như vậy mà thiếu tổ chức, thiếu quy củ là chết như chơi. Có lẽ vì thế mà Hò Sông Mã biến thành một liên khúc ăn khớp với nhau chẳng? Nào là Hò Rời Bến, Hò Đò Ngược, Hò Đò Xuôi, Hò Mắc Cạn, Hò Cặp Bến; hò như đã biến thành sức động viên toàn tâm toàn lực cho cả thuyền vượt thử thách mà về đến bến bình an.”

Cụ Hồng Ân nói một hơi, rồi như câu chuyện có sức mạnh lôi ngược cụ về nửa thế kỷ dĩ vãng, nơi ấy có chàng thanh niên đứng nhìn xuống dòng nước từng in bóng bao đổi dời lịch sử; nơi bà Triệu không chịu thua bà Trưng; nơi vua Lê mà qua truyền thuyết tính khí chắc là nóng nảy, bộc tộch lắm, đã phát cờ dựng nghiệp; nơi hai họ Trịnh Nguyễn khởi một cuộc phân tranh, nhúng dân tộc vào vũng tang thương cả trăm năm dài, nhưng trong cái rủi có cái may, đất nước nhờ đó mà có được bờ cõi như bây giờ.

Thoắt như chìm trong cơn mơ màng, cụ Hồng Ân lại tiếp:

“Ông nhớ ngã ba Trịnh đấy chứ? Chỗ sông Chu sông Mã gặp nhau. Thế đất giống như cái gai vậy. Cha ông mình nói nơi đây là cái đuôi rồng, chỗ phát nghiệp nhà Lê. Lạ lắm ông, nước sông Mã đang hùng hổ đổ xuống, đến đây thì hai bên bờ như hẹp lại, hãm hết sức nước lại.

Câu hò vang vang trên những con đò dọc nhỏ nhoi mà kiêu hãnh:

Cầu lim, ván tầu, song sào.

Rửa chân cho sạch, bước vào trong khoang

...

Sông Tuân một dải nông sờ

Hàm Rồng một dãy lò mờ núi cao

Vui thay núi thẳm, sông sâu

Thuyền đi hai dãy như sao hôm rằm

...

Thâm trời còn nhớ trăng trong

Tuy thuyền ngái bến, nhưng lòng vẫn ngẹn...

Cái giọng vừa mạnh vừa nặng, giọng không dấu ngã, như cái âm hơi nhiều cường lực bốc lên từ lồng ngực những con người mang tính khí thẳng mực Tàu, gần như là cực đoan trong tư duy, gần như là quyết liệt trong chiến đấu – người Thanh – của cụ Hồng Ân đã ngưng lúc lâu, thế mà Thắm vẫn ngẩn ra. Anh thấy trong đôi mắt già thường ngày tươi vui vừa thoáng một vàng thâm trời – bầu trời u ám.

Cụ nói khẽ, gần với sự thâm thì:

“Tiếng Thanh mình ngẹn là gần ngái là xa. Ngái quá rồi ông nhỉ, mà lòng mình có giây phút nào không ngêu cổ hương!”

Một buổi sáng mùa Hè Thắm đến chơi giữa lúc cụ đang đánh trần sơn cái giàn hoa trước nhà. Thắm la lên:

“Chết, sao bác leo trèo thế kia.”

Từ ghế cao ngó xuống, cụ cười:

“Hề hề... Đồi tôi đã làm lắm nghề. Sáng nay mới làm thêm nghề đi chợ đấy ông. Vớ được mấy con cá tươi lắm.”

“Vâng, đây gần Newport Beach, thỉnh thoảng người ta có bán cá biển tươi.”

“Không, cá sông ông ạ, striped bass. Có đũa cháu trên San Francisco hay xuống chơi, bảo trên đó có con sông nước lợ, có giống cá tôi vừa nói đấy, là quý ngư trên đồi. Sáng nay đi hớt cái tóc, ghé qua tiệm hải sản không ngờ lại gặp quý ngư, tươi rói, cổ còn gắn cả nhãn kẽm đề chữ striped bass cẩn thận, tôi hớt mấy con về ăn thử xem sao.” Cụ tụt xuống, đặt hộp sơn trên đất:

“Đám trẻ chúng đi làm cả, sơn dở sơn dang nom ngửa mắt quá, tôi làm thử luôn nghề sơn xem đã chết ai. Hề hề... đợi tôi chùi tay tí nhá!”

Lát sau hai anh em ngồi bên mâm trà, Thắm mới thấy chằng vì thế mà cái thùng sơn, cái chổi quét đã được cụ bỏ hẳn ngoài sân.

Cụ nói:

“Phải nói xứ này nó văn minh thật. Nghề nào cũng có, và trong cái rừng vật liệu biết chút nguyên tắc tìm cái gì cũng ra. Quê mình xưa coi thì lạc hậu, nhưng thực thì lại thể hiện một lối sống văn minh cách khác. Ông có biết xứ Thanh mình xưa có bao nhiêu nghề không ông?”

“...?”

“Dĩ nhiên là tương đối, là trong một giai đoạn nào đó thôi.”

“...!”

“Quê mình sự hiểu biết đó họ gom hết vào ca vè ông ạ. Ca vè Đường Bộ, ca vè Đường Biển, ca vè Quả, ca vè Chim, ca vè Cá. Tôi nhớ không lầm xưa xứ Thanh có đâu độ mười tám nghề thôi. Ca vè Các Thợ cho biết vậy mà. Đoạn nói về thợ sơn sao nhỉ? À...

Thợ sơn người thế trên đời

Sơn từ gác phượng, những nơi tường đào

Sơn lọng chớp bạc, sơn ngựa long châu

Gì nữa nhỉ? À...

Mùi sơn lạt, mùi sơn tươi...”

Cụ lại khựng, gãi trán. Thắm nói vào cho đỡ trống:

“Ồ, nhiều năm lắm em lại mới nghe lại cái chữ mùi. Mùi là màu bác nhỉ?”

“Thì vậy. Nhưng biết bao giờ mới sơn lấp đi được cái mùi đồ ấy!”

Hình như cụ còn muốn đọc thêm gì nữa, nhưng khi biết trí nhớ không chiều mình, cụ chất lưỡi:

“Cũng vì nhiều năm như ông nói mà tôi quên hết cả! Mà lạ, ông để ý xem, óc mình nó kỳ lắm, tên biển thủ thứ dữ đó. Gửi gì cho nó mà lâu lâu không thanh tra sổ sách là có ngày mất sạch. Giờ tôi quên nhiều quá. Uống đi ông, cái trà Bắc Thái mà kỳ trước ông bảo tôi uống nó rồi uống thứ khác không được nữa đấy!”

“Em mới lòng được ở phố Tàu một loại kỳ chủng thật hay. Để hôm nào...”

Cụ gật gù:

“Hề hề... nghĩ cũng lạ, sang cái xứ này cái gì cũng hào hạng hết á. Trà có tuyển nó mới đem sang đây. Thế mà sao tôi vẫn nhớ nhưng một bát chè lá Phú Điền ông ơi. Uống vừa thơm vừa bùi. Ngon không thể tưởng được!”

“Vâng, chả thế các cụ nhà mình đã không bảo ‘khoai ao Lang Xá chè lá Phú Điền!’”

“Ông còn nhớ!”

“Nào em có nhớ cái nước chè ấy cho cam, chỉ nhớ địa danh vì thửa bé cậu em hay cho sang chơi nhà ông chú bên Hậu Lộc.”

“Ừ, đúng đấy, Lang Xá Phú Điền đều thuộc huyện Hậu Lộc, gần đền bà Triệu ấy mà.”

Thốt nhiên cụ nhìn lung ra cái màu nắng sáng trên cây cỏ, để lạng đến lúc lâu, rồi mới thăm thì:

“Biết bao giờ nữa, ông nhỉ?”

Thẩm góp tí lạc quan:

“Em tin thế nào cũng có một ngày về bác ạ. Hai anh em mình sẽ đi với nhau. Bác sẽ chỉ lại cho em những lối đi cũ, những con đê, những bờ sông, những đỉnh núi, những di tích lịch sử, và cả những miếng ngon nữa. Em tin bác còn nhớ cả!”

Cụ Hồng Ân nhìn Thẩm, giọng băng khuâng:

“Đường xá thì còn nhớ như in, chỉ có cái từng đó tháng ngày đày đọa sợ núi kia cũng đến mòn, sông kia cũng đến cạn, nói chi những miếng ngon. Nói ngay từ lúc còn ở Sài Gòn tôi đã lo lo như vậy ông ạ.”

Rồi như muốn giấu một tình cảm, cụ thốt cười: “Mà thôi ông còn trẻ, chớ sa vào cơn mộng, vào cái mối lo kiểu lo bò trắng răng như đám già này làm gì, nguy đấy!”

Thẩm cười nhẹ. Anh không muốn nói với cụ điều suy nghĩ của anh. Đi là một hứa hẹn đem sự phong phú trở về. Non hai mươi năm qua người mình dần thân vào thế giới ồ ạt như lũ người đi tìm vàng, anh tự biết mình có mặt trong đám người ấy, nhưng không thiếu lúc lòng nổi lấm hồ nghi. Anh cố tự hãm mình lại trước sự lạc quan quá đáng. Anh gom chuyện cũ như thằng bé tí hon gom những hạt đậu nhét túi và rải dọc đường. Anh muốn những lúc mệt mỏi ngoái nhìn ít lấm anh có được chút yên tâm. Mai kia một nọ tới lúc quay về anh sẽ không lạc, và bây con anh hy vọng cũng nhờ đó mà không lạc. Giờ đường còn dài, chim trời sóc núi lại nhiều, anh đến với ông cụ là để xin thêm những hạt đậu bỏ túi đấy thôi!

Nhìn nét nghĩ ngợi trên mặt Thẩm có lẽ cụ Hồng Ân đoán được bụng anh, nhưng lái đi:

“Hôm nay ông đến chơi chắc phải có chuyện gì đặc biệt, ngày thường mấy ai mà rảnh thế này!”

Thẩm nhớ ra mục đích của mình, anh lôi trong túi ra một bao thư:

“Dạ vâng, hôm rồi em nhận được lá thư một người hàng xóm cũ mới sang định cư bên này.

Ông ấy bảo bên nhà có gửi theo cho em đôi lá thư và tí quà. Thấy thư có chung khu bưu chính với bác. Họ còn cẩn thận dán gần nhà có một khu chợ búa lớn chi đó.”

“Đây thì đâu mà chả có chợ búa. Đâu đưa tôi xem nào.”

Cụ cầm lấy bao thư xem qua, mắt hơi nhú lại:

“Ở đây mười mấy năm rồi sao cái tên đường này nó lạ thế nhỉ!”

Cụ nhìn ra đường. Mười một giờ nhưng nắng vùng biển chưa lấy gì làm gay gắt. Gió ngai ngái. Những luống hoa muôn màu muôn vẻ như ngằm chứa sức lôi cuốn một cuộc dạo chơi cho những đôi chân nhàn hạ.

Cụ Hồng Ân chợt hỏi:

“Trưa nay ông rảnh chứ?”

“Vâng, hôm nay em cũng chẳng có gì bận.”

“Thế thì tôi giữ ông lại dùng cơm trưa với tôi. Để bảo bà nhà tôi ra vườn nhặt mớ thì là nấu tí giấm cá ăn cho mát ruột. Trong khi chờ đợi mình thả bộ tí chơi, nhân tiện tìm xem cái nhà nó ở đâu.”

Một già một trẻ vui chân thả dọc hết đường này sang đường khác. Đi như đi dạo nên chẳng ai quan tâm tới việc phải lục xem bản đồ. Cả hai vừa đi vừa xem hoa, xem nhà, vừa ơ hờ nhìn tên đường, nhìn thành phố vắng lặng.

Cụ Hồng Ân hỏi:

“Ông thấy nước Mỹ nó vĩ đại ở điểm nào nhất?”

“Em ấy ạ? Em thì em nghĩ cái vĩ đại nhất của nó là nó tiến được tới sự bình đẳng tiêu dùng cho mọi người.”

“Cũng hay...”

“Thế bác nghĩ sao?”

“Tôi lại nghĩ láo rằng cái vĩ đại nhất của nó là nó xoá mờ được mọi ranh giới. Người ta phải tỉnh táo lắm mới biết được mình đang đứng đâu trước lần ranh xưa với nay, sướng với khổ, chủ với nô trong cái đời sống mà như ông vừa nói đó, có sự bình đẳng tiêu dùng.”

Mặt trời đứng bóng nhưng cuộc đi dạo vẫn chưa đạt kết quả sau cùng. Cụ Hồng Ân ra dáng sốt ruột.

Cụ bảo:

“Xưa cha ông mình hay mắng con cháu ‘Đường ở đâu ấy à? Đường ở mồm mày đấy!’ Sang đây trật lất cả. Hỏi đường phải hỏi bản đồ.”

Trên trán cụ Hồng Ân nắng soi óng những giọt mồ hôi như hạt tằm.

Thẩm áy náy:

“Chắc bác mệt rồi, hay mình về đi, chút nữa em xem bản đồ tìm lấy vậy.”

Cụ Hồng Ân đồng ý. Hai người lại quay về các lối cũ. Khi còn cách nhà độ mười ‘lốc’ phố, cụ bỗng dừng chân, la khẽ:

“Ồ, nó đây này!” Rồi cụ dáo dác nhìn ngược xuôi: “Tưởng đâu, hoá ra lại là con đường chạy vòng phía sau khu thương xá vùng tôi. Chết, chết thật!”

Thẩm dừng chân nhìn lên tám biển tên đường. Bầu trời xanh ngắt. Nắng trời chang chang. Vài cánh chim bay qua buông mấy tiếng kêu thanh thản. Bất giác anh nhận ra trên khuôn mặt hồng hào của cụ Hồng Ân như thoáng một nét nhăn nhó, gần với đờn đau. Hay vì mãi nhìn tám biển cụ vừa va vào cây cọ to lớn sần sùi kia?

Anh lo lắng hỏi:

“Bác sao thế bác?”

Cụ lắc đầu, nhẹ thờ dài:

“Khi không tôi lại chóng mặt ông ạ.”

“Thế thì mình phải về thôi. Bác dùng cơm rồi nghỉ.”

Cụ chỉ nhẹ gật đầu. Về tới cửa cụ dẫm chân trên tám lốt, quay nhìn quang cảnh quen thuộc trước nhà với một nét mỏng tư lự; nhưng rồi thật nhanh, bộ mặt hồng hào tươi vui cố hữu đã trở lại với cụ, và cụ chép miệng bảo:

“Hê hê... Thế ra mình đã sống láo cả! Quên phéng mất cái câu ‘Ở đây ăn bát rau chành, còn hơn chồn khác mâm gành cổ gơ (\*).’” Rồi cụ chỉ tay nhường lối: “Thôi mời ông. Trưa nay ta ăn món giấm cá và có lẽ cả hai phải cùng chú ý xem loại striped bass ở đây nó thơm thịt như thế nào.”

Non hai tiếng sau Thẩm mới ra về được. Cụ Hồng Ân tiễn anh ra tận xe. Cụ xoa hai tay, cười đầy nhưng có vẻ bồn chồn, mãi khi anh sửa soạn đeo dây an toàn cụ mới dẫn đo hỏi:

“Thật thì ông thấy thế nào?”

“Thưa chuyện gì ạ?”

“Thì cái giống striped bass?”

Thẩm cười:

“Dạ... Em thấy cũng vậy vậy.”

Một luồng hạnh phúc như từ đâu sa vào đôi mắt cụ Hồng Ân, cụ đột ngột reo lên:

“Biết ngay mà! Nó chỉ béo béo vậy thôi phải không ông, bảo là quý ngư trên đời là láo, láo quá, so với cá Mè sông Mực chấm nước mắm Do Xuyên quê mình.”

## Truyện cũ

Tính chàng cẩn thận, đi đâu khoá cửa trước sau, hướng hồ tử giả ngăn kéo trong nhà; vậy mà một chiều mùa Đông từ toà báo về, lười nấu, ghé quán ăn bậy tô mì, tính rút điện thoại ngủ sớm, vừa mở cửa thấy ngay nàng ngồi nơi bàn viết, mặc tấm áo vàng chàng tặng khi xưa nay thời gian đã làm ó bạc phần nào. Nàng ngồi kín đáo khép chân, tưởng như sự phát phì đã nuốt trửng phong cách khiêu khích cũ. Đàn bà, chàng nghĩ, chỉ thời gian hạ nổi sự cường dã nơi họ!

Nàng lên tiếng trước, giọng mệt, khá mềm mỏng:

“Ngạc nhiên?”

Chàng cởi áo khoác móc trên giá:  
“Tài ha, vào cách nào vậy em?”  
“Anh không từng bảo em luôn sống giữa tim anh?”

Cải lương! Chàng cười thầm, xoa tay, hỏi lảng:  
“Sao không vận sườn cho ấm?”  
“Thành tro lâu rồi còn biết gì lạnh!”

Lại dối! Nhưng nhờ đó chàng lại hiểu rõ hơn một điều. Thời gian chỉ làm mòn nét đẹp nàng nhưng không làm mòn được cá tính. Nàng chúa gậy. Và đó là một cách gậy. Nhưng thôi. Ba năm rồi ít gì. Gặp lại con mèo lạc người ta còn thương, huống hồ tình cũ.

Chàng đến bên đặt khế tay trên vai nàng. Nàng không chống mà vói một tay chặn trên tay chàng. Giữa lúc chàng băng khuông nhìn làn da tay nàng nhăn nhúm khác thường thì nàng đột ngột ngửa mặt cười; chàng cố cười theo, giọng đầu dậu:  
“Nhiều lúc nhớ em...”  
“Những tối không có lũ đào non quấy rầy?”  
“Đừng...”  
“Lạ gì bọn đàn ông các anh.”  
“Nữa.”  
“Chúa ích kỷ.”

Chàng thả người xuống chiếc ghế kế bên, giọng giả lả:  
“Sao, ích kỷ sao, nói nghe.”  
“Vấn mình vợ người. Ấy chứ đứa nào chim vợ mình không phạm tội giết người cũng toan tội tự tử!”

Thấy bất nhẫn, chàng toan ôm lấy nàng thì nàng hơi dạt ra, nhẹ khoa tay, giọng thương cảm bất ngờ: “Thôi em rút lại. Em nào phải vợ anh. Mười năm sống ba năm xa.”

Nàng đặt hai tay trên đùi, cúi nhìn chiếc bụng đầy đà trên đôi hông nở nang, thở dài: “Em xộc xệch quá rồi anh hả. Bị quên cũng đáng đời. Nhưng chớ nghĩ em quên anh đâu đấy. Báo anh giờ hàng đầu. Chiến lắm. Hôm nay không dưng nhớ, ghé thăm, nhưng đừng lo, chẳng nhờ đấng hiểu hiể hỉ miễn phí đâu.”

Thế là:  
“Chai nào ngon em?”  
Nàng cười:  
“Người có danh rượu vang có tuổi, chai nào quên lâu nhất sẽ đậm đà nhất!”  
Căn phòng bít bùng ba năm qua lại đầy khói thuốc lá, rượu, tiếng cười, tiếng khóc, và dường như có hơn hai con người.

□

Rượu nắm tay chàng dẫn đến sự ngã ngớn nhưng nàng thì không, mặt cứ sạm dần như bụi phủ.

Nàng bảo:  
“Anh hứa mình sẽ sống với nhau tròn ba mươi năm. Ba mươi năm phải là ba mươi chương đời thấm thía.”  
“Sao?”  
“Anh làm hỏng em, bôi bẩn lên tường đời một bệt và bảo đó là chữ yêu.”

“Anh...”

Nàng thờ dãi:

“Chẳng trách giận dẫu, nhưng bao giờ anh bỏ được thói hư đó?”

Chàng nốc chút cặn rượu, nói kiểu chữa ngược:

“Đời có những thói hư chưa kịp sửa đã già!”

“Chạy làng đấy!”

Đột ngột nàng đứng lên lặng lẽ nhìn ra bóng đêm ngoài cửa sổ, lâu lắm mới thăm thì: “Dãy lê kia đã nhìn em với bao mùa Đông trôi qua!”

Chàng khẽ nhắm mắt, đầu nổi những chòm cây lấm tấm hoa trắng như lũ bạc đầu, bắt giác nghĩ cần an ủi cho sự bề bàng của người đàn bà chàng quá hiểu vì dẫu dâm dang dở.

Chàng nói khẽ:

“Anh xấu quá, phải không?”

Nàng quay phắt lại, mắt có ngấn lệ, giọng cay đắng hẳn:

“Nhưng anh là đàn ông!”

“Thà làm người đàn bà đẹp hơn làm người đàn ông xấu!”

Nàng chưng hửng:

“Vẫn thói ngạo mạn! Nhưng tệ là anh không làm theo điều anh nghĩ. Anh phá huỷ em. Đến sự hiện hữu của em anh còn chẳng thiết, nữa là đẹp.”

“Nhảm nào. Có điều...”

“Lại biện bác.”

“Không, thật đấy. Anh thề anh muốn em sống mãi, đẹp mãi, nhưng...”

“Trăm sự có phải vì anh tham, anh lý tưởng?”

“Có thể, nhưng em ơi, em cần biết mọi dự tính đều thần tiên lúc khởi đầu nhưng ác quỷ xuất hiện trong chi tiết.”

“Và vì thế giày chật vút giày đi, không gọt chân mình được?”

“Anh...”

Chàng nói ngập ngừng như kẻ ngọng, rồi úp mặt vào lòng nàng không rõ để cầu hoà hay giấu khổ sở. Nghe giọng nàng biết. Xin đến nơi. Trời đêm bên ngoài bê bết màu đèn vàng lạnh. Biết có nói, có kể, thậm chí có rên xiết cũng bằng thừa, nàng lặng lẽ lấy gối kê đầu chàng, đi thu dọn ly tách chai lọ, lau bàn, sắp xếp gọn ghẽ mọi thứ như một người vợ hiền. Rồi nàng ra soi trước gương, phủ nhẹ ít nếp nhăn trên tấm áo khoác vàng, thờ dãi người thấy mùi bụi mốc. Ngủ lại với chàng chăng? Nàng tự hỏi. Trời ơi nàng chưa quên chút nào những tật xấu của chàng khi ân ái, nhưng cũng vì đó nàng say đắm chàng. Yêu xong chàng hay với tay lấy gối thuốc chỗ đó, bật diêm, gác chân lên thành giường chỗ kia, rít sâu từng hơi, mắt đăm chiêu như cố hình dung lại một thân thể nào đó trong lũ đào non của chàng. Nhưng đêm nay rõ chàng đã già, mới nửa chai vang đã lặn như cái lọ thế này còn nước non gì! Nàng quyết định ra về với mối sầu chịu đựng. Lần cuối liếc qua bàn, nàng đọc trúng câu thơ chàng viết dở, ngẫm nghĩ giây lâu.

Câu thơ viết:

...

Ô hô ai tai!

Ô hô ai tai!

(Có nhiều gạch xoá.)

Những cánh buồm xưa giờ đã rách,  
không còn ủ được gió tương lai (\*)



...

Nghĩa là sao vậy nhỉ? Thốt nhiên nàng phát giận đùng đùng. Nàng phun vào bàn viết chàng một tràng những từ không đẹp đẽ. Rồi như phải tìm cho ra kẻ xúi giục chàng bệ rạc, bỏ bê mình, nàng nhìn quanh, khi bắt lược, diên tiết nàng gạt luôn một xấp báo của chàng vào thùng rác, đẩy mạnh cửa bước ra ngoài trời sương.

Có giọng nhừa nhựa để ghét nói với theo:  
"Khoá trái giùm anh, cứng nhé!"

□

Gần sáng lạnh ngắt nhưng men rượu khiến chàng thèm nàng, thèm khủng khiếp. Chàng vòng tay ôm lấy nàng, mò mẫm trong ngực nàng, bất giác thất kinh. Đâu mà gầy nhanh thế. Lạnh gáy nghĩ có người đàn bà lạ vừa xâm nhập phòng mình, chàng bật đèn, ngỡ ngác thấy trên giường chỉ một khối cô đơn, vài quyển sách vụn vặt, dăm tờ báo lem nhem. Nhưng lạ, không hiểu sao trên bàn viết lại nằm xộc xệch chồng bản thảo đã dày bộn chàng cất đầu trong ngăn kéo mấy năm qua; đó là bản thảo một tiểu thuyết viết dở dang, một tiểu thuyết chàng từng mơ một thời, ước một thửa.

Ngồi xuống ghế, rà nhẹ bàn tay trên bìa sách vàng ó có những vết mực cũ loang như máu mắt, chàng lắng mãi vẫn chưa định được ngoài trời gió nổi hay lòng vừa chộn rộn một nỗi ray rứt, u hoài./.

(\*) thơ Trần Kiều Bạt

*Alhambra 1-96*

## L a c n h a u

Nàng đã gần bốn mươi nhưng nhìn thoáng như mới ba mươi, có vẻ đẹp cứng cõi của một loài hoa xương rồng, quen lẻ loi và tự tin chịu được sự thử thách của mọi thời tiết. Nàng quan niệm hạnh phúc là một đời sống biết thoả hiệp với hiện tại, có thể vì thế ngay khi chân ướt chân ráo đến Mỹ, nàng đã cặm cụi học một nghề chuyên môn. Giờ nàng là một dược sĩ, làm ca đêm cho một dược phòng ở phố South Pasadena. Nhiều năm qua nàng chia phòng với mấy cô bạn nơi một căn nhà trên đại lộ Atlantic phố Alhambra, đoạn trồng nhiều dừa và tử kinh đào. Nhà và sở cách nhau mười phút lái xe. Trước rảnh là nàng đọc sách, ít giao du, thậm chí ít ra ngoài sân ngồi. Nàng sống an nhiên tự tại. Gần đây cuối tuần nàng hay ra bao lơn ngồi nhìn núi. Ấy là vì trước nàng manh nha hiểu hoá ngục là sự cưỡng hợp giữa hai con người trái tính, nay hiểu thêm xua một người khỏi nhà không khó nhưng xua một tình yêu khỏi đời không dễ, vì thế lòng an nhiên tự tại có mẽ đôi phần. Thật vậy, nàng vẫn thường hình dung ra chàng mỗi khi nhìn lên dãy San Gabriel. Vào mùa sương mù núi nhạt hẳn. Có lúc nàng đã bắt gặp trên đó đôi nét cũ mờ, giống giống những bức ảnh từng treo trong phòng chàng, và điều đó có gây cho nàng chút hoảng sợ âm thầm.

Ngày ấy như mới đầu đây.

Đó là một chiều trước ngày lễ Tro, từ nhà cô bạn trên miệt El Monte nàng chạy về sửa soạn đi làm, về đến Alhambra xe chết máy thỉnh linh. Hai cậu thanh niên Mỹ vừa đẩy giúp vào khu đậu xe của một thương xá thì gió đổi chiều. Một lát có hơi nước. Núi trở đen như thổi mực Tàu. Rồi



mưa. Mưa mù trời đất. Nhà cửa mờ nhạt. Con người mờ nhạt. Cả thành phố thung lũng chỉ dãy núi là còn khá rõ. Nàng bước đại vào tiệm Mervyn's trên đường Main, vừa để đậy mưa vừa hưởng chút ấm áp của máy điều hoà. Nàng xem đồng hồ tay. Còn hơn tiếng. Nàng gọi điện thoại cho hãng trục xe, yên tâm dạo qua các quầy hàng xem chơi, tính gần tới giờ sẽ gọi về nhà cô bạn đến chờ tới sớm.

Đang ơ hờ ngắm mấy lọ nước hoa thì chàng đến bên. Chàng như có ngại ngần giây lát mới hỏi:

“Cô Nữ?”

Nàng nhìn chàng, một người đàn ông quăng bốn lăm, ăn mặc hơi cầu thả, cao gầy, mắt sâu, tóc hơi mỏng, dài. Đặc biệt nụ cười không tươi.

“Vâng...” Nàng đáp, cố thần nhiên.

“Tôi là Hoài, bạn học của anh cô ngày xưa.” Chàng cười bối rối: “Không dè...”

Nàng ngạc nhiên, tính đặt câu hỏi, nhưng như đã đoán ra trước ánh mắt dò chừng của nàng, chàng đổi nét bối rối sang nét thân mật, nói chận: “Hồi ấy thú thật tôi chưa có dịp đến chơi nhà, nhưng bọn trai trẻ, cô Nữ hiểu, không biết bạn mình có em gái đẹp còn lồi nào lớn hơn?”

Nàng không rõ lắm mình bẽn lễn hay khó chịu trước lời khen tặng. Nó có vẻ đột ngột, gần với sự suồng sã. Nàng muốn tỏ một thái độ chi đó, không xong, đành nói:

“Dạ không dám.”

Chàng lại hỏi, giọng hồn nhiên hơn:

“Thế gia đình cô sang đây hồi nào, ông anh mấy cháu rồi?”

“Dạ... tám năm trước tôi vượt biển có mỗi mình. Anh tôi mất vì lao sau ba năm tù.”

Nàng buột miệng và tự ngạc nhiên về sự thành thật hơi sớm và hơi quá của mình. Nhưng chàng thì thoáng nhăn mặt, giọng xa vắng:

“Hoá mỗi tôi đào ngũ. Mới ngày nào chung lớp chung trường, rồi động viên cùng vượt, giờ bề dâu hết. Thế cô Nữ có gia đình chưa?”

Nàng xóc lại chiếc ví đeo vai. Thử. Nàng tính nói dối đại một câu, nhưng chẳng rõ lý do vẫn cứ thành thật:

“Dạ chưa.... Thế anh ở đâu?”

“Có nên hỏi một người homeless sống ở đâu không? Gặp cô Nữ mừng lắm. Tôi xa nhà từ 75, thể mà, vâng, thể mà thoáng thấy cô tôi nhận ra ngay.”

Khi ngồi đối diện với chàng trong quán cà phê ngay cạnh tiệm Mervyn's nàng mới hoảng ngẫm trong bụng. Và khi chàng chở nàng đến sở, lái xe đi, nàng mới tự hỏi tại sao người ta chỉ quen báo động sự nhẹ dạ cho những bé gái mười lăm mười bảy? Nàng đã tin nhẹ dạ là cái bóng không rời của mọi trái tim đàn bà.

Phòng trọ của chàng nằm trên đường Commonwealth, một nhánh của đại lộ Atlantic. Có lần ghé chàng, qua cửa sổ, chàng chỉ đứng nóc nhà nàng và nói: “Hơn năm ở đây nào ngờ em ở ngay kia. Thật ném lá thư tình cũng tới.” Nàng cười lặng lẽ. Nàng không còn lạ lối ăn nói hồn nhiên, đôi khi thi vị của chàng. Chàng không là một thi sĩ đó sao? Mà thi sĩ là gì nếu không phải một sự giản dị khó hiểu? Họ chưa chát hoá một cuộc đời họ yêu rợn rã; họ phá sản hoá một tâm hồn vốn đầy dẫy tin yêu; họ say đắm họ và đồng thời họ coi thường họ. Có thể nàng hiểu chưa đủ về một con người như chàng, nhưng tạm để hiểu chàng là thứ người chỉ có một mảnh hồn bé nhỏ nhưng muốn chia cho tất cả.

Dù sao nàng đã yêu chàng, dễ dãi, nhanh chóng, bất ngờ nữa; giống một cô gái kỹ rượu trong ngọn lửa ấm một đêm liên hoan, nể đời, nàng nhấp thử chút rượu ngọt và say, nhưng đáng sợ là từ đó mỗi ngày không có chút rượu nàng không biết tìm đâu ra một cảm giác ấm lòng huyền diệu. Và như thế, eo ôi, nàng đâu được phép để nguồn tình yêu của nàng phải bệ rạc. Mà chàng thì bệ rạc, hiểu theo nghĩa của nàng.

Chàng làm việc tại nhà. “Mười mấy năm qua anh chưa từng làm việc cho tên Mỹ nào.” Một lần chàng nói như thế với nụ cười khó hiểu. Đứng ra chàng nhận hàng về làm từ một studio chuyên sửa và chụp lại các ảnh cũ của một người bạn trong vùng, vì thế phòng chàng lúc nào cũng bừa bộn. Phim ảnh giăng ngang dọc như người ta phơi tã. Những thuốc màu, hoá chất, cọ lớn cọ nhỏ, khay nước rửa, máy sấy... Đó là một thế giới có chai lọ nằm trên nệm giường, ổ bánh mì nằm trong gầm bàn, đóa hoa cắm trong chai bia, lịch sử gắn trên vách. Quả vậy. Trên vách phòng chàng nàng có thể thấy lại được các tấm ảnh chụp đủ kỳ quan đất nước, những hình ảnh chiến tranh ác liệt, những cô dâu chú rể ở vào thời nàng chưa ra đời, thậm chí những đám ma; nói chung, đủ quan hôn tang tế.

Có lần chàng vui vẻ chỉ một tấm ảnh, nói:

“Đòi bằng được anh khoả thân giúp.”

“Hả?”

“Ông chồng thì xin lột hộ khăn đóng áo dài, bà vợ thì xin lột hộ chiếc áo gấm nhị thể. Họ muốn com-lê váy đầm cơ.”

“...!”

“Nữ đoán coi nhiêu?”

“...?”

“Nàng bầy bó chàng bầy bó rươi.”

“Rồi sao anh?”

“Rồi sao? Phải đúng hẹn chứ sao. Ba ngày nữa giao. Các cụ ấy mà. Biết đi lúc nào. Kịp giúp họ góp thêm tiếng cười nhạt vào một sân khấu đã thừa trào lộng không là việc phúc đức?”

Đại loại đó là công việc của chàng. Chàng nói vui nhưng không biết chàng làm có vui. Một buổi đến chơi chàng như quên mất có nàng bên cạnh. Chàng cặm cụi tô vẽ một bức ảnh, có lúc dừng tay bâng khuâng, ngẫm nghĩ. Nàng có cảm tưởng bức ảnh như chất xúc tác bén nhạy cho chàng cọ sát với dĩ vãng từng ngày. Trong cái thế giới tĩnh vật chàng tiếp cận, có nhiều dấu hiệu nó không êm ả mà hàm chứa một mãnh lực khác thường. Có thể chàng nghĩ nó như dòng nước ân huệ đem phù sa bồi đắp vào một bên bờ có mình chàng đứng, giữa khi bào mòn bờ bên kia là đám đông có nàng, hay cặp vợ chồng già đòi thay quần áo mới trên tấm ảnh cũ.

Chàng thao thức nhiều với dĩ vãng. Nàng đoán vậy.

Được cái không bao giờ chàng sai hẹn với hiện tại. Cho dù cả buổi trời gọi điện thoại, thậm chí đến tận phòng tìm không gặp, nhưng năm phút trước giờ nàng đi làm chàng đã đậu xe trước nhà, và năm phút trước giờ tan sở nhìn ra khu đậu xe đã thấy xe chàng.

Khi lái xe trên đường khuya chàng ít nói. Những đêm gió thổi bần bật bên tai chàng chẳng buồn lên kính. Trong xe nàng chỉ thấy tóc chàng bay rối làm mờ thêm một nửa mặt vốn đã không rõ nét. Nhưng nàng biết đó là lúc chàng lại mãi mê đeo đuổi những kỷ niệm nàng không thể tham dự.

Một lần nàng hỏi:

“Lái xe mà sao anh cứ nhìn núi?”

Chàng thờ dãi, nói nhỏ:

“Đây dễ lạc nhau quá. Phải giữ lấy một điểm chuẩn, phòng khi...”

Nàng không tin mình hiểu thấu đáo ý chàng. Đôi khi nàng có ngờ đó là một loại tâm thần. Nàng tính đề nghị chàng nên đi học lại, kiếm một nghề chắc chắn, quân bình lại cuộc đời, nhưng rồi ngại đó có thể là lời khuyên không khéo, lại thôi.

Lát sau nàng hỏi:

“Hoài à, hình như nhiều người không chấp nhận được xã hội này... Anh sao?”

Chàng cười:

“Chỉ chấp nhận xa xỉ quá, anh có chi nổi. Vấn đề là làm sao yêu được một thứ mình không yêu.”

Nàng bối rối:

“VẬY CUỐI ĐƯỜNG CHÚNG TA LÀ GÌ ĐÂY? ĐỪNG GIẬN EM NÓI THẬT NHÁ. LÊU BÈU LÀ MỘT NGỤ NGÔN XẤU HỔ CHO TÌNH YÊU ĐẤY.”

Chàng chỉ nhìn nàng, không phản ứng. Nàng mơ hồ hiểu hơn về một điều đáng sợ. Có những người hoàn toàn không sống với thực tại. Có thể chàng là một mắt rôi.

Và cứ thế, đêm đêm ngồi với nhau một lát trong bãi đậu thảng thốt tiếng chim khuya, hay tấp vào cây xăng rề tiền, hay lái trên con đường một bên nhà cửa một bên núi đen sẫm, chàng không kể nàng nghe những chuyện trong ngày, thậm chí chuyện lú đờ, chàng cứ nhắc tới những câu chuyện cũ mà trong thâm tâm nàng không mấy gắn bó, không thể chia sẻ.

Một hôm nàng rủ chàng đi với nàng dự một dạ tiệc của hiệp hội được sĩ trong vùng, trùng ngày 30-4. Chàng ra dấu ngần ngại. Nàng khuyến khích. Chàng hỏi:

“Người ta có thể đến với bữa tiệc chung bằng một ý nghĩa riêng?”

Nàng cười:

“Ăn cá nhớ biển, ăn thịt nhớ rừng; mà ngược lại chẳng ai bỏ tù mình.”

“Được, vậy đi. Anh sẽ ăn giỗ.”

Nàng chưng hửng, sau thêm kinh dị. Nàng không dè trong chàng còn chứa sự hung hãn. Nàng không biết câu chuyện khởi đi thế nào, chỉ biết lúc ấy tiệc gần tàn, ở một góc tách biệt, chàng đã nắm chặt một chai bia, đầy nét giận dữ thách một người Mỹ đầu hói có bộ râu bạc ra ngoài “giải quyết vấn đề.” Các bạn đồng nghiệp của nàng cho là hai người say, can và không ai gọi cảnh sát. Nàng đem chàng về và dù gặng hỏi thế nào chàng không nói nguyên do. Đêm ấy chàng ngồi uống rượu một mình, uống dữ dần, lát sau đổ xuống nệm nằm như xác chết. Nàng chán nản tắt đèn; không đèn ngủ nàng bật đèn nhà tắm, rồi bỏ về. Nửa khuya sốt ruột, gọi điện thoại không ai nghe, nàng lại phải mò sang thăm chừng. Đó là lần đầu ngồi một mình trong bóng tối nàng được chứng kiến bi kịch một màn một cảnh một nhân vật.

Chàng quỳ trên thảm trải đầy những hình ảnh nhàu nát, mắt trơ trơ như mù. Điều đáng sợ là chàng nói, nói thật điềm tĩnh, như một người đọc lời cam kết trước rất nhiều người về một việc hệ trọng. Nhưng việc gì? Nàng không hiểu. Cho đến khi chàng đổi thái độ điềm tĩnh sang học tốc thì nàng có thể đoán hiểu phần nào. Chàng cúi đầu bới trên thảm như muốn chôn cất hay giấu giếm một khối thân yêu nặng vô hình vào một chỗ an toàn. “Ồ yên đây!” Chàng thầm thì: “Khi trở lại tao bốc tụi mày. Phải tin tao ghét lối hẹn.” Nàng cố ngồi yên, kiên nhẫn ghi nhận. Một sợi ánh sáng từ kẽ cửa phòng tắm như thanh kiếm sắc cắt chàng làm đôi. Chàng đổ xuống, thê thảm như một con nhện mắc kẹt ngay trong chiếc lưới dầy đặc của chính nó nhả từ bụng ra. Đó là lần đầu tiên nàng thấy sợ chàng. Chàng như đổi màu, như biến thành một thứ của cải của người chết và nàng ớn sợ khi nghĩ nếu mình phải chạm tay vào. Mãi cho đến khi chàng thật sự đầu hàng giấc ngủ nàng mới đắp chăn cho chàng, rồi lặng lẽ đóng cửa, lặng lẽ ra về. Trên đường khuya nàng nghĩ ngợi nhiều. Nhưng những việc ấy không đòi hỏi nàng một sự giải quyết, nó là của chàng, thuần túy. Sự băn khoăn của nàng nằm ở chỗ khác. Sao thế, sao lại có sự trùng hợp kỳ quặc như thế? Liệu có giá trị khả tín nào trong lời mơ hoang của một

người say? Nàng đã khám phá ra một điều kinh dị hơn cả: Cô Nữ trong giấc mơ chàng tuyệt nhiên không phải là nàng. Người anh, gia đình, những thân thuộc của chàng từng ân cần nhắc tới không phải của nàng. Tất cả đều khởi đi từ một ngộ nhận!

Nằm trên giường đêm ấy nàng suy nghĩ thật lung, sau dận lòng thôi cứ yên lặng, cứ để cho những câu chuyện kể của chàng được tiếp tục say sưa, nguyên vẹn. Nàng không nỡ đẩy chàng ra khỏi giấc mộng. Lại có lúc thấy thương chàng quá, nàng còn táo bạo với ý nghĩ bênh vực: Coi như chàng chui nhầm màn một phụ nữ, cứ để yên cho chàng hưởng sự thú vị bất ngờ!

Chàng đã đột ngột đến với nàng như cơn mưa vào ngày lễ Tro và biến đi như bụi cũng vào một ngày lễ Tro hai năm sau đó. Hai năm ân tình có đủ ghi những nét sâu đậm không thể phai mờ? Nàng hồ nghi dù không chối cãi nàng không hoàn toàn thản nhiên khi thất lạc một tình yêu. Và vì thế những khi nhìn núi nàng lại chạnh nhớ đến chàng, và không thiếu lúc khẩn thẳm nó vẫn là điểm chuẩn cho chàng.

Dù sao mỗi khi nhắm lại bài thơ - như một trang nhật ký chỉ mới phác đôi nét mơ hồ - chàng viết tặng nàng trước lúc âm thầm ra đi, nàng vẫn riêng hy vọng với hai câu kết. Bài thơ viết:

*Bóng núi tối như nắm mồ lớn  
Chim khuya riu rít biết chim gì  
Lái xe đi mỗi đêm như thế  
Gió vỗ về trên mặt tái tê*

*Ta cứ thấy xa lạ vô cùng  
Giữa đất trời hai mươi năm sống  
Te te te kèn xe ngó ngang  
Gã râu ria tưởng tên cổ vấn*

*Và cứ thế khi ta đón em  
Chỗ sở làm gần cây xăng rẽ  
Em quen ta hay ta quen em  
Không thiếu lúc dị thường như thế*

*Rồi trên xe ta không hôn nhau  
(Theo thói quen những người ở Mỹ)  
Chỉ dịu dàng em cười cúi đầu:  
Ôi chàng trai của tôi đáng trí*

*Và cứ thế ta phục hồi nhau  
Bằng lập lại những câu chuyện kể...*

Hai câu thơ mặc nhiên có hàm chứa một lời hứa hẹn mơ hồ, ấy là theo ý nàng, và vì thế đến nay nàng vẫn chờ chàng trở lại./.

*Alhambra 3-95*

## **B ê n t h ề m**

Như đời anh chưa hơn một lần may mắn bắt được tín hiệu ấy. Anh thốt thờ dài. Đời hai lần đi

cư, bắc xuống nam rồi đông sang tây, căn cốt một cậu bé nhà quê thô thể là cứ tuần tự bị đô thị hoá hết cả bề ngoài. Thay đổi ấy đòi có lắm tặng cho lắm thứ nhưng cũng lấy đi của anh lắm thứ, trong có cái tín hiệu mùa xuân mà dường như đâu cũng vậy, người ta chỉ bắt được nơi miền thôn dã giống chỗ anh đang sống hiện giờ.  
Luy nghĩ mình sẽ ngồi rình cánh chim trở lại.

\*

Tình bảo:

“Em thích ở đây.”

Luy nhìn dọc con đường mòn trước nhà. Trên những cành dẻ còn vương tí gió rét của mùa đông giông bão Đại Tây Dương đã khuất. Thứ gió rớt lòng này anh nhớ từng quen từng cảm. Nó bám trên những ngọn thông khi cơn bão qua đi ở quê Thanh -- thứ bão lắc rung các cột lim trong nhà như những thanh đu. Anh tính bảo vợ khi một người đã chán cái bánh nếp thì chắc không còn lý do để thích một hạt nhân đậu, nhưng thôi. Hai tháng nay anh giấu Tình căn bệnh đã biến chứng hiểm nghèo.

Khi không Luy buột miệng:

“Nó sẽ trở lại.”

Tình ngạc nhiên:

“Cái gì trở lại?”

“Cái vòng cung.”

“Vòng cung gì?”

Luy giải thích vào nét nghi ngại của vợ, rồi nói:

“Này em.”

“Gì anh?”

“Đã bao giờ em thấy một tín hiệu mùa xuân chưa?”

“Nghĩa là sao?”

Mất hứng, Luy bảo:

“Thôi.”

“Lạ, thì nói rõ em nghe.”

Luy cười, khẽ đọc:

*“Xuân đời chưa hưởng kịp...”*

“Lại cụ Vũ. Anh kỳ. Mình đang hưởng đây thôi!”

“Sàng tới sây lui xuân chẳng được mấy mùa.”

Thốt nhiên Tình choàng tay qua vai chồng, cười bảo:

“Thông cảm. Cứ thuốc đều giùm em là hưởng chẵn trăm xuân.” Rồi thốt chỉ tay qua cánh rừng đối diện, Tình reo lên, “Đó, nó trở lại rồi kìa, anh nói đúng, đẹp thật, đẹp quá trời!”

Khi không Luy lại thấy lòng hoang lạnh. Anh chống tay xuống thềm nói vu vơ:

“Mùa này ngoài Thanh hay ăn món cá thu nướng kho riềng mía.”

Tình mỉm cười quay vào bếp.

\*

Dòng Katawba cách đây năm bảy dặm đường rừng mà lắm lúc Luy vẫn nghe như có tiếng nước xô xao chảy qua đầu. Hè rồi đi câu có người bạn bảo sông này xưa đầy một giống cá bông lau to như thân chuối nay đã tuyệt giống, hoặc vẫn còn rơi rớt nhưng ẩn trong hang không cho người đời thấy nữa. Lúc ấy trong tiếng ve râm râm Luy có lặng đi. Tự dưng anh nhớ đến miền Tây. Nhớ quá. Hồi ấy trên chiếc tàu tuần nhỏ có lần anh cứ tiến mãi vào một vùng trời nước hoang sơ với ý nghĩ thống khoái chưa ai khác ngoài thầy trò anh là những kẻ đầu tiên.

Trong hơi gió chướng hoa so đũa, hoa ô môi bắt đầu mở mắt trắng hường nhìn xuống vùng đầm lầy mênh mông mà nước bắt đầu rút để cá bắt đầu quẫy tìm đường ra sông. Đó, mùa xuân! “Chưa ông thầy ơi,” một người lính truyền tin bỗng nói. “Để trúng kỳ nó tới em sẽ bắt cái ‘morse’ mùa xuân chính hiệu xứ này cho ông thầy coi.” Vào một sáng kia người lính chợt chỉ một bệt mây xám từ xa bay tới.

“Nó đó!” hấn reo lên.

“Cái gì vậy? Giặc cào cào, hay dơi?”

“Chim Lá Rụng.”

“Chim Lá Rụng?”

Người lính nhìn lên đám mây giờ đã hoá thành tấm thảm thần khổng lồ óng bạc đang bay qua, giải thích:

“Dạ, cứ vụ gặt mùa xuân vừa tới là nó đi kiếm ăn từng bầy. Ông thầy coi, cả trăm ngàn con chó ít chi. Năm nào như năm đó, không sai hẹn, bị vậy mà dân miệt này coi nó mới chính là dấu hiệu mùa xuân, dù dân nhậu chịu đi lưới lắm. Chu cha ông thầy chưa thấy nó đáp đâu; khi đáp nó khép cánh cho rơi xuống trông y chang một rừng lá rụng.”

Đó là lần đầu trong đời Luy thấy một tín hiệu mùa xuân. Anh đem lòng yêu thăm vùng đất có tiếng muỗi kêu tựa sáo thổi đĩa lội tựa bánh canh này. Đôi phen anh tự nhủ khi tàn chinh chiến anh sẽ chẳng về lại quê Thanh, cũng chẳng sống ở Sài Gòn, anh sẽ về sống với cái vùng đất màu mỡ này...

Tết rồi có người về thăm quê miền Tây, khi trở lại Mỹ buồn giọng kể anh nghe, “Cá chim miệt đó đã hết trội hết trơn, đã tuyệt giống lâu rồi!” Luy rót tí rượu mùi. Cảm ly rượu đứng tựa cửa nhìn ra cõi mênh mông thơm buồn, bắt giác anh buột miệng ngâm khê:

*Về chào nhau năm mới  
Khi tình đã cũ rồi  
Ngập ngừng nâng ly rượu  
Thấy bóng hoa đào rơi (\*)*

\*

Tình đã trở ra đứng sau lưng chồng. Nàng thốt cười, hơi gần:

“Bao giờ anh mới để cho anh được thư thả tâm hồn?”

Chẳng quay lại, Luy nói:

“Quen tai biển mất rồi, từ ấu thơ.”

Rồi anh trao chiếc ly không cho vợ, thấy trong bụng nôn nao, cái nôn nao nhẹ gần với sự bồn chồn, luống cuống của kẻ lỡ muộn một chuyến tàu, hụt một cuộc hẹn. Anh thầm trách sao không sửa soạn trong ngoài hơn chút nữa, hăm hờ hơn chút nữa để cùng vợ đón một mùa xuân mà nó vừa nghiêm chỉnh gửi anh một tín hiệu. Bất giác anh thấy áy náy. Anh dặn lòng nhất định mình phải thay đổi một thái độ. Từ phút này anh sẽ sống lại trong sự cảm kích một miếng ăn ngon, một câu chuyện vui, một hạnh phúc đang có thật. Anh sẽ lập lại với vợ câu tình tứ ỡm ờ ngày cũ “Thường xuân tí nhá?” nhưng rồi lại ngập ngừng. Ngộ nhờ đôi má Tình không còn rục lên một màu hoa đào thì sao, và tai anh không còn được nghe mấy lời thăm thì âu yếm “Có khoẻ không đấy, trong người có khoẻ thực không đấy,” thì sao?

Luy ảm giọng bảo vợ, “Dọn cơm ra ăn ngoài này đi. Mình vừa ăn vừa chờ con *robin* trở lại.”

\*

Cơm xong. Một bữa cơm trưa bên thềm xuân không ngờ lại có sức kéo mỗi người đi về một ngã hồi tưởng riêng tư xa nhau đến thế. Rồi Tình dọn bát đĩa vào trong. Luy ngồi lại một mình. Khi nhìn ra cánh đồng cỏ xanh bóp bóp đôi chân, lần nữa anh lại thấy lòng oải ra. Anh thấy mình kiệt sức rồi cho một cái gì tươi; ghê hơn, cũ mất rồi cho một cái gì mới. Anh thấy như anh không còn vừa cho bất cứ gì ở ngày tới, ở mùa tới, ở thế kỷ tới. Lần này thì sự bồn chồn, luống cuống như tụt tay, không chỗ bấu víu và rơi hết cả vào nỗi ngậm ngùi. Luy trở dậy bước vào nhà. Chồng sách bị đụng đổ xuống. Những cánh hoa đào bị khuấy động bay tan tác bên thềm. Từ trong bếp Tình lần nữa reo qua cửa sổ, "Đó, nó đó, nó trở lại đó!" Luy ngoái đầu nhìn lại cánh rừng. Con *robin* không vẽ đường vòng cung nữa mà lần này nó vẽ một đường thẳng như mũi tên bay vút vào khu rừng không tỏ.

Bước qua khung cửa Luy cúi đầu nhủ thầm: Thôi, thế là nó không trở lại nữa rồi, mãi mãi./.

(\*) *thơ Ngữ An.*

*Glendale 9-1999*

## Đêm hè

Cô gái mười chín và chàng trai hơn cô ba tuổi. Họ đang chung bước vào mùa hè nóng đầu đời. Họ yêu nhau.

Nơi thành phố miền tây này nàng ở xóm dưới, xóm có nhiều người Tàu, gần bờ sông, xa xóm học, nơi có những dãy nhà xây tường vách cũ kỹ, rêu phong. Ban ngày dưới những gốc phượng đầy cánh hoa đỏ tả tơi lũ bé gái nô đùa rần rần, còn lũ bé trai thì làm chủ trên những cành ô môi to đen, thậm chí trên cả những cành chùm ruột gầy còm xơ xác. Đọc một bờ tường có nhiều hàng quán lưu động, đám vô công rồi nghề ngồi đánh cờ tướng, đám khác đánh cờ ca-rô bằng những mẫu gạch ngang dọc trên mặt hè phố nứt nẻ.

Về đêm khu phố đổi nét mặt. Đó đây ít ngọn đèn hiêm hoi chưa cháy chụp xuống chút ánh sáng đục, giống mấy con mắt lơ lơ đứng rình rập những bóng người mờ nhạt thường quang chân đi nhanh như ngoài ý muốn. Giờ khu phố đã biến thành thế giới của phường anh chị. Bọn ấy chập chờn như bóng ma trong các hẻm vắng thường vắng tiếng chó sủa, trở ra mấy quán nhỏ bán lẻ rượu bia, thuốc lá hay dẫn vào những ngôi nhà tắm tối sâu phía trong thường có ổ nhện. Bọn anh chị tụ tam tụ ngũ đứng hút thuốc, thăm thì như lập hội kín; cũng có lúc chúng đánh thức cả phố dậy vì tiếng la hò, rượt đuổi, đập lộn. Nhưng dù đang lặng lẽ hút thuốc hay đang đập lộn, khu phố đêm tức thì trở lại im vắng lúc có tiếng còi cảnh sát rúc xa xa. Đó là thứ hiêm hoi bọn anh chị không coi khinh trên đời. Chẳng mấy ai thích lang thang trên khu phố bờ sông về đêm. Chàng trai cũng thế. Và do đó chàng ít nói, nhưng cô gái thì ngược lại, cô hay nói, hay kể những chuyện không ăn nhập đến chuyện hai người. Từ buổi họ quen nhau khi cô gái theo học một lớp luyện thi đêm mở trên ngôi trường miệt chợ, nơi chàng là thư ký văn phòng, chàng luôn phải thả bộ đưa cô gái về nhà. Nàng không thích đi xe. Và vì thế đã có lúc chàng ái ngại hỏi:

"Bộ không sợ bóng đêm hả?"

Nàng cười rúc rích:

"Có anh, sợ gì."

Chàng trai chột dạ. Chàng cắn môi nghĩ đến tấm thân gầy còm của mình. Chàng tự hỏi quả mình có đáng là đối tượng cho niềm tin ấy? Rồi chàng quyết định không tự cho phép mình làm hư niềm tin của nàng.

Lát sau chàng lại hỏi:

"Không sợ cả bọn anh chị?"

Nàng không đáp, nhưng đi qua một ngọn đèn đường nàng có liếc nhìn chàng với nụ cười long lanh trong khoé mắt. Chàng hiểu. Chàng nhớ đến một câu thơ cổ Nhật Bản từng đọc đâu đó:

Tên cướp có thể giết người bằng lưỡi kiếm của y;  
nhưng cô gái giết tên cướp bằng khoé mắt nàng.

Bộ ngực cô gái đầy đặn, ngon lành. Mái tóc dài thơm ngậy ngậy bay rối ren trong bóng đêm. Gió sông lượn lách qua những con hẻm. Không ai lạnh. Cô gái đuối theo dư vị một giấc mơ, còn chàng trai lại kéo cao cổ áo như đang tư tưởng đến mùi ngai ngái, mênh mang -- mùi hơi thở và da thịt thôn nữ trên rơm trên rạ. Sau cùng họ lặng lẽ gặp nhau ở mùi thân thể người tình. Cứ thế, lựa những lúc cô gái không hỏi, chàng trai khế huyết gió một bài tình ca. Chàng vui vui với ý nghĩ những ngày xa nhà chàng đã quen một cô gái miền tây xinh đẹp, lãng mạn, ngọt lừ. Chàng đang là nỗi ghen tức cho nhiều người, và biết đâu cho cả lũ thanh niên anh chị.

Nhưng có bao giờ cô gái cho phép chàng phủ phê nghĩ ngợi. Nhìn một thân cây, cô lại hỏi:

"Sanh để ở đây mà sao lắm phen em lạ thiệt lạ với thứ cây này, thứ hoa này."

Chàng ngược nhìn. Nổi dưới trời sao là một tàn cây đen sẫm, lá to, hoa trắng ngần như chiếc bát sứ.

Chàng đáp:

"Magnolia - mộc lan."

"Mộc lan?"

"Sao?"

"Chưa từng thấy đó nha."

"Thì nó đó. Những đoá hoa như những cô gái béo trắng."

"Ghét gái mập ha!"

"Hồi nào. Gái mập để ra mẹ loài người."

"Rồi gái ốm?"

"Để ra cha loài người."

"Còn em?"



"Mát da mát thịt, để ra con anh."

"Má nói có sai hồi nào."

"Sao?"

Cô gái lại cười rúc rích.

Chàng trai lập lại:

"Sao?"

"Trai Bắc kỳ xạo khỏi nói."

"Vậy ông già người chi vậy?"

"Người Tàu."

Một lát sau:

"Em đói?"

"Trời, hồi chiều má đổ bánh xèo làm một bụng cành hông."

"Lúc nào cho anh tới ăn bánh xèo đây?"

"Ý, đừng sáng chớ. Bả cạo đầu tui ạ."

Chàng trai đáp khẽ:

"Vậy thôi."

Hai người vẫn chậm bước song song. Tiếng guốc cô gái có lúc khua vang bất ngờ, có lúc lẹp kẹp như đứt quai. Còn tiếng giầy da của chàng trai gõ lộp cộp đều đều. Lòng phố đêm trả cho họ tất cả những âm thanh của họ.

Chàng trai lại huýt gió, rồi cô gái lại hỏi:

"Còn cái cây kia. Cây chi tím bầm tím ngắt vậy?"

"Jacaranda -- phượng tím."

"Lạ há, chưa từng nghe đó nha."

"Thì nó y chang cây phượng chỗ góc trường, không thấy sao. Lá xíu xiu, nhưng thàng tư thàng năm thàng sáu lá rụng hết để cây biến thành bó hoa tím lừng trời, tròn đầy như mâm xôi lá cẩm."

"Em sanh ở miền Tây mà sao... Ồ mà anh thấy nhỏ Lang lóng rày có chi lạ không?"

"Lạ là sao?"

"Nó biểu nó uống giấm thanh đó."

"Hát vọng cổ vẫn mùi."

"Ừa, nó văn nghệ quá trời, có điều nặng chi tới sáu chục ký. Mập quá. Kỳ quá anh há."

"Đó là mẹ loài người."

"Vậy chớ nó nhiều bồ lắm á."

"Không vậy sao làm mẹ loài người?"

"Nó biểu đời nó ghét có mỗi một chuyện..."

"Gì vậy?"

"Là không dám làm."

"Là sao?"

"Là nó dám làm."

"Mà làm gì?"

"Thì... yêu đương đó mà."

Cô gái lại cười rúc rích. Còn chàng trai không huýt gió nữa. Tới chỗ bờ tường là gần tới nhà cô gái. Ở đây chàng sẽ nhìn thấy một eo sông mà con nước nằm dưới trăng trông như bụng một con rắn vàng có chửa. Căn nhà hai tầng. Chàng không bao giờ biết được sân sau, chỗ tiếp giáp bờ sông có gì. Chàng chỉ biết con hẻm bên hông nhà có trồng nhiều chuối và nhãn, chuối cau chuối sứ và nhãn đàn hoàng, không phải chuối đại, nhãn đại như chàng vẫn thấy trên những lề đường nơi chàng ở. Có khuya từ nhà nàng về một mình, chàng còn nghe thấy tiếng dơi bay rào rào trong bóng tối như bay trong giấc mộng xa vời. Lách qua mấy gốc nhãn hai đừa sẽ vào nhà bằng ô cổng nhỏ bên hông. Luôn luôn nàng nhẹ bước vào trước như để lấy hương da thịt quen thuộc trấn áp trước mấy con chó dữ dằn. Chỉ khi nàng suýt khẽ chàng mới vào theo. Giờ đó cha mẹ anh em nàng đã rút hết lên lầu. Chỉ nàng ngủ dưới nhà. Nàng chiếm một phòng nhỏ phía sau, chỗ gần bếp, có khung cửa sổ nàng có thể thò tay vào lấy chìa khoá giấu bên trong. Đêm nào cũng thế, hai đừa đứng tựa lưng vào khung cửa sổ tình tự trong bóng tối nhưng họ như vẫn thấy nhau rõ ràng. Nếu chàng thấy được nàng có giấu trong càn cỏ xinh đẹp trắng ngần nụ cười rúc rích quen thuộc, hay những sẵn sàng đón nhận trong bộ đồ bộ màu lam có thêu hoa cúc vàng tao nhã, thì nàng cũng thấy rõ trong tấm thân chàng sự ham muốn trời dậy, toả bốc không sức nào ngăn giữ. Họ đã đứng đó, đã yêu nhau trong bóng tối quen thuộc thật nhiều đêm, nhiều lần.

Lại có tiếng rượt đuổi, rồi tiếng còi cảnh sát xa xa. Họ rời nhau ra như cái ngó sen ngắt đôi, nhùng nhằng tách biệt. Đó là lúc nàng không thể giữ được nữa tiếng cười rúc rích, và chàng cũng tự biết không nên nán lại thêm giây phút nào.

\* \* \*

Một hôm chàng nói:

"Anh nhận giấy gọi rồi."

"Gọi chi?"

"Anh sẽ đi lính."

"Có vụ đi lính nữa sao?"

"Biết vậy đi, cứ biết chiến tranh và anh sẽ là một người lính."

"Rồi bỏ em hả?"

"Không, một thời gian anh về."

"Thiệt đó chứ?"

"Thiệt."

"Quay lại nghe, đừng bỏ tui ngang xương đó nghe."

Đêm nay chàng lại đưa nàng về. Chàng không nói đêm nay có thể là đêm cuối. Chàng mệt mỏi. Dừng chân ngoài mấy gốc nhãn chàng chỉ hôn nàng và nói:

"Đêm nay nóng quá!"

"Hè mà."

"Ừ, đang hè."

"Anh vô trông chứ?"

Chàng ái ngại. Quả thế, đó là lần đầu chàng thấy ái ngại cái bóng tối mênh mang, nơi ấy có cánh cửa sổ, có căn phòng bên trong tối om và chưa một lần chàng nhìn rõ đâu là chiếc giường từng đêm nàng ngả tấm thân mát da mát thịt, đâu là chiếc gối thơm tho mà chàng chắc rằng mỗi khi nhớ đến sự vụng dại của chàng nàng khó mà không rúc vào để giấu tiếng cười rúc rích trong đêm.

Chàng đáp:

"Không, anh về. Anh có việc."

Nàng ra chiều không ưng ý. Chàng hôn nàng lần nữa với bàn tay lục lạo ơ hờ. A lạ, hôm nay nàng húng hắng ho. Chàng hứa thắm nếu mai trở lại chàng sẽ mua cho nàng một hộp thuốc ho. Rồi chàng lặng lẽ quay ra hè phố vắng. Chàng ngược nhìn bầu trời đêm, trên ấy như có cái miệng vô hình tào tợn thổi xuống những hơi lửa chết người. Chàng mệt nhừ. Dưới những ngọn đèn mờ nhạt chàng vượt qua những hàng phượng và chùm ruột, những vỉa hè ban ngày có bọn nhàn rồi ngồi đánh cờ, có bọn trẻ leo trèo phá phách, có những con hẻm chó sủa xa vắng vu vơ, có bọn anh chị đứng phì phèo thuốc lá và bụng chàng lại cồn lên chút lo lắng mơ hồ quen thuộc.

Xóm dưới đã xa rồi, xa lắm, chàng ngoái lại và không còn thấy gì. Chàng khẽ huýt gió. Giờ chàng đã bước tới khu phố đầy ánh sáng đèn. Cũng có nhiều cây nhưng không loại nào có trái ăn được như ở phía nhà nàng. Có những tiệm ăn sang trọng, sạch sẽ nhưng chàng chưa một lần ao ước. Chàng lại tự hỏi biết bao giờ chàng được đến chơi và được má nàng cho ăn món bánh xèo ưa thích. Thốt nhiên chàng nghe thấy tiếng cười rúc rích bên tai. Chàng ngoái lại. Rồi chàng ngậm ngùi lẫn kinh ngạc nhận ra đó chính là tiếng cười kỳ cục của chàng.

Chàng đã đi lố đến ba con hẻm. Khi không chàng rối trí. Mùa hè. Thành phố miền tây. Đứng mà, chàng đang đi dưới một đêm hè, trên một thành phố miền tây. Đã tới tiệm giày Big 5 là quá hai lốc đường rồi. Chàng phải quay trở lại. Chàng đi qua góc đường số 5. Cửa tiệm thuốc tây Sav-on drugs còn mở khuya. Chàng dừng chân nhớ mình cần mua một món gì đó. A, chàng đã không tự hứa sẽ mua cho nàng một lọ thuốc ho đó sao. Nhưng chàng cứ đứng ý một chỗ, cho đến lúc bất thần chàng bắt gặp trong khung gương, chỗ đặt chiếc cân miễn phí, chân dung một người đàn ông đã trọng tuổi, mệt mỏi, bơ vơ -- thử người đã xa xôi lắm với mùa hè dù đi dưới đêm hè.

Chàng quay lưng. Dưới bầu trời hừng nóng chàng tìm về nhà nơi con hẻm giữa đường số 5 số 6. Có tiếng mèo rượng đục. Chàng ghét tiếng mèo. Tiếng chó sủa khuya làm con hẻm thêm xa vắng, thênh thang; tiếng mèo làm nó thêm hút sâu, ngọt ngọt.

Nén lắm mà chàng vẫn không thể không thốt một tiếng thở dài: Mới đó đã ba mươi năm!

*Alhambra 6-94*

## Mẹ đất

Ngày giao mùa xuân hạ tươi sáng năm nay chúng tôi đạp xe qua rừng. Hơi lạnh đã hết mà chưa nóng. Hoa lá sẫm hơn, rần rỏi hơn. Không gian giảm nhiều thanh khí và cúi xuống gần hơn với mùi trần tục. Người mơ mộng lẫn người lo toan ngừng nghĩ ngợi xa xôi. Họ quay về với mùi thân thể con người đang sinh hoạt trong thực tại. Họ suy nghĩ đến sự liên hệ đột nhiên gần bó giữa nội tâm với ngoại vật cách mật thiết -- sự mật thiết đến độ như cái này vốn đã là nhân của cái kia. Lại, chính tôi cũng đâm tự hỏi sao khoảng thời gian này nó gieo vào đầu người ta lắm ý nghĩ nồng nàn. Nó mặn mòi như máu mủ, râm ran như sinh đẻ. Nhìn đâu cũng thấy mầm sống, thấy ý niệm mẹ con vuông tròn.

Cứ thế chúng tôi mỗi người một xe, vừa thong thả đạp vừa lắng nghe tiếng gió tiếng suối êm êm, tiếng chim thoai thúc, tiếng côn trùng ẩn mật, tiếng hoa khai nụ kết xoắn lấy nhau thành một giao hưởng lạ. Nhạc này tôi nghĩ mỗi năm may ra được nghe đôi lần. Vợ tôi có thai và tôi cũng có thai. Nàng thai hân hoan tôi thai hứng khởi. Chúng tôi ít đến độ gần như không trò chuyện. Chúng tôi muốn cảm nhận cho trọn khoảng thời gian hiếm hoi trong năm đang cho chúng tôi có được cảm giác tân trang cái hồng và bồi đắp cái vơi.

Đang khi ấy có tiếng đế rúc trong túi áo khoác. Chúng tôi ghé vào lề đường. Vợ tôi xuống ngồi bên rừng. Thanh thản. Thốt nhiên tôi thấy nàng như hoá thành một ụ mồi, rồi có bàn tay vô hình đéo gọt để nàng hoá thành một quả đất. Tôi lan man nhớ tới tượng mẹ Đất của một điêu khắc gia có lần thấy trên mặt báo. Tôi lấy điện thoại khỏi túi. Có giọng bạn báo tin. Tôi bối rối. Rồi có tiếng khóc. Tôi truy thai hứng khởi. Tôi bịt điện thoại nói cho vợ tôi biết. Nàng hơi nhú mày, nhưng rõ là vẫn giữ nguyên được nét thoả và vững của một mẹ Đất.

Tôi nói qua điện thoại:

“Hãy để bác đi thông dong Hiếu ơi, đầu sao bác đã có bên cậu hơn nửa thế kỷ rồi.”

Giọng bạn tôi ai oán:

“Sao không là một thế kỷ?”

Thế là cái chữ bé như nhân hạt mè và lớn như nhân quả đất, chữ mẹ, lâu lắm lại có cơ hội này màm trong đầu tôi. Tôi nằm xuống cỏ, không tin mình thâm cảm nghe bạn kể lễ tiếp về những trang đời khi anh còn mẹ. Không có gì chứng minh tôi đã nghe bạn tôi cách nhiệt tình, vì mẹ anh tuyệt nhiên khác mẹ tôi trong ý niệm, ít ra là ngày hôm nay, trong lúc này. Thế mà tự dưng tôi đau lòng, đau phát rớm nước mắt. Tôi nói thêm ít câu an ủi, hứa sẽ có mặt bên bạn những ngày tới, rồi tắt máy. Vợ tôi đến ngồi bên. Nàng nhìn tôi, nghĩ sao vò đầu tôi như một đứa trẻ, tay kia cố vớ tới một bụi cây kế cạnh.

Tôi hỏi:

“Tính gần anh hoa trắng đấy à?”

“Không, hoa đỏ.”

Tôi cầm lấy hoa, hỏi:

“Sao lại cái này cho người mất mẹ?”

Nàng cười khế:

“Có nhất thiết hoa trắng cho người đàn ông khi trên trái đất người ấy vẫn có một người đàn bà sẵn sàng cho tất cả?”

Lâu lắm tôi mới nói khế:

“Đã năm mươi năm anh mất người đàn bà ấy rồi!”

Vợ tôi nhìn mặt trời, bảo:

“Thôi mình về.”

Tôi biết nàng không muốn buổi sáng đẹp thế này hồng hơn nữa trong tôi. Trên đường tôi vừa chậm đạp vừa nhớ lại những câu đối đáp với bạn.

“Nhớ xưa mình hay ước gì không?” Bạn tôi hỏi.

“...!?”

“Mau chóng lớn, mau ra đời, và khi quay lại nhà mình sẽ nói với mẹ, ‘Giờ mẹ hãy nắm tay con, đã đến lúc con dẫn mẹ đi.’ Ôi thôi sao mình bạc ác thế hả cậu. Làm vậy khác nào mình đã manh tâm ăn bớt thanh xuân của mẹ.”

Tôi thốt xằng giọng:

“Tôi chưa hề ăn bớt chút thanh xuân nào của mẹ tôi.”

Giọng bạn tôi ngờ vực:

“Thật đấy chứ?”

“Thật gì?”

“Cậu không hề ước cậu chóng lớn, cậu được tự do, cậu sẽ ra đời, và một ngày cậu sẽ quay về, sẽ nói...”

“Không!”

Bạn tôi đâu biết tôi mất mẹ ngày mới lên ba. Thời ấy loạn lạc chạy giặc tới lui và chỉ anh tôi giấu được một tấm ảnh căn cước của mẹ. Vì lặn lội rừng suốt tấm ảnh bị ẩm mốc. Từ đó về sau tôi chỉ thấy mẹ tôi qua một làn sương muối.

Ông chú họ tôi đã ngoài bảy mươi. Mấy năm gần đây ông trở thành tác nhân vài việc đáng quý và đáng hãi. Thí dụ cả đời ông có năng khiếu làm giàu, bảy mươi tự nhiên phát thêm thi tài.

“Này, anh hoạ loạt thơ chú mới làm xem sao. Cái ông gì chủ báo bạn anh có lần ghé đây ăn giả cày ấy nhỉ, đưa ông ấy đăng cho báo nó thêm vui mắt, cứ bảo duyên văn nghệ chú gửi...”

Thường gặp tôi ông hay hớn hờ khoe ra một mẻ thơ với lời lẽ ân cần tương tự. Nhưng cái có thể gọi đáng quý là việc ông vẽ ra đủ thứ lễ tạ có ăn uống. Như trưa nay ông tụ tập con cháu đến ăn mừng tiết Lập Hạ, một cái tiết xem ra chẳng ai quan tâm, thế mà mâm nhà ông vẫn đủ cơm gà cá gỏi. Nhưng không phải ăn uống cho ông. Có tiệc tùng ông chỉ vài miếng gọi là, chứ thực thì răng, máu, sạn thận và chứng sưng chân từ lâu đã biến ông thành một ẩm thực giả hết sức đơn chiếc. Ông mô tả chính ông, “Giờ bữa bữa chú nhai nhây nhưa, nhai nhàn nhã hết loài nhai lại!” Ông gạo lứt muối mè quanh năm. Chuyện ông bảo vợ bày mâm cao cỗ đầy chẳng qua “để anh em chúng nó còn quần quanh đây có dịp gặp gỡ, con cháu chúng nó biết mặt biết tên, thoát cái thảm kịch về sau lấy lẫn nhau.”

Tôi hay đến thăm ông với hy vọng có ngày vợ được trong rương cổ tích của ông tí gì đó, nếu không cổ quý cũng hiếm lạ, dù sứt mẻ. Nhưng khó. Vài lần ông đã lục tung tới đấy, tôi tin thế, nhưng những gì trong rương tôi thấy toàn thứ tôi có. Thí dụ cảm động thì, “Chú thương mẹ anh lắm. Chính chú đào huyết cho bà ấy chứ ai. Đào đêm đấy. Đào ngày máy bay Tây nó đánh cho có mà bỏ mẹ.” Hoặc vợ vẫn thì, “Ngày ấy công anh đi chơi anh hay đá trên lưng chú,” ông nhìn vợ cười sảng sặc. “Bà biết không, quen chỗ nó làm hoài; có lần tôi mắng ‘coi chừng tao ngắt cái con chim mày,’ ngọng tíu ngọng tít mà nó đã biết cãi ‘ngắt chim lấy gì cháu hái’; mới ba tuổi ranh đã khôn như rận, cho nó một xu nó bảo để dành đưa bố để bố mua hạo.”

Tôi cho chú là người sướng nhất đời. Thời nào chú cũng phong lưu, có khả năng tiêu xài rộng rãi với mọi người từ tình cảm đến vật chất. Trong mắt tôi, công tâm mà nói, chú vô phương được thế nếu đời chú không luôn luôn có hai bà mẹ. Xưa nay tôi cố tin chỗ đông vui là một ân huệ của trời. Nó có thể cứu vớt người ta ra khỏi vũng phiền lụy cách rất bất ngờ. Hôm nay tôi giục vợ tôi đến chú đúng hẹn một phần vì vậy.

Bốn trai, năm gái, hai dâu, ba rể, sáu cháu nội ngoại, vài ba cặp họ hàng như chúng tôi, bữa cơm ồn ào vui nhộn dù nó được chia làm hai cánh phân minh. Cánh đa số với thành viên là tất cả đám con cháu do bà thím điều động, cánh kia thiếu số với thành viên duy nhất là chú do bà cụ thân sinh ra chú chỉ huy. Tôi bảo khế vợ tôi, “Chỉ ăn cơm nhà này mới thấy thực cảnh chế độ mẫu hệ nó sướng thế nào.” Vợ tôi bảo, “Anh muốn không?” Tôi cười, “Để bảy mươi đã.” Bà cụ đã gần trăm tuổi. Cụ có trí nhớ tốt hơn con trai, sự bền bỉ bếp núc không kém con dâu, và uy lực thì bao trùm. Trong mâm cơm bà thím được mọi quyền trừ quyền trực tiếp chăm sóc chồng. Việc đó là của cụ. Cứ như nhà này đã ngồi vào mâm trật tự chỉ còn mẹ con. Tôi lo cho con tôi. Chị lo cho các con chị. Tôi hỏi vợ tôi, “Hay đây chính là nếp sinh hoạt gia đình vốn có ở thời Trưng, Triệu?” Vợ tôi lại cười hỏi, “Anh muốn không?” Tôi lập lại, “Để bảy mươi đã.” “Đây miếng này, miếng ấy nhiều mỡ!” Nhìn bàn tay nhăn nheo của cụ mẹ chận trên bàn tay nhăn nheo không kém của cụ con, tôi vừa ăn vừa hưởng một cảm nhận kỳ diệu.

Tôi không nhớ tôi vui từ lúc nào.

Ngoài sân thốt có tiếng la, “Bà ơi, mẹ ơi, con Vện nó đẻ rồi!” Thế là đám đàn bà con nít ủa hết cả ra. Phía sau nhà để xe ồn lên như cái chợ. Có giọng ngạc nhiên của bà thím, “Ồi sao đẻ được mỗi một con thế này. Ấy ấy sao nó tha con bỏ chạy thế kia. Vện Vện Vện... Mấy đứa chận nó lại cho mẹ!” Giọng lũ trẻ nhao nhao. Giọng bà cụ hốt hoảng, “Chó đẻ mà chận cái gì. Nó cắn chết bây giờ. Mấy đứa bé xích ra!”

Tội nghiệp con chó già đã long răng còn nhẹ dạ đến phải chữa, đẻ được một con thì lại chết. Thấy người bu đông, sợ mất con nó tha chạy ra vườn tìm chỗ trốn. Phải lát lâu nó mới chịu chui vào một xó kẹt nằm im, nhưng xác con thì quyết không nhả. Hai người đàn bà thay nhau đổ dành. Bà cụ nói, “Thôi cho cụ xin, để cụ chôn cất con mày tử tế Vện nhá!” Bà thím cùng một giọng, “Thôi cho bà xin, lần sau đẻ con khỏe bà cho nuôi Vện nhá!”

Tôi băng khuỷu đứng nhìn sự năn nỉ kiên nhẫn của hai trái tim mẹ người với một trái tim mẹ gia súc. Tôi đã hiểu vì đâu bạn tôi trẻ con đến thế khi anh mất mẹ.

Tôi không nhớ tôi buồn trở lại từ lúc nào.

Ông chú họ ra đứng bên tôi, khó chịu nhìn hiện cảnh. Ông bảo, “Vợ vẫn, đàn bà vợ vẫn!” Không nói nhưng tôi vẫn cười thầm, “Chú mà lại không có cái vợ vẫn ấy!” Bất giác ông quát lớn, “Vện!” Tiếng quát làm tất cả giật mình; và con Vện nhả ngay xác con nó ra, lấm lét nhìn ông chủ nó biết vốn không ưa nó.

Ông gắt:

“Đã bảo đem vào sờ chó cho nó hoá kiếp, cứ cãi.”

Thế là vợ con ông nhao nhao lên:

“Trời ơi bố làm nó sợ.”

“Nó mới chết con tội nghiệp bố ơi.”

“Ông la gì dữ vậy, hết cả hồn.”

Ông không kịp phản ứng trước những lời phàn nàn, vì cụ mẹ đã ngoái ngay lại nhìn cụ con, mắng khế, “Phát xít, bảo mãi vẫn không chừa cái thói phát xít.”

Đã xế chiều. Tôi ra sân trước đứng nhìn những quả mận quả đào thòi mưng sữa, và lòng tôi cũng mưng lên một cảm trạng chưa từng. Tôi ngước nhìn trời mây, tự hỏi có không những bà mẹ trên các thiên thể xa xôi? Mà giá có, tôi nghĩ, liệu họ có sở hữu cơn địa chấn tâm hồn cho lũ con như những bà mẹ Đất -- thực thể duy nhất cho đời ta có được cảm giác lúc đầy sẽ hơn ngọn vơi sẽ hơn đáy; có sẽ vô biên hạnh phúc không sẽ mãi mãi hăm hiu. Tôi suy nghĩ mông lung lắm, và vì thế vẫn cứ hy vọng cái ý tưởng chua chát mới nảy ra trong đầu là có thể sai: Không có cảnh thần tiên đầy đặn nào bù trám được cái ta không thực có trong lòng. Vợ tôi đang tiếp tay thanh toán những chồng bát đĩa trong bếp. Tôi quyết định tạm rời khỏi đây. Nghĩ những giọt nước mắt của bạn chưa chùng lúc này xoa dịu được cơn đau của tôi, nhưng tôi rùng mình. Hồn tôi đang lên cơn dài. Tôi sợ ướt. Tôi cần một phương thuốc khác. Tôi đạp xe trở lại khu rừng. Nhưng đâu hết rồi! Tôi không thấy nữa bầu trời ám áp, không thấy nữa màu sẫm xanh, không thấy nữa sự gán bó mặt thiết giữa nội tâm và ngoại vật, không thấy nữa những dấu tích các cảm nghĩ no tròn, không thấy nữa chính tôi trong một ngày giao mùa tươi sáng.

Tôi chỉ thấy cái bóng của tôi đang chạy như vô đích trên một mặt phẳng hoang vu.

*Glendale 6-98*

## Đô đốc

(Đô đốc hải quân Pháp J.M.Viriot  
một ân nhân và là một người bạn của gia đình N.T.Dị)

Vợ chàng hãnh diện về chàng. Và cứ thật mà nói hãnh diện cũng phải. Ngày vượt biển dù mới tù về, ốm yếu ho hen, chàng vẫn cam đoan đâu chứ Bidong nhắm mắt cũng đem được ghe ủi thẳng vào bãi. Y chang! Thậm chí trước lúc ra khơi, cậu em vợ kỹ sư có tính cẩn thận thái quá, chàng bực, bảo: “Cơ phận thay thế vậy là đủ. Cậu đừng tìm thêm nữa. Giản dị nhiều tốt nhiều. Rườm rà dọc đường dễ bề.” Nó bắn khoăn: “Nhờ gầy luôn cái láp phụ tính sao?” Chàng bảo: “Cứ ném đồng bù-loong ra đó tôi ráp lại cho cậu giàn máy!” Ghe hư máy ba lần chàng sửa lành tuốt.

Chiến công ấy nay đã mười lăm tuổi.

Còn vài tấm ảnh trắng đen đem theo. Lâu lâu vợ chàng lục xem lại. Nhìn một tấm chàng mặc quần tằm, rất trẻ, đứng giữa đám đồng tương tự trên một bờ hồ, tay giơ cao chiếc cúp, nàng nói với các con, cứ như chúng đâu vừa từ trời rơi xuống lần đầu: “Hồi ấy mẹ chưa lấy bố. Bố lĩnh giải bơi lội đấy.” Một đứa tằm tằm: “Giải gì vậy bố?” Chàng nhún vai: “Thanh niên Đô Thành!” Nó reo lên: “Ồ, con nhớ rồi...” Vợ chàng chen chen: “Và chưa quên sau bố bị sưng phổi, bỏ mất dịp dự tranh đi Thế Vận Á Châu đấy chứ?” Một đứa nhỏng nhẻo có pha ngờ vực: “Đây Hè nóng sao bố không chịu ra biển bao giờ?” Vợ chàng lại chen vào, giọng bao che trông thấy: “Đô đốc đã hỏi hươu, vớ lại đừng bắt đô đốc nhìn lại chỗ đấm tà!”

Chàng nhìn vợ cảm động.

Có điều phiền chẳng riêng vợ chàng, mà gần như mọi người đồng hội đồng thuyền, vì lòng cảm phục đâm đùn chàng vào thế tiếm mạo cấp bậc quân đội. Khi không họ lên lon đô đốc cho chàng. Cấp bậc cao nhất của Hải quân Việt Nam [...] mới chỉ là phó đô đốc, thoảng cái các mặt

trời cũ biến thành vệ tinh của chàng sắp lướt. Vợ chàng mỗi khi làm cơm xong, hay nói lớn vào trong: “Đồ đốc tẩm xong chưa, cơm chứ!” Ngay lũ em chàng hay em vợ, mỗi khi đến chơi không thấy chàng đều oang oang hỏi lũ cháu: “Đồ đốc có nhà không mấy đứa?”

Tự trọng tối thiểu cho chàng biết chuyện xuy vân phiền võ chẳng hay ho gì, dẫu có lâm tình trạng sây đàn tan ghé. Luật nước luật quân nó ở trong lòng, cứ lộng giả thành chân như thế ắt có ngày nghe mãi vui tai, nguy. Nhưng đó là cách bày tỏ của “lòng dân,” làm sao được; thế là để tự thấy mình xứng đáng, cuối tuần rảnh rang chàng tự tu nghiệp bằng cách ôm cứng lấy mớ sách báo, video. Những cuộc hải chiến cổ kim, các chiến thuật chiến lược, thậm chí hải lực Trung cộng, tiềm lực hải quân nhà nước ta [...] chàng nghiên cứu tuốt luốt. Quần đảo biển Đông chàng rành như những vết đồi mồi sớm hiện trên mu bàn tay. Chàng lập sa bàn trận thế (dĩ nhiên chỉ trong óc) và sẵn sàng đem luận say sưa với các bạn, đôi khi với cả lũ con. Chàng kết luận khéo, nhưng kẻ đối diện thông minh có thể ngầm hiểu nếu chàng còn ở Hải quân, những trận thủy chiến của Ngô Quyền, của Trần Hưng Đạo v.v... sẽ không còn là tiếng vang xa xôi trong sách sử.

Những lúc sau này vùng thung lũng ô nhiễm quá, bệnh phổi chàng tái phát có lần phải đi cấp cứu. Bác sĩ bắt chàng ném mớ tẩu vào thùng rác. Miệng đồ đốc không tẩu thật y mồm ca siô không răng. Đã vậy vợ con còn mở trận tổng công kích mới: Yếu phổi cần gió biển. Mùa Hè này nhất định tuần nào cũng phải đi biển!

Và chàng trở lại biển. Nhưng biển với chàng ngày nay chỉ còn là thế giới của hoài niệm. Chàng thường mở ghế xếp ngồi dưới một gốc dừa, chẳng để ngắm nhìn thân hình bốc lửa của gái tóc vàng, hay lắng nghe tiếng đàn tiếng nhạc vui tai bay trộn với khói thơm lừng bốc từ những vỉ nướng thịt quanh quẩn. Chàng chỉ ngồi nhìn màu nước xanh nhấp nhô lòng lấm bụi ngùi. A, Trung cộng bắn chìm tàu chàng năm nào kia? Bảy ngày đêm bám phao dạt vào bờ ươn như con cá chết. Rồi lần vượt biển như cuộc chạy trốn gian nan, ủa, nửa đêm ngày mấy tháng mấy nhỉ? Cũng may có lúc ngoài chân trời rạng nắng xa tít, vài điểm đen nổi lên như gợi hứng cho tim chàng hồi phục ít nhịp đập nửa bồi hồi nửa hùng tráng. Chàng nhớ đến Odysseus, đến Sinbad, đến Columbus, đến những thủy thủ của truyền thuyết muôn đời. Họ là những anh hùng lấy trái tim quả cảm đè bẹp biển dữ; họ giăng buồm để kẻ trở lại quê nhà, kẻ đi vào viễn mộng, kẻ chinh phạt những lục địa xa xôi.

Trái tim chàng nhờ thế loé lửa.

“Hôm nay ảm lảm, bố phải tẩm thôi!” Một đứa đến bên bổ thúc giục. Tay nó cầm cây kem, và vì thế chàng ngờ nó không thể đoán hiểu trong tấm khăn tẩm khoác thêm trên vai, từng tế bào trong da thịt chàng như đang tóe lại để sống sót trước những luồng gió biển đầy hơi nước lạnh lùng.

Chắc mẹ xúi, đùng đùng mấy đứa lớn ùa tới hè nhau khuôn bồng chàng lên. Phần ngại lũ đầm phơi nắng cười mũi, phần không muốn làm vợ con thất vọng, chàng đành lấy làm vui, không chống cự; và như thế, chúng khuôn chàng chạy càn xuống làn nước trong xanh.

Ồi mẹ ơi là nước biển Mỹ. Vừa kịp cảm thấy mình bị nhúng xuống một vũng nước đá cồng buốt thì một làn sóng khổng lồ phủ lấy bố con chàng. Chàng uống một bụng. Khi trời lên được chàng tối tăm mặt mũi, không còn biết chửi mắng đứa nào cho hả giận. Chàng lom khom, run rẩy chạy lên bờ, rúc vào gốc dừa, có nhiều khăn tẩm quấn hết vào người. Nhưng thanh củi ảm không hàm chứa một ngọn lửa tốt. Chàng run bần bật trong đống khăn lông dày. Vợ chàng chạy tới trở mắt: “Lạnh thế cơ à?” Chàng lập cập biện bác: “Yếu... phổi...” Nàng chỉ xuống biển: “Thiên hạ già trẻ nhảy như nhái.” Chàng đành cười héo hắt: “Đồ đốc... hồi hưu... mà... em...” Nàng



choàng thêm cho chàng tấm khăn lông, bỏ nhỏ: “Vâng, thưa đờ đốc hồi... dương!” Rồi nàng thản nhiên phóng xuống nước giỡn với các con.

Mắt nhoè nhoẹt chàng ngó chân trời như ngó vào lòng, sạch bóng, hoang vu. Chỉ gió đồn như tiếng thở hụt hơi. Chàng ngẫm câu đùa của vợ thấy không nhẹ. Nó như triết lý nghiêm chỉnh sau cùng của mọi bi hài kịch, dù ngọt dù cay. Chàng ngồi thộn ra, đầu cứ thế nổi lênh bênh một thắc mắc: Những Odysseus, Sinbad, Columbus... đến thời sa sút ra sao, có chết chìm?

*Alhambra 9-95*

## Lan man chuyện qua Tàu...

Không có nhân viên nào ở các văn phòng du lịch lại tử tế đến độ sẵn sàng cho chúng ta một lời khuyên: Chớ đi chơi Tàu vào mùa này, bà con ơi! Nhưng thắng hoặc sẽ có một người hướng dẫn du lịch (*tour guide*) nào đó, trong lúc trực tiếp dẫn chúng ta đi chơi nước họ, xe bị kẹt cứng giữa các dòng đời hàng mấy tiếng, mới có thể nảy ra được cái tâm Bồ Tát bất ngờ như thế. Một cô hướng dẫn du lịch ở Thượng Hải đã nói với chúng tôi: “Quý vị nên khuyên cáo thân nhân bạn bè rằng đừng bao giờ sang chơi Trung quốc vào những ngày lễ lớn như lễ Lao động 1 tháng 5, Quốc khánh 1 tháng 10, hay tết Nguyên Đán...”

Vài năm trước đây, người viết đã sang Hoa lục một chuyến vào đúng một trong những cái nhật kỳ mà người hướng dẫn du lịch đã tử tế cảnh giác... một cách quá muộn màng.

o

Nhưng chẳng sao, muộn vẫn hơn không, vì nhờ đó mới biết được ít điều hay hay, chẳng hạn về một bài thơ Đường. Người mình ai thích cổ thi Tàu đều khó mà không có trong tủ sách gia đình vài tuyển tập tương đối có giá trị như “Đường Thi Trích Dịch” dày cộm, trước 75 vốn là bản quay *ronéo* của Bùi Khánh Đản và Đỗ Bằng Đoàn; những tập mỏng hơn như “Đường Thi” của Trần Trọng Kim, “Thơ Đường” của Tản Đà v.v...

Một trong những tứ tuyệt có lẽ hay nhất trong thi ca đời Đường mà gần như phần lớn người yêu thơ trên thế giới đều biết, đều thuộc, đó là bài “Phong Kiều Dạ Bạc” của Trương Kế.

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,  
Giang phong ngư hoả đối sầu miên;  
Cô tô thành ngoạ Hàn San tự,  
Dạ bán chung thanh đẩu khách thuyền.*

Khi chưa đến Tô Châu, lẽ tất nhiên chẳng mong gì có dịp để được “sống trong lòng người đẹp Tô Châu” như nhạc sĩ Phạm Duy đã từng, nhưng ít nhất cũng được đứng lặng ngắm quang cảnh bên bờ trước cổng chùa vốn là con kinh từ cổ thời, có cầu cong, có phong, có liễu; được nhìn ngôi chùa tráng lệ với tháp năm tầng cao cả vài chục thước mà theo cảm nang hướng dẫn du lịch nó đã được xây dưới đời nhà Lương (502-557), ngang đời nhà tiền Lý của mình (544-602) và đến đời Đường (618-907) nó được mang tên chính thức của nhà sư khổ hạnh trụ trì là Hàn Sơn. Chùa có đến 500 tượng Phật và đã trải qua ba lần hoả hoạn lớn, được trùng tu và cấu trúc chùa ngày nay không còn giống bao nhiêu với cấu trúc nguyên thủy.

Tài liệu du lịch còn cho biết hàng năm chùa đã thu hút cả triệu du khách đông cũng như tây đến thăm. Động lực chính của những cuộc thăm viếng này chỉ là để được nhìn tận mắt cái chuông đồng cao quăng hai thước rưỡi nay đã khá mòn và chỉ còn được móc trên giá cho du khách

chiêm ngưỡng; được thấy sức mạnh của kinh kệ phát ra từ hệ thống loa (vì chùa ngày nay không còn là nơi tu hành mà chỉ là một thắng cảnh du lịch do nhà cầm quyền đầu tư và phái sự cán bộ quản trị) nhưng vẫn khiến được bày rùa bò lên các tảng đá trong hồ sen giữa sân, bắt động góc đầu về cùng một hướng lắng nghe; nhất là được đọc bài thơ khắc trên bia đá bằng nét chữ phóng từ nguyên bản của Trương Kế mà cô hướng dẫn du lịch, tự giới thiệu tốt nghiệp cao học ngành Sử ở đại học Tô Châu, nói rằng tác giả đã viết tặng chùa trước lúc ra đi sau một đêm tá túc; được dịp, một cách riêng tư, tức cảnh sinh tình mà phóng bút ghi liền một đoạn từ tuyệt như người viết bài này:

*Đã trải nghìn năm ba bận cháy  
Bến xưa thuyền cũ khách về đâu  
Chiều thu chuông điểm rùa nghe kệ  
Loa đuổi tan dần đám khách du.*

Sau cùng, cũng nhờ thế, người viết được dịp băn khoăn về sự khác biệt giữa trí thức nước ta thế kỷ trước (XX) và trí thức Tàu Hoa Lục thế kỷ này (XXI). Vâng, vậy ai nói đúng sự thực đây? Học giả Việt nói về cổ tích Tàu và cao học sĩ Tàu nói về cổ tích của chính họ? Trong cái chú thích cho bài Phong Kiều Dạ Bạc, cụ Trần Trọng Kim viết: "... Chùa ấy thấp nhỏ, chẳng có gì đặc biệt. . . .

Cảnh vật biến thiên, nay người du lịch đến đây không thấy cây phong đâu cả, vào chùa thì thấy bài thơ này do Khang Hữu Vi đời Thanh mặt viết ra..."

Hàng năm vào chiều trước Giao Thừa, giàn chuông 108 cái của chùa sẽ được kéo vang dội, mà vẫn theo cô cao học hướng dẫn viên—giọng rất ư là dị đoan phong thủy—để xin tài, xin lộc, xin phúc cho mọi người khi bước sang năm mới.

o

Nhưng đáng nói hơn cả là được tận mắt nhìn thấy nước Tàu đối với nước ta rõ ràng là một tảng đá kê hờ hững trên một quả trứng. Hiểm họa này hèn yếu là chết mà mạnh khôn cũng khó sống. *Chiêm Lạp xưa kia vốn chẳng hèn* (Nhượng Tống) đấy sao! Để chứng minh xin lan man xa hơn một chút. Vâng, ta cứ xem như nước Mễ Tây Cơ, liệu nó đại hay khôn, yếu hay mạnh khi các anh quyền quý và quyền lực thừa xa xưa ấy từng rước mấy anh cao bồi Mỹ vào bảo vệ hộ đất đai điền thổ, nhà cửa lâu đài để tận hưởng cảnh giàu sang phú quý, khiến cả một phần lớn giang sơn từ Texas đến California tuần tự mất luôn đời muôn kiếp vào tay Mỹ? (tất nhiên là Mỹ thế kỷ XIX thời còn giương cao ngọn cờ Tây Tiến, tin rằng việc mở mang bờ cõi đến tận bờ Thái Bình Dương là một công cuộc không thể tránh khỏi và biện minh được, là *Manifest Destiny* – tiết nhiên định phận tại thiên thư; chứ Mỹ ngày nay họ chẳng thèm chiếm đất chiếm biển của thiên hạ làm gì; cứ tiếp tục chụp cho họ cái mũ “đế quốc Mỹ xâm lược” thì thứ nhất lòi cái thiển cận của mình ra, thứ hai vô hình chung làm cho Tàu nó phì cười vì xâm lược mới đích thị là nghề của chàng, mà chỉ nhờ mạ vàng có mươi mấy chữ, nó đã mà mất được khối người trong bao năm qua!

Chuyện Mễ như vậy phải chăng vì người Mễ chỉ thích ăn nhậu, thích vui chơi đàn đúm, thiếu óc tiến thủ, không có lòng tự trọng, và nhất là không biết thế nào là “cư an tư nguy”? Hồi sinh tiền, một người Mễ, Octavio Paz, Nobel Văn Chương 1990, từng than thở rằng ông xấu hổ về dân tộc ông vì đứng cạnh một siêu cường như Mỹ mà không học hỏi được gì hay ho của siêu cường đó. Paz nói không sai nhưng dường như không đủ. Rốt ráo hơn, có lẽ Paz phải nói thêm dân tộc của ông mê muội, ỷ lại, ăn xổi ở thì, đói là sẵn sàng nhảy rào sang nước khác đi làm tôi mọi kiếm cơm, và giới lãnh đạo liên tiếp cả trăm năm qua ít nhất đã không ai chịu đọc (hoặc

đọc mà không thấm) một quyển sách mỏng te – The Prince - quyển sách gối đầu giường của các “vua chúa” Âu Tây. Nếu đã đọc ắt họ phải nhớ lời khuyên của ông Tôn Tử mắt xanh mũi lõ Marchiavelli, rằng đứng bên cạnh một tên láng giềng to lớn mà khi nguy biến đi châu hầu nó, cầu cạnh nó, xin cơm xin cháo nó, mượn quân mượn súng nó để đánh kẻ thù “chung?” thì nếu nó thua, mình cũng chết mà nếu nó thắng, mình sẽ suốt đời làm tù nhân, làm con tin của nó. Ôi, thấy người lại nghĩ đến ta!

Nhưng như thế là quả trứng ta sẽ bẹp dí dưới tảng đá Tàu?

Từ đây trở đi thì chẳng biết nói sao, chứ với tổ tiên ta có ai để nó chết bẹp bao giờ. Quả trứng Việt đã sống qua nhiều ngàn năm, mà là sống ngửa mặt, sống trứng chọi đá chứ không phải sống hèn sống gằm đầu xuống mà sống đầu đầy.

Ấy phải chăng vì tổ tiên ta không khôn cũng chẳng dại, mà chỉ nhờ “biết” – một cái biết cực lớn, đó là biết lòng dân?

Lòng dân như lòng trứng. Chớ tưởng lòng trứng mềm. Bao phen sử Việt đã chứng minh khi lòng trứng kết chặt, chưa thấy bàn tay lông lá của ông Võ Đang hay ông Thiếu Lâm nào bóp vỡ nó được.

Vâng, có đến tận cái hòn đá Hoa lục và nhìn thấy tận mắt sự to lớn nhiều mặt của nó, ta mới hiểu rõ được lý do tại sao xưa kia vua ta cứ sau một chiến công hiển hách đánh bại quân Tàu xâm lược lại cho sứ, hoặc cho người giả mình sang xin phong vương, xin triều cống. Ta chớ vội nghĩ các ngài cũng... hèn mà mang tội. Không hèn đâu! Tại sao? Tại vì một hành động có tính chiếu lệ như thế, thậm chí cho cả người giả mình như thế tự nó đã là một hành động ngoại giao hàm chứa đầy tính khinh thị rồi. Bộ vua quan Tàu mù cả sao mà không biết thật giả; mới hiểu do đâu Mao nảy ra được chiến thuật biến người – chết đũa nào đỡ nuôi đũa đó; mới thấy cái mâu thuẫn chết người trong xã hội tư bản như ông dao ông mác từng nói đã âm thầm di cư sang sống bên Tàu từ đời tám hoảnh nào rồi:

*Đêm Thượng Hải gái chơi sung sướng nghiệp  
Ngày Tây An cô giáo chán chê nghề*

◦

Nhưng thú vị hơn có lẽ ta được tận mắt chứng kiến ảnh hưởng của cái gọi là nền văn hoá phong thủy trong đời sống người Tàu hiện nó như thế nào, sự hà khắc của chủ nghĩa cộng sản thời Mao và nhất là đại nỗ lực... chà láng của cuộc đại cách mạng văn hoá có tiêu diệt nó được không, nếu không thì tại sao?

Hiển nhiên cái gọi là nền văn hoá phong thủy Tàu, mà nói cho giản dị là lòng mê tín dị đoan vẫn sống hùng sống mạnh. Bằng chứng đã rõ đấy! Chùa vốn là nơi để dạy cho con người thế nào là sắc sắc không không, thế nào là giác ngộ, là đừng tự mình chìm mình vào bể khổ mà hãy tự cứu mình ra khỏi bến mê, thế mà chùa Hàn Sơn mỗi cuối năm như thông lệ vẫn kéo giàn chuông 108 cái để cầu tài cầu lộc cầu phúc cầu may cho chúng sinh thì biết nói sao đây. Vâng, đến nước Tàu vào những dịp lễ lớn như trên mới thấy không tụ điểm nào mà lại không là biển người, và không có biển người nào mà lại không trầm mình trong đủ trò dị đoan. Chỗ này cúng quẩy thờ 3 con linh vật, chỗ kia xem tướng đoán số theo 12 con giáp, chỗ nọ xin xăm... Hương khói mù mịt cứ như đâu đâu cũng có cháy nhà.

Để giải thích lý do tại sao người Tàu Hoa lục mất rất nhiều thứ đặc thù sau cuộc cách mạng văn hoá, mà riêng sự mê tín dị đoan họ vẫn giữ được nguyên vẹn như tự ngàn xưa thì có câu chuyện này về họ Mao. Câu chuyện được một anh hướng dẫn viên du lịch trẻ tuổi, tự giới thiệu tốt nghiệp cử nhân ngành Du Lịch ở đại học Tây An, kể trên con đường đi thăm các hầm lính tượng của Tần Thủy Hoàng (221-206 trước TL) và nó có thể là một lý giải khá hợp lý mang tính “vua nào dân nấy!”

Mặc dù bác sĩ Lý Phục Huy, y sĩ riêng của Mao trong suốt 21 năm, từ 1955 đến 1976, đã viết một quyển sách dày cộm tựa là “*The Private Life of Chairman Mao*” (Đời Tư Mao Chủ Tịch) và đã được xuất bản ở Hoa Kỳ sau khi Mao chết và ông chạy thoát được sang Mỹ năm 1976. Quyển sách đã nhẹ nhàng phanh phui được rất nhiều bộ mặt thật của Mao, từ “bệnh cuồng dâm, lưỡng tính luyến ái, tính sắt máu, hiếu sát, dị đoan, ở bần...” đến việc “Mao phải là nhân vật chính chịu trách nhiệm về các hậu quả lớn lao của cái gọi là cuộc cách mạng văn hoá.” Nói tóm, theo bác sĩ Huy, Mao mới chính là Hoàng-Đế-Sau-Cùng của nước Tàu theo cái nghĩa tiêu cực nhất của nó, chứ không phải là Phổ Nghi, hoàng đế cuối cùng của nhà Mãn Thanh, kẻ đã bị chính Mao nhốt vào trại cải tạo sau khi quân Nga vồ được ông vua bất hạnh này ở Mông Cổ và giao lại cho Mao. Quyển sách thật hay, và người đọc này từng nghĩ nó quá đầy đủ, nhưng khi nghe câu chuyện kể của anh thanh niên Tàu, có thể coi như một đại diện cho giới trẻ bình dân và có học ở Hoa lục, thì thấy riêng mặt này quả mấy chuyện dị đoan của Mao mà Lý bác sĩ có nhắc qua không được đọc đáo bằng. Câu chuyện thế này:

*“Mao chủ tịch là một tấm gương chói sáng cho những người Tàu mê tín dị đoan. Cái sợ đầu tiên của ông là sợ một cá nhân, và vì cái sợ này, ông lần như trạch trong cuộc chiến tranh đối đầu và có lần đã phải trốn tuốt lên miệt Tân Cương. Cá nhân ấy là Tướng Giới Thạch. Lý do ông sợ bị Thạch vồ: Thạch tuổi Dần, ông tuổi Ty. Dần thân tị hợi tứ hành xung! Rắn mà chường mặt trực tiếp đối đầu với cạp có mà tan xác.*

*Thâm hơn là chuyện này: Không chỉ với du khách, mà ngay với mọi người Tàu dù ở đâu trên mặt đất, khi về Hoa lục đều nhất quyết phải đến thăm hai nơi: một là cố đô Trùng An, nay là Tây An; hai là Tử Cấm Thành ở Bắc Kinh. Riêng Mao thì cả nước đều biết ông là người Tàu duy nhất chưa bao giờ đặt chân đến hai nơi đó. Lý do: Cũng vì dị đoan! Trùng An là cố đô của 12 triều đại với 600 đời vua to nhỏ. Mà vua là rồng. Cũng thế, Cấm Thành cũng là nơi của các triều đại hoàng đế ngự trị, cũng toàn rồng là rồng. Có là rắn điên mới bò vào hang rồng để mà chết tốt! Do đó, từ 1949 khi đã giải phóng xong Hoa lục cho đến năm 1976 là năm ông chết, họ Mao chưa bao giờ đến kinh lý Tây An hay bước chân vào xem Tử Cấm Thành nó tròn nó méo ra sao.*

*Có lẽ cũng uất ức ngầm cho cái sợ của chính mình, ông đã hỏi một thầy tướng số nổi tiếng và được khuyến cáo rằng: Chủ tịch là rắn, bất cận... dân tình cũng chẳng chết ai nhưng phải cận nước. Nước đây là H<sub>2</sub>O ấy. Chủ tịch phải uống nước nhiều, tắm nhiều, nghĩa là làm sao rờ đâu cũng thấy nước. Nước sẽ làm cho rắn nở ra, to ra, đến một ngày rồng nhìn cũng phải ngán. Có thể đây chính là lý do Mao đã quyết định lấy bà vợ thứ tư là Giang Thanh, vì chữ Giang có âm giang, bộ thủy (nước) nghĩa là con sông. Có cô vợ trẻ, lại biết tí té ca múa, rờ đâu cũng có lai láng nước nổi thì còn gì bằng; và có thể đây cũng là lý do Mao chọn chỗ ở và làm việc bên khu Trung Nam Hải (tức Quốc Vụ Viện đối diện với Tử Cấm Thành) vì địa danh này chữ Hải có âm hải, bộ thủy (nước) nghĩa là biển. Do... cao hứng vì nước, Mao bỗng muốn học bơi, và đó chính là ngày khai sinh huyền thoại “Mao chủ tịch vượt Trường Giang.” Ai nấy đều biết sông Dương Tử, tức Trường Giang, rộng đến rái cá bơi qua còn chết đuối được, hỏi làm sao Mao chủ tịch bơi vượt qua được con sông rộng với sóng nước kinh hồn ấy!? (Vụ học bơi này trong sách của bác sĩ Huy có tả lại rất đầy đủ. Nó là một cơn ác mộng cho trung ương đảng, cho đám tùy tùng, và cho cả chính bản thân Lý bác sĩ khi Mao gặp sông nào cũng đòi nhảy xuống bơi!)”*

o

Sau cùng, đi thăm Hoa lục, *đi tour*, du khách cũng sẽ biết thêm vài điều đặc biệt khác, chẳng hạn:

1/ Phải nhớ án tử hình ở nước Tàu rất dễ tìm. Vừa xuống phi trường Bắc Kinh bạn đã đọc được ngay một bảng chạy chữ điện khổng lồ, trong đó ấn định những điều cấm đoán và nêu rõ hình phạt cho những du khách vi phạm:

Điều 1: Hình phạt tử hình những kẻ nào giấu diếm không thành thật khai báo các căn bệnh truyền nhiễm chết người như có trong người vi khuẩn HIV, bệnh AIDS (SIDA), các bệnh lao phong cùi hủi...

Điều 2: Hình phạt tử hình những kẻ nào đem vào Trung Quốc các loại ma túy như...

2/ Đừng ngạc nhiên khi đặt chân đến Thiên An Môn và được hướng dẫn viên dặn trước: Xin quý vị du khách nói gì thì nói đừng nói chuyện phản động vì công an chim nổi ở khắp mọi nơi và nghe được mọi thứ tiếng...

3/ Lỡ trật giò trật cẳng thì nhất định bỏ cuộc ngay, ở lại khách sạn ngủ cho khoẻ, đừng “ngao cổ” cứ đi cho bằng được mà rầy rà cho thân thể và có thể cho cả thân nhân. Nước Tàu lớn, du khách sẽ phải nhập cuộc lội bộ tàn nhẫn ngay từ lúc đặt chân xuống phi trường. Ngay đầu tiên hướng dẫn viên đã lôi ngay ta đến Vạn Lý Trường Thành để nắn gân ta, thử giò thử cẳng ta bằng câu khích ngôn: “Bắt đáo trường thành phi hảo hán.” Đau chân chỉ có ngồi mà máu mếu thôi!

4/ Có thể báo chí truyền thông Tây phương lâu nay chơi canh bạc tính tháu cáy gì đó, nên thổi phồng siêu cường kinh tế Trung quốc sắp lên hàng đầu thế giới, cho Mỹ hít bụi? Nhưng đôi phen đi qua những khu kinh tế, thấy nhiều cơ sở hãng xưởng để hoang phế, trong có một khu xây cất lớn mà tàn tích chữ nghĩa để lại dưới nắng mưa cho du khách biết đó là khu giải trí Walt Disney's Land. Hỏi cô hướng dẫn viên nguyên do thì được cô thở dài giải thích: Bao nhiêu công của bỏ ra để xây khu giải trí đó, nhưng khi bước vào giai đoạn kiểm soát sau cùng, phía tư bản Mỹ đã vạch ra hàng ngàn sai sót không đúng với các tiêu chuẩn an toàn cơ sở đôi bên đã cam kết. Khế ước thế là bị hủy bỏ. Và cả khu giải trí khổng lồ Walt Disney's Land bên Tàu được bỏ mặc cho chồn cáo làm hang ổ.

Phải chăng ngọn Thanh Long Đạo kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa Tàu vẫn bị Mỹ và Tây phương nắm chặt đàng cán?

5/ Đi Tàu là một chuyến đi khá thú vị cho người tò mò muốn tìm hiểu và học hỏi, nhưng ăn uống thì rất là thảm thương, hạ cấp. Bạn cứ cảm bằng là thế nào bạn cũng sẽ bị ăn đồ thừa trong các tiệm ăn quốc doanh. Quan trọng hơn, đừng bao giờ bạn quên đem theo vài cuộn giấy vệ sinh đủ dùng cho suốt cuộc hành trình.

Người Pháp có câu: “Hãy cho tôi xem nhà vệ sinh của anh, tôi sẽ nói thực trạng dân trí nước anh thế nào!”

Đã đến Tàu, đã vào nhà vệ sinh Tàu ngay tại phi trường quốc tế Bắc Kinh và ta không tìm ra giấy chùi khu. Bạn hãy tự xét xem bạn có là người từng nổi lên cái mặt quá nề Tàu, phục Tàu và sợ Tàu không? Nếu đã, bạn cần xét lại để đừng nề, đừng phục và đừng quá sợ họ nữa!./.